

Dịch giả: HT. THÍCH THIÊN TÂM

Mấy điệu

Sen thanh

TẬP 3

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

**MÁY ĐIỀU SEN THANH  
TRỌN VẸN 4 QUYỂN  
QUYỂN 3**

Phật Lịch: 2542 –1998

## LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Túc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiều Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn

người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, Thượng Tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ nhơn đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÂY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ

điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

“Nương mình tựa án xem người cồ

Ăn bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN BA  
**TỨ CHÚNG VÃNG SANH**  
(tiếp theo)

LAN ĐÀI

Lan Đài là biệt hiệu của cư sĩ Bành Hy Tốc, tự Lạc Viên. Ông ở huyện Nguyên Hòa tại Tô Châu, vốn là cháu họ của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Năm 26 tuổi, ông đỗ Hương thí. Từ bé

Lan Đài đã thích ăn chay, đến tuổi thành đồng liền trường trai được 5 năm. Kế đó bị bệnh lạc huyết, mới trở lại dùng mặn. Nhưng do nhân duyên đau bệnh, Lan Đài phát tâm tín hướng Phật thừa, giữ lục trai, hằng tụng kinh Hoa Nghiêm. Mỗi ngày ông đều niệm Phật cầu vãng sanh, dù trong cảnh xe thuyền đi xa cũng chưa từng quên bỏ. Cư sĩ từng làm 10 bài thi Hồi hướng như sau:

### I

Lên xuống luân hồi mãi khổ đau,  
Kiếp trần giải thoát biết chừng nào?  
Ân cần sám lễ đài sen ngọc,  
Bất giác thương tâm lệ rạt rào!

### II

Gió nghiệp đưa người khó tự do,  
Huyền duyên vẫn khởi mối buồn lo!  
Nạn tai ma bệnh thay đổi lớp,  
Gần chót thương mình chẳng sớm tu!

### III

Đã hay sắc tướng vẫn không hư,  
Muôn kiếp tham si chữa dễ trừ !  
Xét kỹ chi bằng chuyên niệm Phật,  
Sáu căn thâm thập chẳng còn dư.

### IV

Ruổi dong khéo tính vẫn thua nhàn,  
Hơi thở mạng người sớm liệu toan!  
Còn ngại tu hành sai đạo chánh,

Đường mê vạn nẻo tới mênh mang.

V

Tịnh quán ngồi lâu bóng nhật tà,  
Cảm thông Cực Lạc lộ không xa.  
Mười năm lãng tử lìa quê cũ,  
Một niệm hồi quang thấy cảnh nhà.

VI

Rừng thưa gió lọt nổi tiêu cầm,  
Chim hót đầu cành điệu nhã âm.  
Trăm tám Bồ Đề ngày tháng niệm,  
Giống sen mùi trượng chẳng căn thâm.

VII

Tâm tâm nối tiếp niệm Di Đà,  
Muôn việc phù vân mặc trảy qua.  
Đâu đợi mãn phần về tịnh cảnh,  
Hiện tiền thân đã thoát Ta Bà.

VIII

Trần chương khi tan hiện pháp thân,  
Hồ thu nguyệt lạng sáng trong ngần!  
Bể âm thanh rộng ba ngàn cõi,  
Một niệm nghe vào dứt biệt phân.

IX

Sáu chữ trừ mê, giác cũng không,  
Niệm tâm niệm Phật, Phật tâm đồng.  
Ngàn đời phiền não tiêu tan sạch,  
Tô lạc, Dương chi thâm mát lòng!

## X

Trời người phước tạm sẽ không còn,  
Xin phát Bồ Đề thệ sắt son.

Nguyện lớn Phổ Hiền đầy pháp giới,  
Chưa sanh Cực Lạc dễ chi tròn!

Nhị Lâm cư sĩ thấy quyển Vãng Sanh Tập của ngài Vân Thê, sự và lời đều quá giản lược, muốn gom tìm lại những di tích vãng sanh xưa nay viết đầy đủ hơn để in ra. Lan Đài vui vẻ lãnh trách nhiệm phụ giúp, cùng vợ là Cố thị ra công sưu tầm, biên thành 9 quyển, lấy tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, cho khắc bản để lưu hành. Cư sĩ lại tự tay tả một bộ kinh Pháp Hoa gần trọn năm mới xong. Ngày mùng 3 tháng 10 niên hiệu Càn Long thứ 58, ông bị bệnh rét thêm kiệt lý rất trầm trọng. Biết mình khó thoát qua, cư sĩ từ trong phòng lần đi đến giường nằm của thân mẫu, không đề cập đến việc nhà, chỉ khuyên mẹ niệm Phật và nói: "Xin cố gắng tinh tấn, ngày kia sẽ gặp nhau ở Tây Phương!". Ba hôm sau, trước khi mãn phần, ông cho mời Trùng Cốc hòa thượng đến nhà, cầu thọ tam quy ngũ giới và khẩn thiết phát nguyện sám hối. Cư sĩ tự nói: "Trong vài bữa trở lại đây, tôi được tịnh niệm hiện tiền, cảnh sen nơi bảo trì đã chắc có phần vin nắm!". Sáng sớm ngày 13, Lan Đài bảo người nhà dời giường nằm hướng về phương Tây, trước mặt thiết tượng Phật tiếp dẫn. Cư sĩ lại cho thỉnh Trùng Cốc hòa thượng đến và thưa: "Xin nhờ thầy xưng hồng danh và trợ niệm cho con!" Rồi nằm nghiêng bên hữu miệng lâm



râm niệm Phật theo, đến chiều tối mới qua đời. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà, ông mới vừa 33 tuổi. Nhị Lâm cư sĩ đến phúng điếu, đề tặng bài thi rằng:

Bát ngát sen thơm khắp một phương  
Buông tay phút chốc lại hoàn hương.  
Xương Lê chẳng biết đường Tây độ  
Luống phụ năm xưa Thập nhị lang!(1)

Cô thi tên Uẩn Ngọc, cũng sớm thông tuệ, giỏi về thi văn. Năm 29 tuổi cô mang bệnh, ngồi kiết già niệm Phật mà vắng sanh.

Ghi chú:

(1) Hàn Tương Tử khi xưa, nguyên là cháu của Hàn Xương Lê tức là Hàn Dũ, tu tiên đắc đạo. Tương Tử thứ mười hai, nên cũng gọi là Hàn thập nhị lang. Biết chú mình sẽ mắc nạn, muốn cảnh giác trước để khuyên Hàn Dũ tu hành, Tương Tử đến nhà chơi, múc một chậu nước và làm phép. Giây phút nơi chậu mọc lên mười bốn cánh hoa, mỗi đóa đều có chữ, góp lại thành hai câu thi: "Vân hoành Tần lãnh gia hà tại? Tuyết ứng lam quan mã bất tiên!". Sau Hàn Dũ bị đày xa đến vùng đất Thục, ngoảnh lại thấy mây giăng ngang đỉnh non Tần, không nhìn biết quê nhà ở đâu. Trông tới trước thì tuyết phủ mờ biên ải, ngựa bị lạnh cóng chân không tiến bước được. Nhớ lại hai câu thi trước, nghiêm nhiên đứng với hoàn cảnh hiện thời, ông bỗng bàng hoàng hỏi hận!

## BÀNH THIỆU THĂNG

Cư sĩ Bành Thiệu Thăng, pháp danh Tế Thanh, tự là Doãn Sơ, người đời Thanh, ở huyện Trường Châu, tại Tô Châu. Từ thuở bé ông đã thông tuệ, lên mười sáu tuổi được bổ làm Chư Sanh, năm sau đỗ Hương thi. Năm kế đó lại đỗ Tiến sĩ, trọn đời an dưỡng không ra làm quan.

Ban sơ cư sĩ không tin Phật, chỉ ưa văn tự thế gian, có chí muốn giúp đời. Một hôm ông bỗng tự cảnh giác nói: "Tâm địa ta chưa sáng tỏ, biết làm sao?". Có kẻ bảo cho phép tu luyện đạo Tiên, ông tập theo ba năm không kiến hiệu. Sau đọc đến sách Phật, chợt tỉnh ngộ bảo: "Chỗ về của đạo là đây!". Từ đó ông mới tín hướng Phật thừa. Cư sĩ mến phong cách của Cao Trung Hiếu ở Lương Khê và Lưu Di Dân ở Lô Sơn, nên lại tự hiệu là Nhị Lâm, vì chỗ tu học của hai ngài trên đều gọi là Đông Lâm. Tế Thanh tánh thuần hiếu, khi cư tang mẹ, ngủ bên nhà tần ba năm. Lúc cha mất, ông lập đạo tràng niệm Phật nguyện đem công đức tụng mười bộ kinh Hoa Nghiêm, một ngàn quyển kinh Di Đà, một ngàn quyển kinh Kim Cang và mười triệu câu Phật hiệu của mình đã tu, hồi hướng cầu cho thân phụ được sanh về Cực Lạc.

Kế đó không bao lâu, cư sĩ bỏ hết tập quán theo đời, chuyên tâm tu học Phật pháp. Ông rất thích những tác phẩm của hai ngài Phương Sơn, Vĩnh Minh, suy tôn ngài Liên Trì và Hám Sơn làm bậc tiền đạo của tông Tịnh Độ. Năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ ăn chay trường. Qua năm năm lại thọ

giới Bồ Tát nơi ngài Văn Học Định. Từ đó ông không còn gần đàn bà, tự xưng là Tri Quy Tử, từng nói: "Tế Thanh này chí ở Tây Phương, hạnh ở kinh Phạm Võng". Cư sĩ có lời văn quì phát thệ trước bàn Phật rằng: "Nếu Tế Thanh con, đã thọ giới rồi mà còn phá giới, tăng trưởng pháp ác, hủy hoại căn lành, xin Hộ pháp chư Thiên tru diệt ngay để làm gương cho thế tục. Như con nghiêm sửa thân tâm, giữ gìn giới phàm, thì hết kiếp này nguyện được sanh về An Dưỡng. Xin mười phương Tam Bảo chứng minh, khiến con mau đắc Niệm Phật Tam muội. Nguyện con khi lâm chung xa lìa trần cấu, thấy đức Di Đà, nhẹ thoát về Tây, không còn chướng ngại. Khi đó nguyện cho kẻ thấy người nghe đều phát tâm như con, cầu về Cực Lạc, chứng Vô sanh nhẫn, rồi cùng trở lại Ta Bà độ khắp loài hữu tình đồng thành Chánh giác!". Sau cư sĩ bế quan ở Văn Tinh các tu môn Nhất hạnh tam muội, đề chỗ ở là Nhất Hạnh Cư. Ông có làm mười bài thi bế quan như sau:

## I

Lẩn quần phong trần tự bấy lâu,  
Mà chân hạnh phúc những là đâu?  
Ngày nay hồi hướng về An Dưỡng,  
Kiếp mộng vô minh đã dải dầu!

## II

Thân Phật bao la khắp thái hư,  
Điểm trần lạng lẽ chẳng còn dư!  
Chớ đem tri kiến nhiều phân biệt,

Một niệm hồi quang thấy Đại Từ.

III

Chuỗi lần trăm tám chẳng đuôi đầu,  
Mỗi niệm tinh minh mỗi hạt châu.  
Sáu chữ mở toang Vô tận tạng,  
Như như buông thả lại hồi đầu.

IV

Cảnh vườn tịch mịch tợ thâm san,  
Ngày vắng kia ai gõ bé quan?  
Nhấn bặt đồng tu nên tự tỉnh,  
Đừng theo ngoài cửa mãi mơ màng!

V

Dưới đỉnh Nghiêu phong ngập ráng mây,  
Ngon mùi lê hoát dạ vui đầy!  
Gió đông khéo mách niềm tâm sự,  
Tiếng Phật thâm trầm quá gác tây.

VI

Rừng lạnh ngàn mai nở trắng phau,  
Cành xuân chim hót giọng thanh thao.  
Hương nguyên vì niệm Quan Âm hiệu,  
Thinh sắc đường kia chớ lạc vào!

VII

Giữa đêm trừ tịch chốn môn đình,  
Phá cảnh u trầm xướng kệ kinh.  
Mãn khóa Pháp Hoa nhàn rồi việc,  
Chén trà Long tỉnh uống với bình.

## VIII

Ngược lên rồi lại cúi đầu trông,  
Liên quốc đâu từng cách điếm lông?  
Tiếng hát Ca lãng dà nói rõ,  
Đây miền chân tịnh chớ mê lòng!

## IX

Lại đối Ni Sơn hỏi cựa manh? (1)  
Cung đàn réo rắt điệu vô sanh.  
Trong bầu xuân sắc đi thông thả,  
Dưới gót hoa luân nở một vành.

## X

Hương Sơn lão tử rất thanh chân,  
Lối rẽ nhiều phen phải hỏi thăm! (2)  
Chớ xót nguồn hoa tin tức vắng,  
Cảnh xưa bên suối vẫn đầy xuân! (3)

Cư sĩ lại thuê họa sĩ vẽ bức tranh Cực Lạc thế giới, căn cứ theo chánh báo y báo trang nghiêm của ba kinh Tịnh Độ. Bức đồ này sửa đi đổi lại tất cả bốn lượt, trải nửa năm mới hoàn thành. Tế Thanh tự đề lời kệ rằng:

Nếu người muốn biết rõ,  
Chư Phật trong ba đời.  
Nên quán tánh pháp giới,  
Tất cả do tâm tạo.  
Tôi đọc kệ Hoa Nghiêm,  
Tin vào môn Tịnh Độ.

Do tịnh nguyện chư Phật,  
Thành cảnh diệu trang nghiêm.  
Tịnh nguyện như hư không,  
Chẳng ngăn các hình tướng.  
Nước công đức vô biên,  
Nổi hiện hoa sen báu.  
Mỗi hoa một chúng sanh,  
Có đủ Như Lai tạng.  
Bảo trì và bảo thọ,  
Câu lơ lửng vây quanh.  
Lớp lớp lâu các màu,  
Đầy khắp hư không giới.  
Hoặc tắm dòng hương thủy,  
Hoặc hưởng vị diệu thân.  
Hoặc ngồi thiền kinh hành,  
Hoặc tụng kinh nghe pháp.  
Hoặc giở đưng hoa đẹp,  
Cúng dường Phật mười phương.  
Hoặc bạn lành hội họp,  
Đồng vào Bồ Đề tràng.  
Các chim cùng nhạc trời,  
Phát xướng tiếng hòa nhã.  
Từ Văn vào Tư, Tu,  
Một niệm đều siêu việt.  
Huống đức Vô Lượng Thọ,  
Ngồi yên đài bảo hoa.

Mây từ che trời người,  
Mưa pháp nhuần nhả khắp.  
Nghe rồi được giải thoát,  
Thẳng đến ngôi nhất sanh.  
Việc lợi ích như thế,  
Vô cùng, chẳng nghĩ bàn!  
Cũng như họa sư kia,  
Một tâm biến các cảnh.  
Chẳng lia đầu lông nhỏ,  
Hiện chỗ ở Bảo Vương.  
Không phân biệt kia đây,  
Một tức khắp tất cả.  
Bức họa cùng người họa,  
Kết cuộc chẳng có chi!  
Nguyện những người nghe thấy,  
Nhu tôi cùng phát tâm.  
Nương niệm công đức này,  
Lên ngôi Bất thối chuyển.  
Đường vạn ức đâu xa,  
Ngay đây đã đầy đủ!

Cư sĩ thương chúng sinh đời mạt pháp không đủ chánh nhãn chống báng lẫn nhau, viết ra quyển Nhứt Thừa Quyết Nghi Luận, dung thông quan điểm hai đạo Nho, Thích. Lại trước tác quyển Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, hóa giải sự tranh chấp giữa Tịnh cùng Thiền. Và soạn thuật quyển Tịnh Độ Tam Kinh Tân Luận, phát huy những ý chỉ

từ trước nói chưa hết của Liên tông. Ngoài ra còn biên soạn các quyển: Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhơn Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tùy cơ tiếp dẫn. Những tác phẩm này được nhiều người truyền tụng và lưu hành rộng trong đời. Ông lại xuất ra muôn lượng vàng, phương tiện cho gây quỹ lấy lợi tức để tu tạo chùa, ấn tống kinh, trai cúng tăng, mở Cận Thủ Đường nuôi kẻ cô quả, đặt Nhuận Tộc Điền giúp hạng đói nghèo, dựng Truất Ly Hội trợ cấp người sương cư, lập Phóng Sanh Hội để châu toàn vật mạng. Những công đức ấy đều có văn phát nguyện hồi hướng cầu cho mình và các loài hữu tình đều sanh về Cực Lạc.

Cư sĩ nương các tăng xá thuộc vùng Tô, Hàng tịnh cư hơn mười năm, mỗi ngày đều có khóa trình tu niệm. Ông dự chế các điều khoản khi mình mạng chung, và không cho lập hậu. Mùa thu năm Càn Long thứ sáu mươi, cư sĩ bị nhiễm bệnh ở Văn Tinh Các. Sang tiết đông, tinh thần lần suy kém. Ông gọi cháu là Chúc Hoa giao cho quản lý các hội từ thiện, di chúc bảo duy trì đừng để suy mất. Một vị tăng là Chơn Thanh hỏi ông có thấy điềm lành chẳng? Cư sĩ đáp: "Đâu có điềm chi lạ, việc lớn của tôi ở vào ngày Khai ấn sang năm!". Qua xuân nhằm đầu niên hiệu Gia Khánh, ngày hai mươi tháng giêng, cư sĩ viết kệ từ thế rằng:

Thân số trầm luân tợ điểm trần  
Duyên sao chìm nổi chốn mê tân?  
Ngày nay thẳng hướng Liên hoa quốc  
Chớp mắt thu về vạn kiếp xuân!



Viết xong, ngồi kiết già niệm Phật mà thoát hóa. Lúc ấy quả nhiên nhằm ngày Khai ấn trong nhà. Ông hưởng dương năm mươi bảy tuổi.

Ghi chú:

(1) Ni Sơn, tức Ni Khâu Sơn, nơi sanh quán của đức Khổng Tử. Cựu manh, là lời ước hẹn cũ, có ý thâm trở cho tông chi đạo Nho. Một hôm, môn đệ của đức Khổng Tử đánh đàn, đến đoạn cuối khảy lên vài tiếng rền rang rồi chấm dứt. Ngài gọi thầy Tăng Tử bảo : "Này Tăng Sâm! Đạo ta một mà suốt tất cả!". (Sâm hô! Ngộ đạo nhất dĩ quán chi!). Câu này tự nhiên thâm hợp với ý "Một tâm hàm muôn pháp" của đạo Phật, nên cư sĩ gọi là cựu manh. Qua câu ấy, cung đàn kia chính là khúc điệu vô sanh vậy.

(2) Tuyết Sơn hay là Hương Sơn lão tử đều chỉ cho đức Thích Ca, vì cảnh Tuyết Sơn ở Ấn Độ có một vùng xanh tươi gọi là Hương Thủy. Hai câu trên ý nói đường tu nhiều lối rẽ, phải học hỏi Phật pháp mới đi đúng nẻo chánh.

(3) Nguồn hoa, tức là sự tích Đào Nguyên đã nói ở tập trước. Đây ý bảo: "Ngư lang chớ buồn xót vì lạc lối nguồn đào dẫn đến động Tiên, vì các pháp đều là Niết Bàn chân cảnh, nếu tâm thanh tịnh tất sẽ thấy nơi đâu cũng đầy vẻ xuân tươi đẹp cả".

**LỮ HUÁT NHƯỢC**

Cư sĩ Lữ Huất Nhược, người đời Thanh, quê ở Tiền Đường, ưa bố thí làm lành, siêng tu tịnh nghiệp. Ông trường trai hơn 20 năm, sớm hôm tụng niệm không lúc nào biếng trễ.

Năm Gia Khánh thứ 3, vào tháng 2, cư sĩ bỗng vương bệnh. Có người bạn là Chương Thuyên ở Thiều Khê, nhân việc cần đến Hàng Châu, ở trọ tại nhà. Đêm lại, Chương Thuyên mộng thấy một vị tăng ngồi kiết già ở trước sân xung Phật hiệu. Thuyên hỏi: "Su niệm Phật để làm chi?" Vị tăng đáp: "Lữ Huất Nhược có căn lành, chẳng còn mấy ngày nữa sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Nay ta niệm Phật để tiên đưa, việc ấy người chưa biết hay sao?". Chương Thuyên thức giấc lấy làm lạ, sáng ra đem thuật lại với con của Lữ là Văn Yên. Yên lộ vẻ bi ai thưa: "Cha cháu từ hạ tuần tháng giêng đã trời dặn việc sau, bảo ngày mùng 7 tháng 2 sẽ vãng sanh về Tịnh Độ. Nay bác đã mộng thấy điềm như thế, tất việc ấy đúng rồi!".

Đến đầu ngày mùng 6, nơi phòng nằm của Huất Nhược bỗng có hương sen lan tỏa thơm bát ngát, trải qua trọn đêm không tan. Sáng sớm hôm sau, hương càng ngào ngạt, Lữ Huất Nhược gọi người nhà bảo: "Đức A Di Đà cùng chư Bồ Tát đã đến tiếp dẫn!" Nói xong, ngồi chấp tay niệm Phật mà qua đời. Việc này Chương Thuyên có ghi rành rẽ thành thiên Truyện Ký.

## TÀO THÁNH HỮU

Cư sĩ Tào Thánh Hữu, người ở Gia Thiện, thường bị bệnh phong, tay chân co giựt. Do bệnh khổ, ông đến dâng hương nơi chùa Thiên Trúc, ở thành Hàng Châu, phát thệ trước Tam Bảo, nguyện trọn đời niệm Phật cầu vãng sanh không thối chuyển. Từ đó đi đứng nằm ngồi tiếng Phật không dứt, niệm đến lúc tha thiết, lại rơi lệ khóc thương. Cư sĩ tu hành tinh tấn như thế suốt 10 năm.

Niên hiệu Gia Khánh thứ 16, vào ngày 11 tháng 7, Thánh Hữu bảo con đến am Địch Thu ở bến Bắc tỉnh sáu vị tăng về nhà trợ niệm. Ngày 14 chư tăng đến, ông thưa: "Mười sáu tới đây, tôi sẽ về Tây Phương. Xin các thầy xưng Phật hiệu trợ niệm cho ba ngày. Công đức ấy nguyện vô vàn cảm tạ!". Bắt đầu từ hôm đó, mỗi ngày chư tăng niệm Phật 10 cây hương, mỗi hương chia ra phân nửa ngồi, phân nửa đi kinh hành, Thánh Hữu cũng tùy chúng niệm theo. Tới chiều ngày 16, khi đang ngồi niệm Phật, hương cháy vừa được vài tấc, cư sĩ liền thoát hóa.

### ***Lời bình:***

Người xưa niệm Phật hằng cảm kích rơi lệ. Đời nay tu hành thường theo bề ngoài mà cầu danh lợi. Giả sử có tinh tấn được nhứt thời, tiếp theo đó lại sanh ra biếng trễ. Cho nên dùng sức nhiều mà thành công ít, chính là bởi nguyên nhân ấy. Vậy hành giả cần phải lưu ý dè dặt.

**TRỊNH TRIỆU VINH**

Cư sĩ Trịnh Triệu Vinh tự là Đình Huân, người ở thôn Thanh Trạch tại Ngô Giang. Ông ăn chay từ thuở bé, tánh ưa thích làm lành. Tới tuổi trung niên, buôn bán tại Hán Khẩu, gia thế lần phát và thiện tâm cũng lần tăng.

Trước đó có vợ của người bạn đồng nghiệp, trong khi đau yếu, các âm binh bắt hồn dẫn đến một đền nọ. Cô này bị thần quở trách là bất hiếu, muốn phạt cho chết để giam cầm xử tội. Cô khẩn thiết van xin thì thần bảo: "Người muốn khỏi tội, thì phải đến bậc thiện như là Từ Đại Quân thương thảo mới được!". Tỉnh lại, cô y theo lời, liền được miễn. Từ Đại Quân ưa làm lành, tu tịnh nghiệp, trước nay vẫn là hàng chí thích của Trịnh Triệu Vinh. Nghe được việc này, Triệu Vinh phát lòng tin tưởng niệm Phật, mỗi ngày càng gia công. Ông khẳng khái bỏ ra muôn lượng vàng, xây dựng Thiện đường để cứu giúp kẻ cô đơn nghèo khổ, nguyện đem công đức này hồi hướng về Tịnh Độ. Khi khách đến, nếu chẳng phải việc cần, liền ẩn mặt tu niệm, không giao tiếp một lời. Lúc lớn tuổi, ông đem cái thợ dưỡng sanh bằng gỗ sao của mình nhường lại cho người. Cư sĩ thường mang tiền và chuỗi tràng đến các xóm nhà nghèo bố thí, ân cần khuyên người niệm Phật. Vào mùa đông, gặp lúc nghiêm hàn, dù cởi áo giúp cho ai khỏi rét, ông cũng không từ nan sên tiếc.

Vào tháng chạp niên hiệu Gia Khánh thứ 18, cư sĩ cảm bệnh nhẹ. Đứa con có việc muốn xin tạm xa nhà ít hôm, ông bảo: "Nên sớm trở về, ta sẽ vắng mặt trong một ngày gần

đây!". Đến kỳ hạn, cư sĩ ngồi xây mặt về phương Tây, quỳn thuộc đứng vây quanh, ông bảo: "Mau xưng Phật hiệu trợ niệm, Bồ Tát đã giáng lâm rồi!" Mọi người vừa chấp tay niệm Phật, bỗng nghe mùi hương lạ bay ngào ngạt. Giây phút cư sĩ liền vãng sanh, thọ được 78 tuổi.

## NGÔ LIÊM

Ngô Liêm tự Ty Mưu vốn là hàng Chư sanh ở Nguyên Hòa, cha ông thờ kính Tam Bảo, có quen một vị tăng ở chùa Sư Lâm. Lúc thân phụ bệnh, vị tăng thường đến thăm viếng và khai thị pháp môn niệm Phật. Ngô Liêm ở gần bên nghe được, bỗng chợt tỉnh ngộ, quy hướng về Tây Phương.

Cư sĩ tánh đơn giản thâm lặng, tuy niệm Phật không xen hở, nhưng người ngoài không ai biết. Đến hơn ba mươi tuổi, vì nhà nghèo phải làm nghề dạy học. Lúc đi thi được đỗ đầu, ông cũng không lộ sắc vui. Cư sĩ từng bảo thân hữu rằng: "Chí của tôi có chỗ khác lớn hơn, chớ không ở nơi khoa bảng!". Chẳng bao lâu, nơi dạ dưới của ông bỗng nổi một cục bứu chữa trị mãi không lành. Một hôm bứu vỡ ra, máu chảy nhiều, cư sĩ nhân cảm tác hai bài thi rằng:

### I

Thịt thừa theo bám lấy thân thừa,  
Mà kiếp tàn sanh đã chán chưa?  
Bốn đại suy ra không ngã tướng,  
Huyền thân tươi trẻ được bao mùa?

### II

Chẳng lựa tìm thầy hỏi thuốc xa,  
Bệnh duyên nhân biết chỉ mình ta.  
Từ nay hôm sớm Di Đà Phật,  
Chúng đến Kim Cang bất hoại mà!

Ngô Liêm nằm luôn hai tháng, bệnh khổ càng tăng, song niệm lực càng bền chắc. Ba hôm trước khi mãn phần, cư sĩ dự biết ngày giờ, dặn người nhà để cho mình thanh tịnh. Đến kỳ hạn, xin thỉnh vài bậc danh tăng trợ niệm, rồi trong tiếng Phật hiệu, ngồi chấp tay mà vãng sanh. Lúc ấy nhằm ngày hai mươi ba tháng hai, niên hiệu Gia Khánh thứ mười chín.

## TRÂM ĐÌNH DU

Cư sĩ Trâm Đình Du, người đời Thanh, quê ở Gia Hưng. Tánh ông đoan nghiêm cẩn thận, khi hữu sự đều chính tự tay mình làm. Thường ngày cư sĩ niệm Phật không dứt tiếng, cả những lúc làm việc, hoặc đi đứng nằm ngồi. Nhiều người trêu cười, song ông không để ý đến. Cư sĩ tu trì như thế vài mươi năm, thường nói: "Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh!"

Đến 73 tuổi, một hôm ông cảm bệnh sơ sài, bảo người nhà rằng: "Đức A Di Đà đã đến, hãy thắp sáng đèn nến nơi bàn thờ!". Rồi đốt hương cầm nơi tay niệm Phật mà vãng sanh. Bấy giờ nhằm ngày 19 tháng 3 năm Gia Khánh thứ 19.

*Lời bình:*

"Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh", đó mới thật là cảnh động tịnh nhưt như, đi sâu vào tam muội. Kẻ theo danh lợi, thường nói: "Tôi bị nhiều việc phân tâm, không rảnh để niệm Phật!". Hoặc bảo: "Nếu chuyên niệm Phật, còn tâm tư đâu mà lo việc khác?". Đó là những lời nói chưa kinh nghiệm, cũng là trạng huống của tâm giải đãi. Nếu không tu hành, khi cái chết chợt đến, phải buông bỏ tất cả chỉ có tội tướng theo bên mình, đó là lỗi của ai ư?

## TRƯƠNG HIẾU LÂM

Cư sĩ Trương Hiếu Lâm, hiệu Lộc Tuyên, người đời Thanh, quê ở Hoa Đình. Ông thờ Phật rất thành kính, ưa bố thí, ai có việc gấp đều tìm đủ cách giúp đỡ không ngại khó khăn. Mỗi ngày cư sĩ tụng kinh Kim Cang, A Di Đà và niệm Phật một muôn câu.

Niên hiệu Gia Khánh thứ 23, một hôm ông dậy sớm, bảo người nhà rằng: "Ta mộng thấy hoa sen đã nở!". Đến tháng giêng năm sau, một đêm cư sĩ đốt hương, ngồi xây mặt về Tây, tụng Di Đà, Tâm kinh qua một lượt rồi đánh lễ 3 lần. Xong lại ngồi chấp tay niệm Phật thắm đến nửa đêm, mỉm cười mà vãng sanh. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà.

Trước khi ấy, con thứ tư của Hiếu Lâm là Ký Chung tu tịnh nghiệp cũng thích bố thí, giúp kẻ cấp nạn y như cha. Ông ăn cơm rau mặc áo vải, sống rất đơn giản, hiếu thuận với cha mẹ. Mẫu thân qua đời, Ký Chung thương khóc ốm gầy, thổ huyết vài chén, nói: "Cha còn có ba anh ở lại, con

xin đi!". Rồi ngồi bên linh cữu mẹ, niệm Phật lâm râm, trải qua 3 ngày, cầm chuỗi mà mẫn phần. Gương hiếu thuận chân tu này được ghi chép vào Truyện Ký ở bản quận.

## PHAN VẠN TÔN

Cư sĩ Phan Vạn Tôn, người ở cửa khẩu Lê Kinh tại Ngô Giang. Tuổi trung niên, đứa con trai duy nhất mẫn phần, ông thương buồn phát tâm xuất thế, đến non Phật Đảnh ở Nam Hải cầu Tạng Ngô hòa thượng xuống tóc. Ngô công bảo: "Người còn mẹ già, việc ấy chưa thể được. Huống chi sự tu hành không phải ở nơi xuất gia. Được một người bạn lành lúc bất thường nhắc nhở cũng đủ để tiến đạo!". Vạn Tôn nghe nói mới thôi.

Từ đó ông quy y Tam Bảo, tinh tấn tu hành, lúc hơi lớn tuổi lại ăn chay trường. Cư sĩ vốn có bệnh gẻ lác nơi hạ thể, đến thời gian đó chứng ấy bỗng phát nặng, lan lên khắp đầu mặt. Bị sự đau ngứa nhức nhối chịu không kham, ông tới mé sông muốn tự vận. Một bạn đạo là Định Xuyên biết được, theo ngăn lại bảo rằng: "Bệnh từ nơi nghiệp mà khởi, nghiệp lại do tâm sanh. Nếu đem lòng chán buồn hờn oán tự trầm, thì gốc mê càng sâu đời sau thêm khổ, điều ấy há không đáng sợ ư? Như anh xét biết nghiệp mình, hối ngộ tự trách, cố gắng nhẫn chịu, gia công tu hành, thì tai họa chính là cái duyên hay để tăng tiến phước huệ vậy. Thuở xưa có nhiều bậc càng tu nạn tai lại càng lắm, nhưng nhờ biết hối ngộ giữ chánh niệm, nên khi lâm chung đều có điềm tốt



vãng sanh. Cho nên nghiệp lực tuy mạnh, song tâm lực lại càng mạnh hơn, có sự chuyển biến khó nghĩ bàn là như thế ấy!".

Vạn Tôn nghe nói chột sáng suốt tỉnh ngộ, bỏ ý nghĩ quỳên sanh, niệm Phật càng siêng năng tha thiết. Hơn một năm sau, bệnh thuyên giảm lần rồi dứt hẳn. Niên hiệu Gia Khánh thứ tư, vào tiết Trọng Hạ, cư sĩ bỗng thấy nơi cửa tịnh thất mây đẹp nổi hiện xoay vần, trong ấy ẩn hiện một chiếc hồ lô phóng ánh sáng. Ngày mùng 1 tháng 10 năm đó, ông cảm bệnh nhẹ. Ba hôm sau, cư sĩ tắm gội thay y phục mới sạch, rồi ngồi ngay thẳng nơi giường, nhờ vợ xưng Phật hiệu để hộ trợ. Ông cũng lâm râm niệm theo, giây phút yên lặng mà thoát.

Sau khi cư sĩ vãng sanh, bà vợ đem y phục thiêu hóa. Lúc lửa tắt, nơi tro hiện ra tượng Tây Phương Tam Thánh, mày mắt rõ ràng, các nếp áo cũng lồ lộ đầy đủ. Ngày chiều hôm, người vợ đem đốt một chiếc áo lót, trong tro lại hiện ra vài mươi chữ lớn sắc đỏ. Nhưng rất tiếc bị kẻ không biết quét xóa đi. Người xa gần nghe chuyện này đều kinh lạ thờ than khen ngợi. Cư sĩ hưởng thọ được 66 tuổi.

## TRÂM THƠ HOA

Cư sĩ Trâm Thơ Hoa, hiệu Trử Trà, vốn là một vị Hiếu Liêm ở Tiền Đường. Từ thuở bé ông đã biết kính tin ngôi Tam Bảo, gắng sức làm lành. Lớn lên thường in kinh Phật

và các sách khuyến thiện để ấn tống. Đến như các việc giới sát phóng sanh, lại càng thiết thật tuân hành.

Tuổi trung niên, cư sĩ thọ ngũ giới, trường trai thờ Phật, chuyên tâm về Tịnh Độ. Mỗi ngày ông đều tụng kinh A Di Đà, niệm Phật năm muôn câu, trải vài mươi năm như thế không hề thiếu sót. Lúc lớn tuổi, được tuyển làm giáo chức ở Ninh quận, song khước từ không nhận. Cư sĩ có tự vẽ một bức họa mình ngồi kiết già nơi hoa sen để nêu rõ ý chí. Một đêm vào khoảng cuối canh tư, ông bỗng thấy trong thất sáng tỏ, cho là trời đã rạng, vội trở dậy rửa mặt để lễ niệm. Nhưng được một lúc lại trở tối như cũ. Nửa tháng sau khóa lễ sáng vừa xong, cảm thấy trong người mỗi nhược, cư sĩ lại giường thâm niệm Phật không dứt. Chiều hôm kế, chấp tay yên lặng mà qua đời. Lúc ấy nhằm ngày rằm tháng chạp, niên hiệu Gia Khánh thứ 24.

### ***Lời bình:***

Cổ nhơn có vị thấy ánh sáng trong suốt như gương hiện nơi vách, có vị thấy quang minh êm dịu tựa ánh trăng hiện trên ngọn tháp. Trong Vãng Sanh Tập cho đó là sự ứng nghiệm do thân tâm yên lặng sáng suốt hiện ra. Ánh sáng trong thất mà Thơ Hoa trông thấy, âu cũng là hiện tượng đó chăng?

## **HỨA NHÂN THỰC**

Hứa Nhân Thực, người ở Nam Hương huyện Đan Đô. Cư sĩ tánh thuần hậu thông minh, lại rất hiếu thuận. Do cha

là Ngô Thành chuyên tu tịnh nghiệp, nên Nhân Thục cũng kính tin ngôi Tam Bảo, thường trì tụng chú Chuẩn Đề. Lên 15 tuổi, cư sĩ vào ở trọ trong thành học tập nghiệp khoa cử. Khi có tiền dư, lại phóng sanh giúp kẻ nghèo khổ. Thân phụ muốn tìm nơi hỏi vợ cho, ông đều từ chối.

Đến 22 tuổi, Nhân Thục ứng khoa Viện thí xong, mang bệnh lạc huyết. Vài năm sau, bệnh lâm vào cảnh trầm kha, nằm kê rên nơi giường bệnh. Ngô Thành hiểu dụ cho rằng: "Bệnh vốn do nghiệp trước chiêu cảm. Đức A Di Đà ở thế giới Cực Lạc là đáng vô thượng y vương. Nếu con phát tâm niệm Phật cầu sanh về cõi đó, thì nghiệp trầm kha vạn kiếp sẽ được thoát hẳn trong một sớm chiều". Nhân Thục nghe nói tỉnh ngộ, xin thỉnh Tuyết Cốc hòa thượng ở chùa Trúc Lâm đến nhà, cầu thọ Tam quy Ngũ giới. Kế đó cư sĩ phát lộ sám hối, quyết chí niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Đến ngày mùng 8 tháng 4, lại xin mời chư tăng tới nhà niệm Phật trong 7 hôm. Mãn kỳ hạn, liền nhờ xuống tóc, rồi mặc đồ tu. Quyển thuộc trông thấy đều sa nước mắt lộ vẻ bi cảm. Nhân Thục nói: "Xin tránh đi nơi khác, đừng làm loạn chánh niệm của tôi!". Từ đó cư sĩ càng gắng hết sức niệm Phật. Sang mùng 1 tháng 5, lại cầu thỉnh chư tăng niệm Phật thêm một kỳ hạn 7 ngày nữa. Trong khóa niệm, bệnh chuyển nặng, chỉ còn nằm ngửa nơi giường khó nổi dậy trở. Nhân Thục bèn dứt cả ăn uống chuyên lòng niệm Phật chờ vãng sanh. Đến chiều ngày thứ sáu, cư sĩ thưa với cha rằng: "Con sắp đi, đêm nay có thể viên mãn!". Ngô Thành hiểu ý,

thiết bàn Phật trước mặt bình nhơn, đốt hương lên đèn, xin chư tăng đứng hai bên trợ niệm. Tới nửa đêm, ngoài cửa song bỗng có ánh sáng đỏ chói trời, chớp lên vài lượt. Nhân Thục tự gắng sức nằm nghiêng bên hữu, chấp tay mỉm cười mà qua đời. Lúc ấy cư sĩ mới vừa được 25 tuổi.

Ngộ Thành tự là Tâm Tăng, có làm nhiều thi kệ vịnh đạo, được lưu hành nơi đời. Nay xin lục ra 4 bài như sau:

### I

Chẳng trụ có, không, dứt biệt phân,  
Một lòng nhàn tản tự phù vân.  
Hoa vàng trúc biếc phô mùi đạo,  
Đề ý tìm cầu lạc lối chân.

### II

Cần tu tịnh nghiệp thoát trần duyên.  
Dẹp mối suy tư thấu lẽ huyền.  
Nếu lại nghi ngờ sanh thức kiến,  
Mây mù che khuất cảnh thanh nhiên.

### III

Đàm tông nói giáo luận tuôn trào,  
Tranh tỏ thông minh thấy hiểu cao.  
Sao kịp bền tu, tâm hạnh thật,  
Di Đà sáu chữ trăm ma đao.

### IV

Muôn kiếp chìm mê hỏi ngộ chầy,  
Đường tu lối rẽ thấy nhiều đây!  
Trả xong duyên huyễn thành vô lậu,

Một đóa sen màu nở cõi Tây.

## CHÂU QUANG

Châu Quang hiệu Tây Liên cư sĩ, vốn là hàng Chư sanh ở Giang Ninh. Ông bảm tánh thuần hậu, lạnh nhạt với lợi danh, tuy gia thế sang giàu, song tuyệt không thói khoe khoang khinh ngạo. Đến tuổi trung niên, cư sĩ trường trai thờ Phật, mỗi ngày tụng kinh Kim Cang, niệm Phật vài muôn câu nguyện sanh về Cực Lạc. Khi gặp bè bạn, sau vài lời hàn huyên liền đề xướng pháp môn Tịnh Độ, khuyên nhắc tu hành. Ông từng xuất của mình và quyên góp tiền in kinh Di Đà Sớ Sao, tự tay kiểm duyệt, cho lưu hành khắp miền Giang Hoài. Lúc lớn tuổi, thần khí vẫn khỏe mạnh, niệm Phật càng tinh tấn.

Mùa thu năm Gia Khánh thứ 22, cư sĩ mang chứng sán khí rất nặng, song vẫn trì niệm không thôi nghỉ. Chẳng mấy lúc bệnh được lành, có người hỏi đến việc đó và khen ngợi, ông bảo: "Trong khi bệnh ngặt, ban sơ tôi cũng đau đớn khó nhẫn. Kế tưởng đến thân đã là giả, thì bệnh khổ cũng không phải thật. Huống chi thân đối với tâm, sự tinh thô chia cách rõ ràng, cứ để cho thân mặc nó đau đớn, tâm ta đừng nghĩ tới và chuyên niệm Phật. Như thế thân bệnh không làm ngại đến tâm ta được. Tôi theo ý nghĩ đó mà thật hành. Trước tiên dù cố quên thân chuyên niệm Phật, song vẫn còn cảm biết đau đớn. Kế đó lần lần quên đau, nhưng lại thấy có thân cùng tâm đối lập. Sau lần lần chỉ biết có tâm, chẳng

thấy có thân. Do đây không còn bị cơn đau đón hành hạ chi phối, và bệnh cũng được lành!". Về sau cư sĩ niệm Phật mà qua đời. Ông từng làm hơn 100 bài thi Tịnh Độ, cho khắc bản lưu hành nơi đời. Xin lược trích vài bài như sau:

## I

Sớm về An Dưỡng mà ngời ngời,  
Đừng đời Ta Bà luận có không.  
Lửa nghiệp khi hừng dùng sức định,  
Niệm trần lúc khởi gắng ra công.  
Nén hương siêng lễ ba ngàn Phật,  
Tràng chuỗi cần chuyên một tác lòng.  
Cám nỗi mẹ hiền trông tựa cửa,  
Hằng hờ du tử chạy Tây Đông.

## II

Ta Bà cõi nghiệp sự tung hoành,  
Nói đến Liên Bang mộng cũng thanh.  
Hơi thở chẳng vào ngàn kiếp hận,  
Tác dương dám trễ sáu thời danh.  
Như gà ấp trứng liền hơi ấm,  
Tợ lửa nung vàng luyện mới tinh.  
Một niệm gốc tình trừ sạch hết,  
Tánh chân lộ lộ khối viên minh.

### **Lời bình:**

Đức Phật bảo: "Nỗi khổ không chi quá hơn có thân! Cho nên có thân là có tội nghiệp, có tội nghiệp tức có đau khổ. Nếu biết được thân là giả, khổ không thật, soi trở lại nguồn,

thì tội khổ tiêu tan, vọng tâm cũng mất". Biết hướng theo đường lối này, Tây Liên há chẳng phải là bậc trí đó ư?

## LỘ KHÔN

Cư sĩ Lộ Khôn người đời Thanh, quê ở Giang Ninh. Ông tánh từ thiện, rất tin ngôi Tam Bảo. Lộ Khôn có người em làm quan, mỗi khi ông đến viếng thăm ở lại chơi, thấy trong nhà trù hăng ngày đều sát sanh rất nhiều. Cư sĩ thương xót, thường đem lý nhân quả tội phước ra khuyên dụ em, song nói mãi vẫn vô hiệu. Thấy thế, ông liền phát nguyện trường trai, rồi ở ngay trong dinh thự em, chích máu nơi lưỡi tả kinh A Di Đà, cầu sanh Tịnh Độ.

Sau khi đó, cư sĩ từ già trở về nhà, mỗi ngày đọc sách dạy con, lấy đạo làm vui. Khi con đã khôn lớn, ông bảo nó dạy học để tự nuôi sống. Từ đó cư sĩ chẳng hỏi đến việc nhà, một lòng niệm Phật, dù tiết lạnh nóng, lúc đau bệnh cũng không thôi bỏ. Ông giao hảo với Châu Quang, thường đem sự tịnh tu để sách tấn lẫn nhau. Lộ Khôn thân thể vốn mập mập khỏe mạnh, song do tu trì khắc khổ, nên ngày lần ốm gầy. Lúc lớn tuổi hình tướng khô khan, nhưng khóa tụng càng tăng, tất cả công đức việc lành đều hồi hướng về Tịnh Độ. Ông rất thích kinh Kim Cang, mỗi ngày đều quỳ tụng trước bàn Phật, tuy lúc mệt mỏi khốn đốn, chưa xong quyển quyết không đứng dậy. Có một độ, cư sĩ bị bệnh nguy ngập sắp chết, người nhà đều dự bị sẵn đồ tẩm liệm. Trong cơn mê man, ông thấy tám vị Phạm tăng, thân đều cao lớn

hơn một trượng, đi vào nhà lập đàn tràng, vì mình làm Phật sự. Ông đang theo các vị ấy tụng kinh A Di Đà, bỗng nhiên chợt tỉnh, tiếng trì niệm còn văng vẳng nơi tai.

Sau khi đó, bình dương như mất hẳn. Không bao lâu, cư sĩ chẳng đau yếu chi, niệm Phật mà vãng sanh.

## NGÔ DOÃN THĂNG

Cư sĩ Ngô Doãn Thăng, tự Thường Đạo người huyện Hấp ở Huy Châu. Lúc tuổi trẻ ông thường đi lại mua bán nơi vùng Tô, Hàng. Trong cuộc du ngoạn chùa núi Hồ Khâu, một vị tăng tình cờ gặp mặt ông nhìn kỹ đoạn bảo: "Người cũng có căn lành, song tiếc vì lúc hai mươi chín tuổi bị nạn chết đấm, biết làm sao?". Doãn Thăng nghe nói sợ hãi, cầu thỉnh phương pháp giải cứu. Vị tăng trầm ngâm giây lát rồi dạy: "Từ nay trở đi, người phải giới sát phóng sanh. Mỗi ngày đều nên chí thành trì chú Đại Bi và niệm Phật, may ra có thể thoát khỏi!". Doãn Thăng tin nhận thật hành, lại thường đem điều này khuyên người.

Đến năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ từ Hàng Châu nương thuyền trở lại quê nhà. Bạn đồng hành được tất cả mười bảy người. Khi thuyền trương buồm ra đi độ vài mươi dặm, ngọn thủy triều chợt âm âm xô đến, sóng to nổi dậy thế rất nguy cấp. Doãn Thăng chợt nhớ lời vị tăng nói khi trước, vội chắp tay niệm Phật. Giây phút thuyền lật úp, ông và tất cả hành khách đều bị cuốn lôi theo sóng nước. Trong cơn hoảng hốt mơ màng, bỗng nghe tiếng nói: "Ngô Doãn



Thăng khuyên người niệm Phật có công, được thoát khỏi nạn này!". Cư sĩ vội mở mắt nhìn xung quanh thì thân đã nằm trên bờ, bên mình có những người chài lưới đang vục tỉnh. Kiểm điếm lại, mũ giày hành lý đều bị nước tuôn mất hết, duy có xâu chuỗi mười tám hạt bình nhật thường trì niệm hãy còn nắm chắc nơi tay. Còn mười sáu người kia đều bị trôi chìm không thấy tung tích. Từ đó ông càng tin công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cư sĩ không trở về quê, ở lại mở ngôi quán xem tướng, mượn nhân duyên này để nói lý nhân quả, khuyên người tu niệm.

Sau cơn hoạn nạn, Doãn Thăng hành trì càng tinh tấn. Ông đốt liêu hương nơi cánh tay thành bốn chữ "Cầu sanh Tây Phương" để nêu rõ hạnh nguyện của mình. Người ở Hàng Châu theo di phong của Tổ Liên Trì, phần nhiều đều tín hướng pháp môn niệm Phật. Song những kẻ thật hành, lại là người già cả, không có hạng thiếu niên. Mỗi tháng họ tập hợp lại chùa niệm Phật, gọi là Lão Nhi Hội. Sự tập hợp cũng không dám đi đông nhiều, vì sợ bị hiềm nghi là dị giáo mưu đồ chánh trị. Doãn Thăng khẳng khái tuyên bố với mọi người: "Môn niệm Phật không phân biệt nam nữ già trẻ sang hèn. Đạo Phật là chánh giáo được triều đình mến ưa công nhận, tại sao lại phải e sợ?". Lúc ấy Diên Kiểm Điền, một quan chức quyền quý, đang chủ duyệt kiểm tra về thuế muối ở Hàng Châu, cùng cư sĩ có tình cưu hảo. Nhân cơ hội, ông mở cuộc lạc quyên, trước tiên đến Diên công được ngài góp vào hai trăm lượng vàng để làm

thủ xưởng. Với số tiền quyên được, cư sĩ đặt thành quỹ phương tiện thâm lợi tức nhẹ mở mang hội niệm Phật tại chùa Bảo Thành ở núi Tử Dương và làm các việc từ thiện. Mỗi khi gặp ngày hội kỳ, ông vì quần chúng giảng giải Phật pháp, nói lý nhân quả. Kẻ chưa phát tâm khuyên cho phát tâm, người đã phát tâm khuyên tinh tấn tu niệm. Cư sĩ lại mở thêm chi hội nơi chùa Tiên Lâm ở trong thành cùng các chỗ khác để khuyến hóa. Kẻ tin tưởng niệm Phật ngày càng đông có đến số ngàn. Mỗi khi tập hợp, tất cả đều nghiêm trang kính cẩn, không buông lung rộn ràng huyên não. Tượng Tam Thánh cao một trượng sáu nơi điện Tây Phương tại chùa Tiên Lâm, cũng do người trong hội kiến tạo. Một buổi sáng đang lúc tập hợp niệm Phật, đại chúng thấy từ trong mũi tượng Đại Thế Chí Bồ Tát phóng ra một đạo bạch quang bay vòng quanh nơi điện đình hơn vài khắc mới tan mất.

Từ đó ở thành Hàng Châu phong thái niệm Phật thanh hành. Các vùng xung quanh cũng được ảnh hưởng cảm hóa, trẻ già trai gái tay cầm tràng, miệng niệm Phật, là chuyện thông thường không còn xa lạ. Danh hiệu Doãn Thăng đàn bà con trẻ đều biết. Mỗi kỳ hội, các nơi thay phiên nhau thỉnh cư sĩ đến diễn giảng. Ở Tây Hồ có chùa Linh Phong, nguyên là di tích của Phục Hồ thiền sư, hư phế đã lâu. Trong niên hiệu Đạo Quang năm đầu, Doãn Thăng phát nguyện trùng hưng, tu tạo vài năm mới lạc thành. Cư sĩ mãn phần lúc sáu mươi sáu tuổi. Khi lâm chung ông giữ chánh

niệm phân minh, tự nói: "Tôi thấy vô số Bồ Tát đi kinh hành ở trước mặt!". Rồi ngồi ngay lạng lẽ mà hóa. Bảy giờ nhằm ngày mừng một tháng năm, niên hiệu Đạo Quang thứ chín.

### ***Lời Bình:***

Lộ Khôn niệm Phật vốn cầu vãng sanh, mà kiêm thoát được bệnh khổ trong hiện tại. Doãn Thăng niệm Phật chỉ mong khỏi nạn, nhưng lại cảm điềm lành tốt lúc lâm chung. Thế thì ai bảo: "Công đức niệm Phật duy có lợi ích sau khi mãn phần ư?". Xem gương trên, hai vị đều gắng sức thật tu, tin chắc không đổi. Người đời nay đem công phu chút ít, cầu lợi ích quá phần, đến khi thấy vô hiệu, trở lại cho rằng Phật pháp không linh nghiệm, rồi bỏ hết việc tu hành há chẳng đáng ngậm ngùi thương tiếc lắm ru!

---o0o---

## **TỪ THỊ**

Từ thị người ở Tòng Giang, gả về nhà chồng là Dương Phát Trai tại bản quận. Năm 32 tuổi, cô ăn chay trường niệm Phật kiêm chí thành trì chú Đại Bi cầu sanh Cực Lạc.

Mỗi bữa khuya, cô thức dậy sớm súc miệng rửa mặt, lên hương đèn, lễ bái tụng chú Đại Bi 21 biến, niệm Phật 1000 câu, rồi mới lo đến việc nhà. Cô tu hành một mực không đổi thay thiếu sót như thế, trải vài mươi năm. Mùa hạ niên hiệu Càn Long thứ 35, Từ thị cảm bệnh nhẹ. Đến ngày

mùng 8 tháng 6, cô theo lệ thường tụng niệm. Khi vừa trì chú được hơn một khắc, người nhà cảm nghe âm thanh lần thoát ra ngoài cửa. Tất cả chạy lại xem thì cô ta đã mỉm cười ngời thoát hóa. Bảy giờ, nhằm thời tiết nóng nực, để quàn ba ngày, nhan sắc vẫn tươi như sống. Đến khi thiêu hóa y phục, các ngọn lửa bốc lên, đều hóa thành hình hoa sen năm sắc. Mọi người trông thấy lấy làm lạ, thở than khen ngợi.

## TÀO THỊ

Tào thị nguyên là mẹ của Bá Thiên Hựu ở Thường Châu. Thiên Hựu bình sanh ưa làm điều lành, thờ phụng Lữ Đồng Tân chơn nhơn rất nghiêm cẩn. Ông thường phò cơ hỏi về cách thức tu Tiên, khi thỉnh vấn xong lui ra lên bờ đoàn lạng lòng nhắm mắt ngồi tịnh.

Sau Thiên Hựu đến Tô Châu, có người trao cho quyển Tây Phương Xác Chỉ, trong ấy bài bác đạo Tiên, chỉ dạy Tịnh Độ, ông mới hồi hướng về Phật thừa. Tuy nhiên trong lòng còn chút nghi ngờ, ông đem điều ấy thưa hỏi Lữ Tổ. Chơn nhơn đáp: "Người chớ nên nghi ngờ, khi tam tai đại kiếp đến nơi, bọn Thiên Tiên chúng ta cũng không đường tránh khỏi. Cõi Tịnh Độ là nơi vui nhàn an ổn, dễ bề tiến đạo, người nên cố gắng niệm Phật cầu vãng sanh!". Nhân lại bảo nên tụng thêm kinh Kim Cang Bát Nhã. Thiên Hựu nghe nói mới tin nguyện vững chắc, dứt hết lòng nghi.

Lúc ấy Tào thị đã 64 tuổi, cảm bệnh nhiệt rất nặng. Thiên Hựu nghe tin, từ Tô Châu trở về, thấy mẹ đã tắt thở, chỉ còn hơi ấm nơi ngực, người nhà lo sẵn quan tài và đồ tẩm liệm. Ông cảm xúc khóc rống, tụng Bạch Y Thần Chú một muôn hai ngàn (12.000) biến cầu với Quán Âm Đại Sĩ, xin giảm thọ số của mình một kỷ để cho mẹ được sống thêm. Hôm sau Tào thị bỗng tỉnh lại đòi uống nước, trải vài ngày mới hồi phục. Bà cho biết khi mình mới vừa chết, liền bị hai sứ giả dẫn đi, trải qua các ty Thổ Địa, Thành Hoàng, kể đến phủ Đông Nhạc. Phủ quan bảo: "Con của người đã vì mẹ chí thành cầu đảo, nguyện nương nơi sức Bạch Y Đại Sĩ xin giảm kỷ để tăng thọ cho mẫu thân. Bởi nguyên do ấy, nên ta cho người được hoàn sanh!". Rồi dạy mình quan đưa trở về. Thiên Hựu liền mượn nhân duyên đó, khuyên mẹ tu tịnh nghiệp. Tào thị bèn trường trai, mỗi ngày đêm chia ra 3 thời, lần chuỗi niệm Phật hồi hướng về Tịnh Độ. Mười hai năm sau, khi đến 76 tuổi, vào ngày rằm tháng 9, bà thức dậy sớm bảo Thiên Hựu rằng: "Mẹ sắp đi, con hãy mời hàng thân thuộc đến để giã biệt". Ba hôm sau Tào thị tắm gội thay y phục, rồi nằm nghiêng bên hữu mà qua đời.

Thiên Hựu có người cô là Hứa thị cũng trường trai niệm Phật mà chưa thể chuyên nhứt. Ông rước về nhà, khuyên cô buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật. Hứa thị y theo lời. Bảy giờ bà đã 65 tuổi, từ tháng 3 đến tháng 6 niệm Phật không xen hở. Một hôm bà đến trước Thiên Hựu cúi xuống lạy. Ông kinh hãi hỏi lý do, bà nói: "Cô hơn 60 năm điên

đảo trong vòng mộng tưởng, chưa từng được một ngày an vui. Từ khi được cháu dạy cho niệm Phật đến giờ, sáng niệm thoáng chốc đã đến tối, tối niệm giây phút đã thấy sáng, sự an vui trong đời còn chi hơn đây? Nếu chẳng nhờ cháu hướng dẫn thì đâu được như thế, cho nên cô mới đánh lễ tạ ơn!". Thiên Hựu nhân đó khen ngợi cõi Cực Lạc trang nghiêm và bảo: "Chỉ được nhưt tâm, cảnh Phật tự hiện. Khi Thánh cảnh hiện ra, cũng chớ sanh tham trước!". Lại trải qua ba tháng, một đêm Hứa thị đang ngồi niệm Phật, bỗng thấy kim liên hiện ra trước mặt, giây phút hóa thành trăm ngàn muôn ức hoa sen, ánh sáng chiếu rực rỡ không cùng tận. Sáng ra bà cũng lạy Thiên Hựu mà thuật rõ việc ấy. Từ đó dung sắc của bà sáng nhuận, tươi trẻ lại như người 30 tuổi. Trọn ngày Hứa thị không nói chi, ban đêm nằm nghỉ chừng một canh rồi thức dậy ngồi niệm Phật đến sáng. Chưa biết được ngày lâm chung của bà về sau như thế nào?

### ***Lời bình:***

Xem lời nói của Lữ Đồng Tân chơn nơn, thì biết tu Tịnh Độ là việc cấp thiết. Trong đời có kẻ chuộng Tiên thuật mà chê Phật pháp, kết cuộc chỉ tự khi dối mình mà thôi.

## **ĐÀO QUỲNH LÂU**

Đào Quỳnh Lâu tự Khánh Dư, người đời Thanh, quê ở Tô Châu, xứ Trường Châu. Cô là vợ của Bành Hy Lạc,

người anh em của Bành Hy Túc, cả hai đều là cháu của cư sĩ Bành Nhị Lâm.

Quỳnh Lâu từ bé đã thông minh, am tường thi vận, thường cùng em gái là Đào Nhân sớm hôm hòa xướng. Tánh ưa thanh vắng, gặp cảnh non sông u nhã, liền có ý thoát tục quên đời, tâm niệm hằng lộ ra lời thi văn. Không bao lâu, Đào Nhân bị bạo bệnh rồi từ trần. Quỳnh Lâu mang đậm mối suy tư, từ đó thôi làm thi văn, chuyển sang nghiên cứu kinh Phật, mong tìm phương giải thoát. Xem đến kinh Đại Báo Ân, cảm nhân duyên khổ hạnh nhiều kiếp của đức Như Lai, cô liền phát đại nguyện cầu chứng Vô sanh pháp nhẫn. Quỳnh Lâu tự tay thơ tả kinh này, cùng các kinh Kim Cang, Di Đà, bút pháp rất đoan chánh tươi đẹp. Cô tu Tịnh Độ, mỗi ngày đều niệm Phật, có làm vài mươi bài Tàm úy ngâm, ý tứ gần với đạo.

Đến khi xuất giá, Quỳnh Lâu hằng nói pháp: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã cho gia nhơn nghe. Mỗi buổi sáng là thời khóa tịnh nghiệp, rảnh rỗi lại duyệt các kinh đại thừa như Lăng Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Sự tìm hiểu về đạo lý của cô rất thâm thúy. Để đáp 10 bài thi bế quan của cư sĩ Bành Nhị Lâm, Quỳnh Lâu có sáng tác 10 bài như sau:

### I

Vô tướng ánh màu lộ thể chân

Gió từ phơ phát bốn mùa xuân.

Một niềm vắng lặng thông tin tức

Lòng hướng Liên bang lễ niệm cần.

II

Xưa nay chẳng thật có đâu hư?  
Luận đạo bàn thiên chuyện cũng dư!  
Sáu chữ Di Đà không tự tánh  
Ầy ai ta, Phật đây bây chừ?

III

Đầm trong ngân nước lặng hư huyền  
In bóng trời mây ánh huệ viên.  
Hạnh đủ công thành rồi sẽ rõ  
Hoa thơm chim hót cũng màu thiên.

IV

Đình dựa thanh tuyến, thất dựa non  
Trong vùng tươi biếc, cửa tùng im.  
Về nhà sớm nhận ngay đường lối  
Chớ để lâm chung trễ khó tìm.

V

Thần chơi cõi tịnh tuyệt mù mây  
Nào đợi gậy lê ánh sáng bày (1)  
Khéo luận đường xa mười vạn tám (2)  
Hư không lâu các giữa trời Tây!

VI

Một dãy cây dường thất bảo lâm  
Đầu cành nghe thoảng tiếng linh cầm?  
Gió đông thổi lọt màn hoa lá  
Diễn nói trăm ngàn diệu pháp âm!



## VII

Niệm Phật ngày đêm tự phản quang  
Mấy hồi sanh diệt thấy vô đoan.  
Trước làng, sau tuyết hoa mai nở  
Lộ vẻ xuân tươi sáng vũ hoàn!

## VIII

Chín chục xuân quang khó mãi gìn  
Dĩa đèn đêm vắng đối riêng mình.  
Pha trà đâu phải vì hương vị  
Khi hứng nào can uống một bình.

## IX

Cõi trần gieo được giống hoa sen  
Nước ngọc liên trì nhụy nầy sanh.  
Một niệm tinh thần siêu phẩm tục  
Nhẹ nhàng cõi tịnh bước thanh thanh.

## X

Phá được trùng quan thấy cảnh quê (3)  
Từ nay chẳng lạc bước đường mê.  
Xoay vần sáu chữ không sau trước  
Nước chảy mây trôi tỏ lối về!

Qua mùa đông, Quỳnh Lâu cảm bệnh, tự biết khó lành, thường chuyên niệm danh hiệu Phật. Trước khi mãn phần, cô thỉnh mẹ đến từ biệt và nói: "Đại Hòa Thượng đã đến rước, con đi đây!". Đứa thị tỳ thưa: "Còn lão thân thì sao?". Đáp: "Cảnh Tây Phương đẹp, ngày kia cô sẽ về rước bà

đi!". Nói xong liền mất. Bảy giờ nhằm ngày 23 tháng giêng, niên hiệu Càn Long thứ 45, cô mới vừa được 25 tuổi.

Đến mùa xuân năm Càn Long thứ 49, có Tây Phương Đại Sĩ dùng phương tiện giáng cơ nơi Ngọc đàn, vì hàng thiện tín tuyên dương pháp môn Tịnh Độ. Một hôm, Bành Nhị Lâm cư sĩ đến đàn, thưa hỏi chỗ sanh của các vị sư hữu đã từ trần. Đại Sĩ mỗi mỗi đều phúc đáp rành rẽ. Trong ấy, một vị sanh về cung trời Đâu Suất, một vị hưởng phước báu cõi người, có 4 vị được sanh về Tịnh Độ. Đó là Hương Sơn lão nhơn hiệu Thật Định, Lữ Đình đại sư hiệu Tế Hội, Thệ Nguyệt tỳ kheo pháp danh Phật An và một vị cư sĩ là Trầm Bính hiệu Kính Phù. Sau rớt Bành cư sĩ hỏi đến Đào Quỳnh Lâu. Đại Sĩ đáp: "Đào thị đã sanh về miền biên cảnh ở Tây Phương". Giây lát Quỳnh Lâu giáng đàn, đề thi rằng:

Vũ yết nhàn giai phương thảo đa  
Ngũ niên tiêu tức đẳng phao thoa!  
Động trung thâm bế yên hà tích  
Nhứt niệm huân phong tống khách qua!

Tạm dịch:

Mưa tạnh, thêm nhàn rợp cỏ thơm  
Năm niên thấp thoáng tợ thoi dòn!  
Ráng mây khóa kín người tiên động  
Đề gió nam đưa khách lạc hồn!

Nhân đàn cơ, cô hiểu thị cùng đại chúng rằng:

-"Muốn sanh về Cực Lạc, các vị cần phải có tâm trường sắt đá, niệm Phật thành một khối, ngoài không bị sáu trần

nhiễm vào, trong không bị bảy tình khuấy động, thì nơi chốn bùn nhơ sẽ có hoa sen mọc lên. Khi ấy, niệm một câu Phật hiệu, liền có một đạo hào quang phóng ra, niệm ngàn muôn câu Phật hiệu thì có ngàn muôn đạo quang minh. Quang minh đó vẫn vô tướng, từ trong phát sanh, chớ chẳng phải từ bên ngoài mà được. Đức Phật A Di Đà luôn luôn ở trước mặt các vị, tùy chỗ xuất hiện. Nếu vừa có một mảy may vọng niệm, thì ánh sáng Phật ẩn mất không lộ bày. Khi niệm Phật, cần yếu phải thường thường soi vào trong, mới phát minh được lý: "Một niệm bất thôi". Tiếng niệm Phật lại cần phải theo tâm mà khẩn thiết, mới phát sinh được nguyện lực và sức niệm mạnh mẽ vô thượng. Tâm và tiếng nên dung hòa nhau, thì ánh sáng tự tâm sẽ chói suốt bốn bề, không chỗ nào chẳng phải Phật, và không lúc nào chẳng niệm Phật, mới là đặc lực! A Di Đà gọi là Vô Lượng, nên biết đó là trí huệ vô lượng, thần thông vô lượng, từ bi vô lượng, nhiếp thọ vô lượng. Nếu không phát thâm tâm vô lượng, đâu có thể thấy được tướng Vô kiến đánh của đức Cực Lạc Bôn Sư? Thương thay cho chúng sanh! Dục niệm chưa trừ, đạo căn lần mất. Phật tuy thương xót, nhưng biết làm sao? Vậy hãy nghe lời tôi khuyên, mau cố gắng niệm Phật!".

Cách hơn tháng sau, Nhị Lâm cư sĩ lại đến Ngọc đàn, hỏi Đào Quỳnh Lâu về các tình tiết lúc lâm chung, gồm mấy điểm như sau:

- "Được biết cô đã vãng sanh, rất mừng, rất tốt!

Nhưng các ông La Đài Sơn, Châu Trọng Quân, trai giới tinh nghiêm, hoằng thệ rộng lớn, mà còn bị lạc vào vòng phước báu cõi Nhơn Thiên. Phần cô, công phu chưa thuần, giới phẩm chưa vẹn, mà lại được vãng sanh là thế nào?

Vậy quang cảnh lúc cô vãng sanh ra sao?

Và sau khi vãng sanh sự hưởng thọ như thế nào?

Đã được thấy Phật chưa?

Chùng nào lên bậc Bất thối?

Xin cô giải bày rành rẽ, để mọi người nghe biết phát tâm tin mến tu hành. Đây tưởng cũng là một việc hợp với bản nguyện độ sanh của cô vậy!"

Ngày ấy, Tịch Căn Bồ Tát giảng đàn thay thế dạy rằng:

-"Tháng trước ta ở biên cảnh cõi Cực Lạc thuyết pháp rồi mới đến đây, nên Đào thị nương thần lực của ta mà cùng đến. Nay ta không ghé miền ấy, nên Đào thị không đến được.

Bình nhật tuy công phu của Đào Quỳnh Lâu không sánh kịp bọn ông La Đài Sơn, nhưng lúc lâm chung chánh niệm của cô hơn các vị đó rất xa, nên cảm được đức Quán Thế Âm Bồ Tát thân lâm tiếp dẫn.

Khi lâm chung Đào thị thấy kim liên hoa hiện tiền mà vãng sanh.

Nay cô đang ở miền biên địa thế giới thất bảo, sự ăn mặc đều tự nhiên hóa hiện.

Dù cô chưa được thấy Phật, song mỗi ngày chư Đại Bồ Tát ở Cực Lạc sang biên địa thuyết pháp hai thời. Người

ting tấn sẽ lần lần sanh lên 9 phẩm, kẻ giải đãi cũng hưởng thọ được 500 năm. Một ngày ở biên cảnh Tây Phương bằng 100 năm tại miền Diêm Phù Đề này. Từ khi vãng sanh đến nay, Quỳnh Lâu tinh tấn lắm, tương lai có thể ở vào bậc Thượng phẩm hạ sanh, lên hẳn ngôi bất thối chuyển. Thời gian ấy nơi đây là 2000 năm nữa".

Cứ theo giáo điển, Tịch Căn Bồ Tát là vị Đại Sĩ từng dự pháp hội Duy Ma và Vô Lượng Thọ, lúc đức Thích Ca Thế Tôn ứng thế thuyết pháp.

Ghi chú:

(1) Một vị tìm đạo lên núi gặp lão nhơn mặc áo bát quái, chông cây gậy lê dẫn vào động Tiên. Khi ấy trời đã hoàng hôn, đường vô hang đá lại càng tối mịt. Hốt nhiên từ đầu gậy lê phóng ra ánh sáng rực rỡ soi tỏ lối đi. Đây ý nói cõi Cực Lạc có ánh sáng thất bảo tự nhiên, không cần phải dùng gậy lê phóng quang như cảnh Tiên.

(2) Kinh Pháp Bảo Đàn bản cũ có câu: “Cõi Tây Phương cách đây mười muôn tám ngàn dặm”. Câu này ám chỉ: “Nếu diệt mười tám giới là sáu căn, sáu trần, sáu thức, tức sẽ đi đến cảnh Tây Phương của tự tâm”. Nhưng về sau chư tôn đức Phật giáo cho câu này là lời hậu nhơn thêm vào, chớ không phải của Lục Tổ nói, nên gạt bỏ. Bởi trong kinh A Di Đà, đức Thích Tôn bảo: “Thế giới Cực Lạc ở về phương Tây cách đây mười muôn ức cõi Phật”, chớ không nói: Mười muôn tám ngàn dặm.

(3) Người tu thiền từ nơi không mà vào, để tâm rỗng không, nên lần lần vọng niệm chẳng khởi, chỉ thấy một màu vắng lặng. Kế đó không cảnh hiện ra, tường vách non sông đều mất hết. Nhưng đó là cảnh tạm chớ chẳng phải là chơn cảnh của tự tâm, nếu nhận chân tức bị lầm lạc. Khi chân cảnh hiện ra, sẽ tỏ ngộ nước chảy mây trôi, hoa vàng trúc biếc, đều là quê hương xưa của tự tánh. Cổ đức bảo: “Chớ nhận vô tâm là thật đạo. Vô tâm còn cách một trùng quan!”. Phá trùng quan là vượt phá hiện tượng thiên không nói trên.

## BÀ BÁT QUẢN

Bà Bá Bát Quản, người ở Hàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Bà từng đến am Hiếu Từ hỏi Đạo Nguyên hòa thượng rằng:

"Bạch ngài! Tu theo pháp môn nào, một đời có thể thoát ly biển khổ?".

Hòa thượng đáp:

"Muốn được như thế, không chi hơn môn Niệm Phật. Nhưng niệm Phật chẳng khó, mà khó ở nơi bền lâu. Niệm bền lâu chẳng khó, mà khó ở nơi nhứt tâm. Nếu người có thể buông tất cả không quản đến, chuyên lòng trì danh, thì quyết định khi lâm chung Phật sẽ đến tiếp dẫn, liền được xa lìa biển khổ!".

Bà nghe nói vui vẻ lễ tạ, trở về đem việc nhà giao cho con và dâu, rồi mở một gian tịnh thất thờ Phật, trọn ngày tu niệm ở trong đó.

Hơn một năm, bà lại đến hỏi hòa thượng rằng:

"Đệ tử từ khi được nhờ ơn chỉ dạy, đã bỏ việc nhà chuyên lo niệm Phật. Tự xét lại sự tu trì bấy lâu chưa từng thiếu sót biếng trễ, nhưng chỉ khổ vì khó được nhứt tâm. Xin nhờ ngài xót thương khai thị thêm, cho được như ý nguyện!".

Hòa thượng bảo: "Đó là bởi người tuy gác bỏ việc nhà, song còn nhớ nghĩ đến cháu con quyền thuộc. Niệm ái kia chưa dứt, thì làm sao được nhứt tâm? Nay người nên cố gắng gia công, trước tiên nhổ trừ gốc ái, buông cả muôn duyên, tất ý nguyện sẽ đạt thành!".

Bà nghe nói than rằng:

"Lời ngài dạy quả rất đúng. Đệ tử tuy không quản đến thân, nhưng chẳng thể không quản đến tâm. Từ đây nguyện xin trăm việc đều không quản đến!".

Rồi bà trở về niệm Phật thêm chuyên cần. Khi tâm ái thoát khởi động, liền đem mấy chữ "Trăm việc không quản" để dẹp trừ.

Lúc có ai hỏi đến việc đời, việc nhà, bà cũng đều dùng mấy chữ đó đối đáp. Bởi thế tên Bá Bất Quản (trăm việc không quản) của bà được thành danh và truyền khắp hương thôn.

Tu hành như thế lại hơn một năm, ngày nọ bà đến am Hiếu Từ lễ tạ hòa thượng, thưa rằng:

"Lời của ngài dạy quả xác thật không hư dối. Đệ tử sắp về Tây Phương, nên đến đây lễ tạ ơn và xin giã biệt!".

Vài hôm sau, bà không bệnh mà qua đời. Lúc ấy nhằm niên hiệu Gia Khánh năm đầu.

### **Lời bình:**

Bá Bất Quản chỉ là danh từ ước lượng. Suy ra rộng, thì từ trăm đến ngàn, từ ngàn cho đến muôn, thấy đều không quản. Nói gọn lại, tức một việc hãy còn không quản, huống chi trăm ngàn muôn? Được như thế, duyên trần mới có thể dứt. Làm theo đây, tịnh nghiệp mới có thể thành. Hỡi ơi! Ước chi kẻ tu hành trong đời đều được như bà Bá Bất Quản này ư!

## **UÔNG THỊ**

Uông thị người đời Thanh, quê ở Hoa Đình. Cô được cha mẹ gả cho Châu Văn Vinh năm 16 tuổi. Bên chồng nghèo thiếu, Văn Vinh đi dạy học phương xa, Uông thị ở nhà làm nghề may thuê để sinh sống. Cô rất kính tin ngôi Tam Bảo, ăn chay trường, mỗi ngày đều có tụng kinh niệm Phật.

Sau Văn Vinh đến Hồ Bắc rồi chết nơi miền đất khách. Uông thị ở nhà lâu ngày vắng bật tin tức, gắng nuôi con trai là Phương Dung cho đến khi thành lập, mới sai tìm cha. Phương Dung vượt vài ngàn dặm, trải nhiều gian khổ, kết cuộc vác được hài cốt phụ thân đem về. Quan Học Sử nghe tiếng đồn mẹ tiết hạnh, con hiếu thảo, đem việc ấy trình thừa thượng cấp, nên tại nhà được treo bày biển khen tặng. Phương Dung viết và vẽ đều khéo, thêm được gần xa mến



trọng nét hiếu hạnh, nên nhiều người tranh nhau đặt làm những bức tự họa. Nhờ đó sự sanh sống trong nhà cũng tạm rộng rãi yên lành. Lúc lớn tuổi, Uông thị niệm Phật càng siêng năng chí thành, nguyện cho cha mẹ mình, cha mẹ chồng và chồng đều sanh về Cực Lạc.

Trong niên hiệu Gia Khánh, bà hay đau yếu, nên thường đóng cửa niệm Phật, không hỏi đến việc nhà. Lúc sắp mãn phần bà gọi Phương Dung đến bảo: "Đêm rồi mẹ mơ thấy ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại và cha con, đều ở cảnh Liên Hoa thế giới. Hiện thời có mây lành năm sắc nâng đỡ một cánh sen to như chiếc thuyền. Có lẽ mẹ sẽ nương theo đó mà sanh về cõi Phật chăng?". Nói xong vui vẻ niệm Phật rồi thoát hóa. Lúc ấy trong nhà có mùi thơm như hoa lan, đến khi tàn liệm còn thanh thoảng chưa tan.

### ***Lời bình:***

Điềm mộng của Uông thị kết cuộc phù hợp với lời phát nguyện khi trước. Thế thì công đức niệm Phật có thể siêu độ cho người quá cố, nơi đây đã thấy bằng chứng rõ ràng. Hàng tiết phụ trong đời chưa hiểu lẽ ấy, nên nhỏ thì bị thương thành bệnh, lớn đến quyền sinh theo chồng. Họ đâu biết rằng khi mãn báo thân, mỗi người trong quyền thuộc đều theo nghiệp lành dữ của mình mà sanh đi các nẻo. Dù cho có gặp nhau nơi chốn huỳnh tuyền, cũng chỉ nhìn tạm đồng như khách qua đường. Duy cõi Tịnh Độ ở phương Tây, các bậc thượng thiện đều hội về một chỗ, vĩnh viễn

làm quyển thuộc liên hoa. Sự hơn kém cách nhau vực trời ấy, mong người trí nên suy nghĩ mà chọn lối đi về.

## VƯƠNG, TRƯƠNG, TRẦN

Vương thị người ở Thọ Kiều, thôn Đông, huyện Cần. Khi mới sanh ra, cô đã không chịu ăn thịt cá. Quy y Tam Bảo từ thuở bé, cô được thầy cho pháp danh là Tịnh Long. Lúc về nhà chồng, Vương thị mới bắt đầu tín hướng pháp môn Tịnh Độ, chuyên cần niệm Phật. Người chồng tánh thô bạo thường mạ nhục, cô chỉ biết làm thinh nhẫn chịu mà thôi.

Hơn 60 tuổi, Vương thị tu hành càng thêm tinh tấn. Một đêm bị người hàng xóm lén đốt nhà, bà hay được dập tắt kịp. Sau nhân đến dự Phật hội chùa Bảo Lâm, một vị tăng hỏi:

- "Nếu lúc ấy nhà bị cháy, bà sẽ làm sao?".

Vương thị đáp:

- "Thân này đáng nhàm chán, giả sử lâm vào hoàn cảnh như thế, tôi sẽ nương theo nhân duyên đó mà vãng sanh!".

Hơn một năm sau, người hàng xóm lại lén phóng hỏa, lần này lửa bốc cháy nhà dữ dội. Vương thị không trốn tránh, chỉ điềm nhiên gõ mõ niệm Phật, tiếng nghe rành rẽ rõ ràng. Những người ở cách sông, ban sơ thấy khói lửa bao phủ nhà bà. Bỗng đâu giữa ánh lửa hồng, một đạo kim quang tỏa rộng bay lên xông thẳng đến mây xanh. Trong đó phượng phát có hình bóng Vương thị đang ngồi kiết già.

Khi lửa tắt tro nguội, người nhà tìm thấy di cốt của bà còn ngồi ngay thẳng trên mặt đất.

\*Lại ở ấp Hạ của huyện Cần có Trương thị, cùng với Vương thị đồng sư, pháp danh là Tịnh Âm. Lòng tín hướng niệm Phật và cảnh ngộ bất đắc ý với chồng của bà cũng tương tự như Vương thị. Tuy bị trăm điều biếm nhẽ, bà vẫn không lui sụt đạo tâm. Sau Trương thị bị chứng phong co rút, nằm trên giường bệnh vài năm, song niệm Phật không xen hở. Khi lâm chung, bà chấp tay chánh niệm mà vãng sanh, mùi hương lạ bay đầy nhà.

\*Và ở Định Kiều thuộc huyện Cần có Trần thị, cũng đồng sư với Vương thị, pháp danh là Tịnh Thoại. Bà là người chơn chất thật thà, đối với sự niệm Phật cầu sanh không còn chút nghi ngờ. Bà thường bảo: "Tôi quyết định được sanh về Cực Lạc!". Lúc lâm chung bà ngồi ngay thẳng, mỉm cười niệm Phật mà vãng sanh.

### ***Lời bình:***

Vương thị và Trương thị túc nghiệp rất nặng, nên từ khi sống đến lúc chết, trải qua nhiều nỗi tủi đau gian khổ. Tuy nhiên, nhờ lòng tín nguyện bền chắc, nên kết cuộc đều được thoại ứng lúc lâm chung. Thế nên biết nghiệp nhân kiếp trước, không làm lụy được thẳng quả trong đời này. Đến như Trần thị, túc chướng nhẹ nhàng, dễ thành đạo nghiệp, sức nhẫn so lại không bền chắc bằng hai bạn kia. Song ý chí

quyết cầu sanh như kẻ một đi không quay trở lại, cũng chẳng vì nhiều lối rẽ mà lạc mê đường, khiến cho người nhìn trông gương mà tinh thần sanh phần khởi. Đây có thể gọi là "một nhà ba kiệt khách" vậy.

## CHÂU THỊ

Châu thị pháp danh Diệu Đức, người ở Gia Hưng. Cô vốn bị chứng đau huyết, gả về nhà họ Hứa, đến 28 tuổi chồng mãn phần, có một đứa con trai cũng lại yếu mạng. Từ đó cô làm nghề thuê may để tự sanh sống. Nhà tuy nghèo, song thấy kẻ đói rách liền trút hết tiền giúp đỡ.

Năm Đạo Quang thứ 6, Châu thị cùng bà cô pháp danh là Diệu Viên, và biểu muội là Lập Tu, đến chùa Tinh Nghiêm thọ ngũ giới, nguyện trường chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Một đêm cô lên Phật đường của Diệu Viên thêm dầu, thấy hoa đèn kết thành hình lá sen, trên lá có vị Phật đứng. Châu thị vội mời bà cô và Lập Tu lên xem, cả hai cũng đều trông thấy. Tháng giêng năm Đạo Quang thứ 9, nhân vì mẹ chết, cô quá bi ai, chứng đau huyết lại tái phát. Không may thuê được, cô thường thiếu ăn, song bởi tánh trong sạch, nên chẳng muốn van cầu. Người trong xóm biết được, thay nhau thỉnh cô tụng chú Đại Bi cầu an, rồi giúp cho tiền độ nhật. Đến ngày 18 tháng 7 năm ấy, bệnh cô chuyển nặng, Lập Tu đến thăm bảo: "Nhiều người nói chị niệm Phật tinh tấn, song em trộm nghĩ tâm chị chưa chí thiết, nên bệnh chẳng được lành, cũng không thấy Phật đến

tiếp dẫn!". Châu thị nghe nói thương khóc sấm hối, càng gắng sức tu hành. Từ đó ai đến thăm hỏi, cô đều không đáp, chỉ rơi lệ chấp tay niệm Phật. Cách mấy hôm sau, một đêm vào khoảng canh ba, cô bỗng cười bảo: "Tây Phương Tam Thánh đã quang lâm đứng giữa hư không!". Nói xong, vội tắt gọi thay y phục, đốt hương niệm Phật vài mươi câu rồi vãng sanh. Cô hưởng dương được 44 tuổi.

## THIỆU THỊ

Thiệu thị không rõ quê quán ở đâu, vì thân thể nghèo, già, thêm cô quạnh, nên đến ăn nhờ ở trọ nơi nhà người thân thích. Nghĩ xót cảnh khổ của mình, ngày đêm bà niệm Phật rất siêng năng chí thiết.

Năm Đạo Quang thứ 7 đời Thanh, một đêm mùa thu, bà ngồi trong nhà tối day mặt về Tây thầm niệm Phật. Bỗng tâm nhãn chợt mở, Thiệu thị thấy cảnh Cực Lạc đẹp sáng, lầu quỳnh cây ngọc, hoa sen đua nở nơi ao báu, chim lạ bay liệng giữa hư không. Mùa thu năm kế, bà lại thấy thân vàng của chư Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ nhiệm màu. Qua mùa hạ sau, vào ngày 14 tháng 5, bà bỗng cảm bệnh nhẹ rồi vãng sanh.

Lúc Thiệu thị mãn phần, mọi người không hay biết. Có y sĩ họ Phạm nhân vào thăm mạch, thấy ánh mắt bà tươi như sống, gương mặt còn lộ vẻ mỉm cười, nhưng hơi thở đã tắt. Họ Phạm lui ra than rằng: "Đây là cái chết đẹp lành. Cảnh này trong đời cũng ít thấy!".

## DU THỊ

Du thị người đời Thanh, quê ở Thường Thục, nguyên là mẹ của cư sĩ Vương Hiệu Tăng. Tánh bà rất thuần hậu, hiền hòa. Hiệu Tăng kính thờ ngôi Tam Bảo, khuyên mẹ dứt trừ thức ăn huyết nhục. Du thị nghe theo lời, trường trai được 3 năm.

Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ 20, bà đau bệnh nằm liệt nơi giường. Sang tiết hạ, bệnh càng thêm nặng. Hiệu Tăng khuyên mẹ thăm quán cảnh Tây Phương. Nhân đó bà phát tâm niệm Phật, song chưa được chuyên nhứt. Lần lựa qua vài tháng, thần thức của bà đã mấy phen vào cảnh u minh. Ban sơ thì có hai đồng tử gọi quay về, lần kế gặp Bồ Tát bảo trở lại. Đến lượt cuối cùng, Du thị trong mộng nghe Phật mách bảo: Kiếp trước mình là một vị tăng, bởi mê túc nhân nên đọa làm thân nữ. Từ đó bà ăn uống giảm lần, kế tiếp chỉ còn hơi thở mong manh. Một đêm vào khoảng canh ba, Du thị bỗng niệm Phật lớn ba bốn câu, rồi chấp tay nhìn về phương Tây bảo: "Đức Phật đã quang lâm tiếp dẫn!". Nói xong nằm nghiêng bên hữu mà qua đời. Bảy giờ nhằm ngày 25 tháng trọng hạ.

Sau đưa cháu nội lớn mà Du thị hằng yêu mến, mộng đến một cảnh có nhiều cây cao lâu đẹp, không giống cõi nhân gian. Nó muốn đi vào song bị những hàng câu lợn bao bọc quanh co ngăn cản. Bỗng đâu thấy Du thị kinh hành đến, nó liền hỏi đường lối đi vào. Bà bảo: "Nếu cháu muốn

vào thì chỉ có cách siêng năng niệm Phật!". Vừa lúc ấy đứa bé chợt tỉnh, liền đem điềm mộng thuật lại cho người nhà biết.

## TIỀN NHỰ NHƠN

Tiền Nhự Nhơn, tên là Thoại Vân, người ở Thường Thục. Chồng là Tạ Phụng Ngô đau bệnh, Nhự Nhơn cầu Phật nguyện trường trai nên bệnh được lành. Trong mấy năm về ở với Phụng Ngô, cô sanh được một trai một gái và chưa từng cho chúng nó ăn đồ mặn. Kế đó cô biết pháp môn Tịnh Độ, cùng chồng xin thọ tịnh giới, nguyện dứt trừ tình ái trần duyên.

Niên hiệu Đạo Quang thứ hai mươi hai, anh là Tiên Vạn Dật vãng sanh, cô mục kích rõ điềm lành, nên lòng tín hướng càng bền chắc. Mùa đông năm ấy, đứa con trai chết, cô quá đau buồn thương khóc, bỗng chợt nghĩ lại nói: "Hay là trời muốn dứt duyên ái của ta chăng?". Rồi lần lần nguôi lòng, không để ý đến. Trong phòng vợ chồng đối diện, chỉ sách tấn lẫn nhau tu hành mà thôi. Mẹ là họ Ngô có bệnh, bị y sĩ cho thuốc làm chuyển sang chứng trầm kha rồi chết. Trước khi bà mãn phần, Nhự Nhơn niệm Phật tống chung mẹ.

Tháng 6 năm Đạo Quang thứ 25, cô bị chứng lạc huyết bệnh ngày càng gia tăng, đứa con gái cũng đau bệnh. Phụng Ngô lo ngại cô lại móng khởi niệm ái, nên sách tấn Nhự Nhơn rằng: "Chưa có ai miệng niệm Phật, lòng còn quyến

luyện Ta Bà mà được vãng sanh. Vậy nàng phải nên cố gắng!". Nhụ Nhon giật mình tỉnh ngộ, làm lễ rồi thưa: "Nhờ phu quân khai thị, tôi đã biết cảnh giác!". Rồi hương về Tây rơi lệ sấm hối, ý rất khẩn thiết. Trong cơn đau yếu, nhiều lúc cô bỗng nghe mùi hương lạ ngạt ngào. Đến ngày 20 tháng 7, đưa con gái lại chết. Nhụ Nhon bảo: "Nay chướng duyên về nghiệp ái đã dứt. Ta trải nhiều nỗi khổ, bây giờ mới được tự tại. Từ đây an ổn để vãng sanh, há chẳng là điều vui vẻ lắm ư?". Rồi không dùng cơm cháo, khát chỉ ăn trái dưa.

Bệnh triền miên tới ngày mùng 9 tháng 8, trong người cực suy yếu chỉ còn hơi thở mong manh ra vào. Nửa đêm hôm ấy cô bỗng gọi chồng bảo: "Nghiệp chướng nặng, xin vì tôi đốt liêu hương sám hối cúng Phật nơi cánh tay". Phụng Ngô y theo lời. Ban sơ cô còn như hôn trầm mê mết, kẻ đó ánh mắt lấp lánh, chánh niệm rõ ràng. Người thân hỏi: "Có được một lòng không loạn chẳng?". Nhụ Nhon gật đầu hai lần, rồi nhờ đỡ mình ngồi dậy, đôi mắt nhìn lên hư không, niệm Phật mà qua đời. Lúc ấy cô mới 31 tuổi. Qua hôm sau khi nhập liệm, đánh đầu cô còn ấm, dung mạo tươi như còn sống.

## LỤC AN NHON

Lục An Nhon, tên là Trục Mai, người huyện Nguơn Hòa thuộc Tô Châu. Cô về nhà chồng là Ngô Xương Liêm, sanh được một trai, chẳng bao lâu đưa con bị bệnh chết, đến 20



tuổi lại lâm cảnh góa bụa. Do đó cô đau buồn thành ra chứng lạc huyết. Một hôm có người bạn đem tập Long Thơ Tịnh Độ Văn trao cho. An Nhơn xem rồi phát tâm niệm Phật, hôm sớm tu hành đều có định khóa. Cô khuyên ngăn việc sát sanh trong nhà, gia nhân chỉ được dùng tam tịnh nhục. Cho đến loài trùng kiến cỏ cây, cô đều đem lòng ái hộ.

Năm Đạo Quang thứ 14, An Nhơn thụ tam quy ngũ giới nơi ngài Định Công, được cho pháp danh là Sư Thọ. Kế tiếp cô đến Mậu Sơn lễ tháp A Dục Vương, thấy xá lợi trong tháp hiện ánh quang minh, từ đó lại càng gắng sức làm lành. An Nhơn từng xuất ba muôn lượng vàng sửa chùa tạo tượng và làm các công đức. Đến như việc phóng sanh lại càng siêng năng, mỗi năm tốn ngàn lượng vàng cũng không tiếc. Có kẻ chê cười cho là lãng phí, cô đáp: "Tiền của không bền, thắng duyên khó gặp, tôi muốn đem công đức đó hồi hướng cùng bốn ân ba cõi sớm chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như thế có chi là lãng phí và đáng luyến tiếc ư?".

Đến 34 tuổi, bệnh cũ tái phát, thuốc thang vô hiệu. Cô phát nguyện phóng sanh mười triệu mạng, cùng lập đàn thủy lục và đại trai đàn tại chùa Sư Lâm, để làm tư lương cho sự vãng sanh. Qua nửa năm, bệnh tự lành, An Nhơn lại đốt liêu hương nơi cánh tay, phát thệ trường trai dứt tuyệt món ăn huyết nhục, khi cúng tế tiên linh và thần thánh đều dùng thức rau trái. Ngày sanh nhật tuổi tứ tuần, cô thiết lễ

cúng Phật trai tăng nơi chùa Sư Lâm. Các thân hữu đến chúc hạ, đều đem các kinh đại thừa và sách Phật ra tặng. Mùa thu năm ấy, An Nhơn mộng thấy đến một chỗ nước bạc nhẹ trôi, hoa tươi đua nở, cảnh đẹp khác trần. Tự mình đứng trên một chiếc cầu vàng, hương thanh lạ từ đâu tỏa thơm bát ngát. Cô thầm nghĩ: "Đây là ao thất bảo chăng? Tại sao lại không thấy Phật?". Bỗng đâu kim dung tướng đẹp đức A Di Đà hiện nơi xa đầy khắp hư không. Cô cả mừng, vội cúi xuống đánh lễ bỗng giật mình thức giấc. Sáng ra, An Nhơn đem điềm ấy thuật lại với người nhà.

Không bao lâu bệnh lại phát, y sĩ khuyên dùng mận, cô không nghe theo. Đau yếu dây dưa vài tháng, triệu chứng ngày càng nặng thêm. An Nhơn gọi người thân bảo: "Chí ban sơ của tôi là xuất gia, nay đành không mãn nguyện. Khi tôi qua đời, xin đắp y ca sa để tẩn liệm, và đừng than khóc. Việc đãi khách trong đám tang nên dùng toàn đồ chay. Bây giờ xin rước sáu vị tỷ kheo ni đến niệm Phật để giúp sự vãng sanh cho tôi!". Người nhà y theo lời. Hai ngày trước khi mạng chung, cô nhờ thân nhân thay mình thọ giới Bồ Tát. Kế đó thần thức mê loạn không tự chủ được, An Nhơn cả sợ, xin thiết bàn Phật để trước mặt, rồi chăm chú nhìn quán tượng A Di Đà luôn một ngày đêm. Đến sáng sớm ngày mùng 4 tháng 5, cô gọi vội người đỡ dậy và nói: "Đại Hòa Thượng đã đến, tôi sắp về Tây Phương!". Rồi bảo mọi người đồng niệm hồng danh, còn mình thì tay cầm hương kính Phật. Có kẻ hỏi: "Đại Hòa Thượng ở đâu?". Cô đáp:

"Đang ngồi trên bàn thờ!". Rồi day mặt về Tây ngồi ngay thẳng kiết ấn mà hóa.

Lúc ấy nhằm năm Đạo Quang thứ 28, An Nhơn được 41 tuổi.

## MỘT TRĂM BÀI THƠ KỆ NIỆM PHẬT

**Hán:**

**22. Nhứt cú Di Đà**  
**Đắc Đại tổng trì**  
**Chuyên nhứt thiết vật**  
**Sử thập nhị thì.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Khiến được Đại tổng trì  
Chuyên hết tất cả vật  
Sử dụng mười hai thì.

***Lược giải:***

Đại Tổng Trì là sự thông suốt nắm giữ tất cả pháp với tầm mức lớn lao rộng rãi. "Muốn được tất cả, phải bỏ tất cả". Ví như tấm gương sáng lớn mà đem vật gì che áng ở trước, dù là một bình hoa đẹp, tất chỗ đó mất sự chiếu soi tự tại. Chơn tâm của chúng ta là tấm gương Đại viên cảnh trí, nếu chấp giữ một pháp nào, dù đó là Phật lý cao siêu mầu

nhiệm, tất cũng sẽ bị kém mất sức chiếu soi tự tại, sự thông suốt tất cả pháp. Như thế làm sao được Đại tổng trì? Kinh nói: "Thấy biết mà giữ sự thấy biết là gốc vô minh. Thấy biết không giữ sự thấy biết, đó mới chính Niết Bàn". (Tri kiến lập tri, tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết Bàn). Cho nên chuyên nhứt câu niệm Phật, xả bỏ tất cả, hành giả quyết sẽ được Đại tổng trì, Đại tam muội.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu chuyển được vật, tức đồng với Như Lai". (Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai). Chúng sanh tâm thường hướng ngoại, không biết các pháp là huyền, cho nên bị cảnh lục trần xoay chuyển, như con trâu lâm cảnh cỏ vằm dắt đi, hằng chịu sự phiền não buộc ràng không được tự tại. Nếu quán xét các pháp là huyền, giữ một câu Phật hiệu xoay chiếu vào trong, thì tâm lần lần thanh tịnh tự tại, sẽ làm chủ được các pháp, không còn bị các pháp sai sử làm chủ nữa. Đó gọi là "chuyển vật" là đồng với Như Lai. Trái lại, tức là bị vật chuyển, đồng với chúng sanh vậy.

Ấn Quang pháp sư bảo: "Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn!" (Nhứt tâm vô trụ, vạn cảnh câu nhàn). Khi tâm trụ nơi các pháp, thì thấy thời gian có lâu mau, bị cảnh giới làm cho loạn động, sanh niệm ưa, chán, ghét, thương, khổ, vui, cùng vô lượng phiền não. Như trên, khi hành giả giữ câu niệm Phật thanh tịnh, không để cho vật chuyển, thì trong mười hai thời của ngày đêm, hằng được nhàn nhã tự

tại, tùy ý sử dụng mọi sự, việc nào đáng làm trước hoặc làm sau đều theo tuần tự, chẳng khác vị đông y sĩ tùy nghi sử dụng các học thuốc của mình.

Tóm lại, nếu khéo biết tu hành, thì cách tự tại sử dụng trong mười hai thời, sự làm chủ xoay chuyển các pháp, cho đến chứng đắc cảnh giới Đại tổng trì, then chốt đều do ở nơi câu niệm Phật.

**Hán:**

### **23. Nhứt cú Di Đà**

**Tánh bản tự không  
Tinh day cung Bắc  
Thủy tận triều Đông.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Tánh thể vốn tự không  
Các sao châu Bắc đẩu  
Muôn nước chảy về Đông.

***Lược giải:***

Một tín nữ đến thuật lại với bút giả: "Có vị sư cô bảo con bỏ hết đưng nên niệm Phật nữa, hãy để lòng yên lặng cho tâm không cảnh không, mới mau ngộ đạo!". Bút giả nói: "Các pháp đều như huyễn, câu niệm Phật cũng như huyễn, tự thể của nó đã là không rồi, cần gì phải bỏ? Nếu muốn

chúng được tâm không cảnh không, mà còn ngại câu niệm Phật, còn bác bỏ sự tướng, thì đó chính là thiên không hay ngoan không (cái không thiên lệch, trống rỗng, cứng chắc) của ngoại đạo, chớ chẳng phải ý nghĩa chân không của Phật pháp. Ý nghĩa chân không chân chánh của đạo Phật ở ngay nơi tất cả cái có thuộc mọi sự tướng, mà không chấp thấy là có (Chân không bất không, diệu hữu phi hữu). Chẳng phải riêng sư cô ấy lạc lầm, trong hiện tại có rất nhiều vị tu học Phật pháp đã sa vào hầm hố đó. Thật là điều không may và đáng thương cảm!". Nay nhân tiện xin tạm mượn sự việc trên để giải thích về ý nghĩa "Tự không" của câu niệm Phật.

Theo quan niệm địa dư xưa, người Trung Hoa cho rằng vùng đất của loài người ở là một châu lớn, chỗ họ cư trú thuộc Trung Quốc. Phía Đông của châu ấy là biển cả, muôn dòng nước ở lục địa đều chảy ra đó. Người Việt Nam hấp thụ văn hóa Trung Hoa, cũng đồng với quan điểm ấy. Bởi thế cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm mới có câu: "Hồng Nhật đông thăng tri đại hải. Bạch Vân tây vọng thị thân châu". Và theo thiên văn học xưa, người Trung Hoa bảo rằng các vì sao đều châu hướng về ngôi Bắc đẩu. Để dẫn giải cho Phật pháp, Triệt Ngô đại sư cũng phương tiện mượn quan niệm thế gian ấy mà làm thí dụ. Bởi tất cả pháp đều từ nơi biên chân không lưu xuất, và đều tan về chân không. Bên tông Tịnh Độ gọi thể chân không đó là Tự tánh Di Đà. Bài kệ trên đại ý: Câu niệm Phật tánh vốn tự không, khi hành giả từ khởi điểm này tu tiên chứng thể tánh ấy một cách viên

mãn, sẽ thức ngộ muôn pháp từ nơi đó mà lưu xuất, lại cũng qui nhập về nơi đó. Như sao Bắc đẩu làm chủ muôn sao, muôn sao châu về Bắc đẩu, biển Đông dâng nước vào các sông ngòi, nước sông ngòi đều đổ về biển Đông vậy.

**Hán:**

## **24. Nhứt cú Di Đà**

**Pháp giới duyên khởi.**

**Tịnh nghiệp chánh nhân**

**Bồ Đề chủng tử.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Là duyên khởi pháp giới

Chánh nhân của tịnh nghiệp

Và chủng tử Bồ Đề.

***Lược giải:***

Phật Pháp chia thành hai hệ: Không tông và Hữu tông. Không tông đề ra thuyết Chân như duyên khởi; Hữu tông đề ra thuyết A lại da duyên khởi. Dung nhập vào trung đạo, tức Nhứt chân pháp giới, thì Không và Hữu chẳng khác, Chân như tức A lại da. Đây ý nói câu niệm Phật là huyễn hữu, cũng lại là chân không, duyên khởi điểm của nó từ nơi pháp giới mà có và cũng lại dung hòa tan về pháp giới. Vậy câu niệm Phật là Pháp giới duyên khởi, gồm Chân như cùng

Lại da duyên khởi, dung nhiếp cả Hữu Không. Bởi thế nên niệm Phật là chánh nhân của tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp đây gồm bốn Tịnh Độ mà tiêu điểm cuối cùng là cõi Thường Tịch Quang. Và niệm Phật cũng là hạt giống Bồ Đề đưa đến sự toàn giác, gồm giác ngộ mình, giác ngộ chúng sanh, hạnh giác ngộ đầy đủ.

**Hán:**

**25. Nhứt cú Di Đà**

**Như cảnh chiếu cảnh.**

**Uyển chuyển hỗ hàm.**

**Trùng điệp giao ánh.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Như gương chiếu các gương.

Uyển chuyển ngậm bóng nhau

Điệp trùng giao chói sáng.

***Lược giải:***

Đời Đường, Hiền Thủ đại sư khi giảng kinh Hoa Nghiêm đến nghĩa: "Vô tận pháp giới trùng trùng Đế võng". Ngài phương tiện dùng mười mặt gương tròn lớn, để tám hướng và trên dưới mỗi chỗ một tám, cách nhau độ hơn trượng và đều cùng đối diện. Chính giữa lại an bài cốt Phật, rồi thắp một ngọn đèn sáng để soi. Lúc ấy học chúng đều



thấy trong mỗi mặt gương nổi hiện lớp lớp tượng Phật và ánh sáng. Nhân đó tất cả đều hiểu ý nghĩa: Biển quốc độ giao chiếu xen lẫn nhau lớp lớp điệp trùng, không cùng tận, không ngần mé. Đây là cảnh tượng trang nghiêm của Hoa Tạng thế giới hải. Bài kệ trên ý nói: Câu niệm Phật sẽ đưa hành giả vào cảnh đại trang nghiêm không cùng tận đó. Cho nên niệm Phật chẳng phải là pháp thấp kém thông thường. Đã có bài kệ khen ngợi.

Niệm Phật vào tướng thật  
Chúng biết Phật với Phật.  
Cảnh vô tận trang nghiêm  
Môn Đại ba la mật!

**Hán:**

**26. Nhứt cú Di Đà**

**Tợ không hợp không.  
Liễu vô ngân phùng  
Khước hữu Tây Đông.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Nhu không hợp hư không.  
Tuyệt không chút lẫn dẫu  
Nhưng vẫn có Tây Đông.

## ***Lược giải:***

Đem một ly nước đổ vào chậu nước thì nước cùng nước dung hòa nhau, không làm sao tìm thấy lẫn dấu. Khi trút nước ra, khoảng hư không trong ly hợp với hư không bên ngoài, cũng tuyệt không lẫn dấu. Hành giả niệm Phật, nếu trong quên thân tâm, ngoài quên cảnh giới, chẳng thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, thì tâm rộng rang hồn nhiên, dung hợp với thể tánh chân không. Tâm cảnh ấy chẳng phải trống rỗng không có chi, vì như thế là lạc vào ngoan không của ngoại đạo. Trái lại, hiện tượng chân không ấy sáng suốt vô tận bao hàm muôn pháp, vẫn có đầy đủ màu sắc của cỏ cây, sông, núi, trời mây, vẫn có các phương hướng, cho đến cõi Ta Bà thuộc phương Đông, cõi Cực Lạc ở phương Tây. Đó mới đích xác tánh không chân chánh, cũng gọi là Như Lai nhứt thật cảnh giới.

Thuở xưa có vị cư sĩ đến hỏi đạo một cao tăng ở chôn sơn lâm. Bậc thượng nhân này không đáp duy trổ mây trên trời cùng cái bình đựng nước của mình. Tuy nhiên tuệ căn đã sẵn, vị cư sĩ liền ngộ vào thể đạo, tức thật tánh chân không, liền làm bài kệ, trình lên rằng:

Luyện được thân hình tợ hạc hình  
Ngàn thông tươi tốt mấy pho kinh.  
Ta nay hỏi đạo không chi khác  
Mây ở trời xanh, nước ở bình!

Niệm Phật đến chỗ vô niệm, sẽ dung hợp với tánh không bao la, tìm không thấy mỗi mang dấu vết, mà vẫn đầy đủ tất cả, không thêm bớt là như thế.

**Hán:**

**27. Nhứt cú Di Đà**

**Nhứt Đại tạng kinh  
Tung hoành giao thái  
Tuyệt đãi u linh.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng kinh  
Dọc ngang giao chói sáng  
Tuyệt đối, thể u linh.

***Lược giải:***

Có một độ, bút giả vừa tụng xong bộ kinh Hoa Nghiêm, tâm niệm bỗng vắng lặng quên hết điều kiến giải, hồn nhiên viết ra bài kệ sau:

Vi trần phâu xuất đại thiên kinh  
Nghĩ giải thiên kinh không dịch hình!  
Vô lượng nghĩa tâm toàn thể lộ  
Lưu oanh hựu chuyên tịch thường thinh.

Bài kệ này có ý nghĩa: Chẻ hạt bụi cực vi để lấy ra tạng kinh rộng nhiều bằng cõi Đại thiên thế giới. Tạng kinh ấy đã từ điểm bụi cực vi nơi không tâm diễn ra, thì tìm hiểu nghĩa lý làm chi cho mệt tâm hình? Tốt hơn là nên trở về chân tâm, bởi tâm này đã sẵn đầy đủ vô lượng vô biên diệu nghĩa, lúc nào cũng lồ lộ hiện bày. Kia chim oanh bay chuyền trên cành cây kêu hót, đang nói lên ý nghĩa chân thường vắng lặng ấy!

Câu niệm Phật cũng thế, nó bao hàm vô lượng vô biên nghĩa lý nhiệm màu, đâu phải chỉ một Đại tạng kinh? Gọi một Đại tạng kinh chỉ là lời nói ước lược mà thôi. Khi niệm Phật dứt hết vọng tưởng, đi thẳng vào chân tâm hay vô lượng nghĩa tâm, thì ánh sáng tự tâm phát hiện dọc ngang chói suốt bốn bề. Tâm cảnh ấy dứt hết sự đối đãi, u linh nhiệm màu không thể diễn tả!

**Hán:**

**28. Nhứt cú Di Đà  
Nhứt Đại tạng luật.  
Miết nhĩ tịnh tâm  
Giới ba la mật.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Là một Đại tạng luật.  
Chớp mắt vào tịnh tâm  
Đủ Giới ba la mật.

### ***Lược giải:***

Câu niệm Phật đã bao hàm đầy đủ nghĩa lý của một Đại tạng kinh, thì đối với một Đại tạng luật nó cũng như thế. Vì luật chẳng ngoài nhiếp giữ thân, khẩu, ý cho trong sạch. Và thân, khẩu, ý lại không ngoài tâm, nếu tâm thanh tịnh thì ba nghiệp cũng đều trang nghiêm thanh tịnh. Luật nói: "Phật chế tất cả giới, mục đích để trị tất cả vọng tâm. Nếu không có tất cả vọng tâm, thì cần chi dùng tất cả giới?" (Phật chế nhưt thiết giới, vi trị nhưt thiết tâm. Nhược vô nhưt thiết tâm, hà dụng nhưt thiết giới?)

Cho nên khi niệm Phật, thoáng chốc dứt hết vọng tưởng đi vào tịnh tâm, tức đã đầy đủ Giới ba la mật rồi. Ba la mật là "Bờ bên kia", là nơi giải thoát rốt ráo. Niệm Phật thanh tịnh, tức đã đầy đủ sự giữ giới đến bờ cứu cánh giải thoát vậy.

### **Hán:**

**29. Nhưt cú Di Đà**  
**Nhưt Đại tạng luận.**  
**Đương niệm tâm khai**  
**Huệ quang như phúng.**

Việt:

Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng luận.  
Đương niệm tâm mở thông  
Ánh huệ tuôn vô tận.

***Lược giải:***

Như trên, câu niệm Phật đã bao hàm Kinh, Luật, tất nhiên đối với Luận cũng như thế. Kinh Viên Giác nói: "Trí tuệ sáng sạch vô ngại, đều từ nơi thiên định mà sanh". Niệm Phật thanh tịnh chính là thiên định, từ định phát sanh trí huệ. Đã có trí huệ thì nguồn biện luận sẽ vô cùng. Từ vô ngại biện cũng từ nơi niệm Phật thanh tịnh tâm cảnh mở sáng, mà tuôn trào như suối chảy.

**Hán:**

**30. Nhứt cú Di Đà  
Nhứt tạng bí mật.  
Phát bản thần thông  
Cụ đại uy lực.**

Việt:

Một câu A Di Đà  
Là một tạng bí mật.  
Phát nguồn cội thần thông  
Đầy đủ uy lực lớn.

### ***Lược giải:***

Câu niệm Phật đã gồm ba tạng của Hiền giáo lại cũng đủ thần thông uy lực của bí tạng Mật giáo. "Bản thần thông" là thần thông sẵn có, phát sanh từ nguồn gốc chân tâm, không phải do tập luyện mà được. Niệm Phật công thuần đến mức thanh tịnh, cũng như người có sẵn tiền muốn mua món gì cũng được. Dùng công đức niệm Phật để cầu an, cầu siêu, trừ tai nạn, trị đau bệnh, hàng tà ma, sám tội chướng, cầu phước huệ duyên lành, nguyện sanh lên cung trời hoặc về cõi Phật, cho đến cầu Đại Niết Bàn cũng đều thành tựu. Tất cả uy lực thần thông cũng từ câu niệm Phật mà phát sanh. Như thuở xưa, Thiên Đạo đại sư khi niệm Phật, mỗi câu đều có một luồng ánh sáng phóng ra. Một đại sư về Tịnh tông bên Nhật Bản, mỗi câu niệm hồng danh, trong miệng bay ra một vị Phật. Liên Trì đại sư lúc dân chúng nhờ đảo võ, ngài chỉ ra ngoài đồng gõ mõ niệm Phật, đi tới đâu mưa rơi đến đó. Niệm Phật tùy ý phát ra thần thông uy lực là như thế.

### **Hán:**

#### **31. Nhứt cú Di Đà**

**Hồn toàn Đại tạng**

**Giới, định, huệ quang**

**Lưu xuất vô lượng!**

Việt:

Một câu A Di Đà  
Gồm toàn cả Đại tạng.  
Giới, định, huệ ánh màu  
Tuôn ra không hạn lượng!

### *Lược giải:*

Bài kệ trên nói tổng quát về sự bao hàm các Đại tạng của câu niệm Phật. Các Đại tạng đây, gồm Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng, Tập tập tạng và Bí mật tạng. Tập tập tạng nói về các pháp Đại thừa cũng gọi Bồ Tát tạng. Bí mật tạng gồm các phương thức đàn, ấn, chú, mở một lối tu đặc biệt, gọi là Kim Cang thừa.

Đường lối chứng lên thánh đạo không ngoài căn bản giới, định, huệ, nhưng chỉ một câu niệm Phật đã gồm đủ. Niệm Phật nhiếp thân, khẩu, ý trong sạch là Giới. Niệm Phật thanh tịnh lòng không loạn động là Định. Niệm Phật sáng suốt dứt hết vọng tưởng điên đảo là Huệ. Hành trì như thế, công càng dày, niệm càng sâu, thì ánh nhiệm màu của giới, định, huệ, càng sáng tỏ và chiếu xa đến nơi vô cùng tận!

## LUẬT TỊNH

Thích Luật Tịnh tự Minh Triệt, họ Tiền, người huyện Đức Thanh thuộc Hồ Châu. Ban sơ sư xuất gia nơi am Tứ Thánh ở Hàng Châu, kế đó qua am Đức Ninh tại Đông



Viên, chuyên tụng kinh Pháp Hoa làm nhứt khóa. Sư hành trì như thế suốt hai mươi năm không gián đoạn.

Một hôm có vị tăng đồng bạn là Giới Thừa bảo rằng: "Đạo tâm của thầy đã bền chắc như thế, nếu sau khi tụng kinh, thêm niệm Phật hồi hướng lại càng quý hơn. Thuở xưa Trí Giả đại sư đã chứng Pháp Hoa tam muội, còn cầu sanh về Tịnh Độ, sao pháp hữu chẳng lấy đó làm gương?". Nhân trao cho quyển Tịnh Độ Thập Nghi Luận để khuyến tấn. Luật Tịnh xem xong chột như tỉnh ngộ, từ đó sau mỗi thời kinh, đều niệm Phật hồi hướng về Tây Phương. Tu hành như thế lại hơn một năm, vào tháng bảy niên hiệu Gia Khánh thứ mười một, sư bảo đệ tử là Tăng Tú rằng: "Trước tiết Trung Thu, thầy sẽ sanh về Cực Lạc". Đến ngày mừng hai tháng tám, lại bảo: "Vào giờ Mão ngày mừng bảy là thời khắc vắng sanh". Hàng đệ tử hỏi duyên do đâu mà biết được, Luật Tịnh cười nói: "Ao thành trăng hiện!". Đến kỳ hạn, các môn đồ tập họp, thấy Luật Tịnh đã đắp y mới, ngồi kiết già nơi pháp tọa. Chư tăng ở gần quanh đều tới muốn trợ niệm, Luật Tịnh ngăn lại bảo: "Sự dụng công toàn do lúc bình nhứt, để khát nước mới đào giếng nào có ích lợi gì?". Rồi dời vào ngồi trong khám gỗ, lưu kệ rằng:

Cõi tạm tùy duyên sáu chín năm,  
Này lời chân thật khắp khuyên răn.  
Buông tay cùng thẳng về Tây độ,  
Trăng thượng tuần lên sáng mặt đằm!  
Viết kệ xong, chấp tay niệm Phật mà hóa.

## ***Lời Bình:***

Chư tôn đức khi xưa, lúc lâm chung đều bảo đại chúng cao tiếng xưng hồng danh Phật. Như thế đủ thấy rõ duyên trợ niệm rất là khẩn yếu. Lời của Luật Tịnh bảo chờ khát mới đào giếng là vô ích, chúng tỏ công hạnh của sư đã đến mức thuần thực, mục đích khuyên người lúc bình nhứt phải gắng tinh tấn mà thôi. Những vị tam muội chưa thành, rất không nên mượn câu nói ấy để phô trương. Dù cho đã đắc tam muội, cũng cần đề xướng sự trợ niệm làm thành quy củ lợi ích khắp tất cả. Cho nên, lời nói trên tuy cao, nhưng không đủ để làm pháp tắc.

## **HUỆ MINH**

Thích Huệ Minh, người đời Thanh, quê ở huyện Cần thuộc Ninh Ba. Sau khi xuất gia, sư thường trụ nơi chùa Báo Quốc tại Hàng Châu. Tánh sư ngay thật, duy biết trì câu hồng danh, mỗi khi niệm Phật tiếng liên tiếp tuôn tuôn như suối trào, nên tắt hương tàn dường như không hay biết. Được của cúng dường, Huệ Minh liền mua vật mạng phóng sanh, tùy xưng danh hiệu Phật hồi hương về Cực Lạc. Gặp người sư chẳng hỏi thăm chuyện hàn huyên, chỉ bảo: "Cái chết sắp đến gần, hãy mau gắng niệm Phật!".

Hàng tăng tục nơi miền đất Việt biết công hạnh của sư, mỗi khi gặp cơn nguy nạn hoặc yếu đau, thường rước đến niệm Phật để cầu nguyện. Có người hỏi chỗ sở đắc, sư đáp: "Tôi nhớ lúc trước bị bệnh nhiệt mỗi ngày càng tăng, cơ hồ

không tự gắng gượng nổi. Nhưng rất may trong ý căn danh hiệu Phật câu này đội câu khác mà tuôn ra liên miên chẳng dứt. Nhờ đây nên tiêu trừ ma bệnh, thân thể lần an lành. Từ đó về sau, không luận nói nín động tịnh, đều có hồng danh Phật câu này đội câu kia mà hiện ra". Năm Gia Khánh thứ mười hai, Huệ Minh đau ung thư phía sau cổ, song tuyệt chẳng rên than. Khi lâm chung nhan sắc hòa vui, tay lần như lần chuỗi, niệm Phật giây lâu rồi viên tịch.

Trước lúc ấy, một người ở thành Hàng Châu mộng thấy vị tăng quen biết đã mất phần là Huỳnh hòa thượng bảo: "Ta khuyên người quy y sư Huệ Minh, người lần lựa mãi nên không đi đến kết quả. Nay vị sư ấy sẽ sanh về Cực Lạc nội trong tháng này, nếu chân chờ tất không còn kịp nữa. Nên mau qua cầu thỉnh, pháp danh của người là Đại Thông đã định sẵn rồi". Thức giấc người đó lấy làm lạ, sáng ra tới chùa thăm dò, thì chứng ung thư của Huệ Minh phát hiện rất nguy kịch. Ông ta vội trở về mời năm người đồng bạn đến cầu xin quy y. Sư hứa nhận, đến khi trao cho pháp danh, tự tay biên năm chữ vào năm miếng giấy nhỏ vo tròn để bên đài đựng hương rồi bảo: "Ta bị bệnh nên không thể mỗi mỗi dặn dò. Chữ dưới của pháp danh đều là chữ Thông, còn chữ trên các người tùy duyên mà bắt thăm lấy một". Người đó bắt được chữ Đại, đúng như vị hòa thượng trong mộng đã cho biết trước".

## KHỞ TÍN

Thích Khởi Tín, tự Hương Hải, họ Đan, người ở Phú Xuân. Cha là Hoa Tạng, rộng thông về nội điển, tỏ suốt việc hướng thượng, khuyến tấn Khởi Tín bảo xuất gia. Sau khi thoát bạch (bỏ y phục đời), sư qua Nam Bình cầu giới, thầy dạy tham cứu chữ "Thù". Khởi Tín dụng công hết sức hành trì, thường suốt đêm không ngủ, ngồi thẳng trên bồ đoàn như hình tượng gỗ.

Niên hiệu Gia Khánh năm đầu đời Thanh, vào ngày rằm tháng bảy, sư lên viếng cảnh Ngô Sơn. Lúc tới nơi vào khoảng đầu hôm, đèn đuốc thấp giăng như hội hoa đăng, ánh sáng rục rỡ chói lòa cả mắt. Xúc chạm cảnh ấy, Khởi Tín chợt tỏ ngộ, khi trở về đem trình lại với cha. Hoa Tạng ấn khả, lại bảo đi tham vấn khắp hàng tri thức. Sư vâng lời, đi lần đến Tô Châu, gặp ngài Nhất Truyền khai thị cho pháp môn Niệm Phật. Sau khi đó, Khởi Tín trở về Hàng Châu, đóng cửa nhập thất nơi am Cổ Mai, mỗi ngày niệm mười muôn câu Phật hiệu. Lúc ra thất, ngẫu nhiên làm thi, đều chỉ hướng về Tịnh Độ. Sư có bài Niệm Phật Ca như sau:

Niệm Phật mau

Duyên tới hảo!

Quét sạch trần tâm muôn vọng ảo

Trón cha mấy lúc ruỗi phong trần

Quán khách nhiều phen hôn mộng não!

Chẳng tham thiền

Không nghiên giáo!

Ngồi tịnh lò hương khói vi nhiễu  
Hỏi tìm khắp chốn biết về đâu  
Tham phỏng chừng nao ngày kết liễu?

Đừng cầu ngoài  
Trong lặng chiếu!

Vật áo ma ni vô giá bảo  
Tùy nơi hiện sắc rất phân minh  
Sáu nẻo thân quang đâu chút thiếu!

Nước lững lờ  
Non cao ráo  
Trong tịnh nhìn xem đều cảnh diệu  
Cười ai danh lợi luống bôn ba  
Bỏ sự nhàn vui mê lối đạo!

Trăng lặng mờ  
Chuông sáng báo  
Cậy mình dung sắc chưa suy lão  
Xưa nay hiện triết số hằng sa  
Ai chẳng xương tàn vùi bích thảo?

Chỉ tâm này  
Không thọ yếu  
Thoát ly biển khổ vòng điên đảo  
Trăm năm thân thế tợ không hoa

Khám phá không hoa đời cũng hảo!

Nương gậy bình

Mang bát áo

Thanh thảo muôn duyên vui với đạo

Kiếp sanh định số đã an bài

Tánh Phật thiên chân đâu phải tạo?

Ăn am tranh

Bền tiết thảo

Quan khó khiến sai, vua khó triệu.

Trọn ngày ngồi tịnh dứt tâm cơ

Bích nhãn hồ Tăng nhìn chẳng thấu!

Mưa song mai

Trăng rèm liễu

Canh rau cơm đỏ tùy duyên liệu

Dám rặng đóng cửa mền thanh cao

Cũng chẳng nhìn ai hèm kém thiếu!

Sống ít quen

Chết chẳng điều

Hơi tắt dẫy da quàng mảnh chiếu

Vùi chôn thiêu hóa mặc tình người

Khỏi bận cháu con hiền, bất tiếu!

Vui vẫn điềm  
Khổ chẳng yếu  
Cõi mộng phù sanh đà thấu hiểu  
Khắp khuyên quảng phút gánh ưu phiền  
Cùng nhau ca khúc hoàn hương điệu!

Có đôi lời  
Rất giản yếu

Đời người tợ lưới giăng phi điều.  
Lưới giăng muốn thoát phải làm sao?  
Niệm Phật về Tây, phương tối diệu!

Năm Gia Khánh thứ mười bảy, ngày mười chín tiết  
Mạnh đông, Khởi Tín viên tịch nơi am Ân Tu ở Đông Viên.  
Trước khi lâm chung, sư tắm gội thay y phục, rồi ngồi kiết  
già niệm Phật mà qua đời, hưởng dương ba mươi bảy tuổi.  
Người thân cận dò xem thấy đánh nóng tợ lửa. Lúc đem  
liệm vào bảo khám, thi thể nhẹ như bông. Hoa Tạng đến  
thăm, tặng đôi liễn khen ngợi rằng:

Nóng đánh quyết sanh An Lạc quốc  
Nhẹ thân hiển rõ Niết Bàn tâm!

## ĐÔNG QUA HÒA THƯỢNG

Đông Qua hòa thượng, họ Tôn, sót mất tên, người ở  
Hàng Châu. Tánh ông ưa ăn trái đông qua (trái bí), nên  
nhiều người gọi lâu thành tên. Ông xuất gia ở am Hoa  
Nghiêm, tánh trầm lặng, suốt ngày đi dạo ở chợ phố, dù tiết

lạnh nóng cũng không mấy khi vắng mặt. Trải hơn mười năm như vậy, không ai lường biết là người thế nào? Hòa thượng thân thiện với vị tăng ở am gần bên là Huệ Chiêu. Trước khi viên tịch một tháng, ông bảo Huệ Chiêu rằng: "Ngày mùng sáu tháng giêng năm tới, tôi về cõi Cực Lạc, xin thầy niệm tình đến đưa nhau!". Tới kỳ hạn, hòa thượng đi phó trai nơi am Pháp Huệ trở về thấy Huệ Chiêu đã có mặt ở tịnh thất, liền hỏi: "Thầy đến đây có việc chi?". Chiêu cười đáp: "Ngài nói hôm nay về Tây Phương, nên tôi lại đây theo lời ước hẹn!". Hòa thượng bảo: "Thầy không nhắc, cơ hồ tôi quên mất!". Nói đoạn, vội tắm gội thay y phục, lễ Phật xong, bảo Huệ Chiêu rằng: "Đã về Phật, chẳng thể không có lời kệ để lưu niệm. Xin thầy vì tôi mà ghi chép!". Rồi đọc kệ rằng:

Trọn ngày đạo phổ phùng,  
Trong lòng niệm Phật luôn.  
Thế nhơn đâu biết được?  
Riêng có một thiên đường?  
Thuyết kệ xong, vui vẻ niệm Phật mà hóa.

### **Lời bình:**

Tới ngày về Phật mà quên, sự sống chết sao tự do đến thế? Xét kỹ nguyên nhân, cũng không chi khác, đó là tâm cùng Phật tương ưng mà thôi! Công phu niệm Phật của người thời nay, mỗi ngày chỉ một ít giờ, tâm lại không thường được chuyên nhất. Như thế mà muốn khi lâm chung cảm thối ứng, chẳng cũng là chuyện khó hy vọng lắm ư!



## NGỘ LINH

Thích Ngộ Linh, hiệu Huyền Như, con nhà họ Kim ở Hải Xương tỉnh Triết Giang. Từ thuở bé, sư đã có chí xuất trần, thấy Phật liền cúi lạy. Đến chín tuổi nhân hay đau yếu, xin với cha mẹ cho mình xuất gia. Được chấp thuận, sư xuống tóc nơi chùa An Quốc, lễ thượng tọa Tượng Lũng làm thầy. Về sau lại thọ giới cụ túc tại chùa Chiêu Khánh ở Hàng Châu.

Bấy giờ ngài Tất Đản Thuận đang mở hội Niệm Phật tại Lưu Thủy Cư ở Tô Châu. Ngộ Linh nghe biết đến xin tham dự, sáu thời trì niệm không biếng trễ. Kế tiếp sư tuần tự lễ các kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Viên Giác, mỗi chữ một lạy. Thuận công thấy hai lòng bàn chân của sư đầy đặn bằng phẳng, liền truyền cho y phát. Đối với pháp môn Tịnh Độ, Ngộ Linh tin chắc không dời đổi nghi ngờ. Cha mất sớm, sư khuyên mẹ là Châu thị niệm Phật cầu vãng sanh. Sau quả nhiên bà mẹ không bệnh, niệm Phật mà thoát hóa. Người anh của sư là Liên Ân thấy thế, cảm động quyết chí xuất gia.

Sau khi Thuận công thị tịch, Ngộ Linh nối tiếp hoằng hóa ở Nam Thiên ba năm, rồi về qui ẩn nơi am Vi Đà tại Tòng Giang. Nơi đây sư cùng anh là Liên Ân nung nấu trong vài gian am tranh thanh vắng, lấy niệm Phật làm nhứt khóa. Một đêm đang khi thiền quán, Ngộ Linh thấy các ngôi sao trên trời từ bốn phương tụ họp lại thành bốn chữ

Úc Phật Niệm Phật. Mỗi chữ đều vuông rộng hơn một trượng, ánh sáng rực rỡ chói lòa. Từ đó đôi mắt của sư lấp lánh có thân quang, kẻ tăng tục cho đến hàng nông mục công thương, trông thấy đều sanh lòng kính mến. Số người cảm hóa niệm Phật theo không dưới vài ngàn.

Ngộ Linh đã chuyên chí nơi tịnh nghiệp, nghĩ đến sau khi bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ra đời, từ đó tới giờ bậc cao hạnh niệm Phật cũng nhiều, chẳng nên để cho mai một. Vì thế sư ra công sưu tầm dò hỏi các sự việc vãng sanh, góp lại viết thành một quyển nhan đề là Nhiễm Hương Tập. Tập này ghi chép từ đầu năm Gia Khánh trở về sau, những vị nhiễm hương niệm Phật được vãng sanh đều không bỏ sót, trải năm năm mới hoàn thành, và khắc bản cho lưu hành nơi đời. Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ tám, sư bị bệnh nấc hơi, biết mình không sống lâu, liền cho mời các hàng liên hữu đến khuyên tấn và định hạn kỳ giã biệt. Sư lại tự đặt cho mình hai câu đối để nơi Ảnh đường như sau:

Nê ngư hồng lạc giang tâm nguyệt

Mộc mã tê quy hải thượng vân.

(Ngựa gỗ hí gom mây mặt bể

Trâu bùn rông lọt nguyệt lòng sông).

Kế đó Ngộ Linh tuyệt thuốc thang, một lòng niệm Phật cầu sanh. Sang tháng năm bệnh tăng nhiều, có ai đến viếng thăm, sư chỉ bảo: "Sống chết là việc lớn lao, mỗi người phải tự gắng sức!". Rồi lâm râm niệm Phật, không đề cập đến việc chi khác. Tới ngày mười bảy, sư ngồi ngay thẳng

hướng về Tây niệm Phật. Có vị tăng hỏi: "Một câu sau rốt (mạc hậu cú) khi sắp đi là thế nào?". Sư đáp: "A Di Đà Phật!". Giây lát, tiếng niệm thấp nhỏ dần rồi lặng lẽ mà hóa, tuổi đời được sáu mươi một, Tăng lạp ba mươi lăm. Ba ngày sau mới nhập khám, dung mạo còn tươi như sống.

## VIÊN DUNG

Thích Viên Dung, tự Trúc Phong, họ Diêu, người ở huyện Đức Thanh thuộc Hồ Châu. Sư xuất gia nơi chùa Yên Hà tỉnh Thạch Ốc tại Hàng Châu năm hai mươi tuổi. Kế đó đến chùa Chiêu Khánh học luật, thọ giới cụ túc, giữ gìn rất nghiêm cẩn. Sư chuyên cần lễ niệm, lấy sự vắng sanh Tịnh Độ làm chí nguyện quyết định trong một đời.

Viên Dung không lãnh chùa am, hằng nương theo tăng chúng mà tu, bảo rằng làm thế để cho khỏi sự dụng tâm tạp loạn. Sư cũng chẳng nhứt định ở một chỗ, hợp thì ở không hợp thì đi, ý khí rảnh rang không cố chấp. Tùy chỗ ở, sư không thích theo chư tăng làm công việc, cầu xin với đại chúng đóng cửa để tịnh tu. Hằng ngày Viên Dung nếu không lễ bái thì niệm Phật, không niệm Phật tất lễ bái, hoặc có khi lễ niệm song hành chẳng lúc nào gián đoạn. Sư cũng chẳng xen thêm pháp tu nào khác, chỉ hành trì theo hai phương thức ấy đến trọn đời. Có nhiều lúc từ giờ ngọ, sư gõ mõ niệm Phật tiếng nghe rành rạnh trải suốt đêm cho đến xế hôm sau. Chúng tăng thấy tụng niệm mãi không thôi, lớn tiếng nhắc gọi, sư mới nghỉ. Đồng bạn hỏi: "Niệm lâu như

thể không mỏi mệt và đói khát hay sao?". Sư đáp: "Đâu có chi lâu, tôi thấy chừng độ nửa ngày. Trong miệng tôi hằng tuôn ra chất nước ngọt thơm như mật, thường đầy thường nuốt, thọ dụng không cùng, nên chẳng nghĩ đến sự ăn uống!". Viên Dung niệm Phật luôn ngày đêm, không đặt lưng xuống chiếu hơn vài mươi năm, nên ít khi có mộng. Ngẫu nhiên mơ màng, cũng chẳng rời lễ niệm, không có duyên nào khác. Đôi khi mộng, lại thấy Phật, Bồ Tát hoạt động như sống, nhắc nhở khuyên tu. Có lúc sư thấy đức Vi Đà tôn thiên, hướng dẫn cho niệm Phật. Các điềm mộng của sư đại loại đều như thế cả.

Năm Đạo Quang thứ mười đời Thanh, vào ngày mười chín tháng ba, Viên Dung tịch nơi am Thiên Hoa tại Đông Viên thành Hàng Châu. Trước đó vài ngày, sư cảm bệnh nhẹ, dự biết thời khắc vãng sanh, đến già biệt vị am chủ nói đôi lời chúc nguyện, rồi thâm trì niệm không đề cập việc chi khác. Sau khi sư viên tịch, đánh đầu còn nóng ấm rất lâu. Lúc trà tỳ để đem di cốt vào tháp phổ đồng ở chùa Long Khánh, thi thể phân hóa rất mau, không tốn củi nhiều. Sư không thấu nhận đệ tử xuất gia, hưởng tuổi đời được sáu mươi bốn.

### ***Lời bình:***

Không thường ở một chỗ, là chân giải thoát. Không nuôi dưỡng đồ chúng, là chân thanh tịnh. Lúc trà tỳ thi thể cháy tiêu mau, há chẳng phải là điều minh chứng không luyến nhiễm nơi duyên đời đó ư!

## DIỆU TRẠM

Thích Diệu Trạm, họ Hầu, người ở Kim Lăng. Sư bầm tánh trung hậu, lúc còn bé không tranh cãi với người, cũng chẳng ưa nói nhiều. Lớn lên, rất thích làm lành, nhiều người gọi đùa là cư sĩ.

Không bao lâu, sư đến núi Lang Gia, nương theo ngài Trí Nghiễm xuống tóc. Sau khi thọ đại giới, Diệu Trạm tu hành tinh tấn, thông hiểu ý mầu của Phật pháp. Có người khuyên làm trụ trì cùng lãnh chúng, sư bảo: "Lánh mình giữ đạo, muốn ân tu hay hiền hóa đều tùy tiện cơ nghi. Khi lãnh chùa lớn có đồ chúng đông nhiều, tất khó tránh khỏi nạn duyên, không biết lúc nào mới xong dứt!". Sau sư lánh nạn binh đao đến Duy Dương, ở nơi viện Tàng kinh, giữ phận sự hướng dẫn người niệm Phật, phóng sanh, và khắc kinh điển. Vài năm sau, Diệu Trạm đem công việc giao phó cho chúng, rồi thôi cư gắng sức tu trì. Các chùa khác có việc cần nhờ cậy, đều phương tiện kết duyên tùy hỷ. Giới xuất gia đều kính là bậc thượng tọa, hàng đạo tục quy y rất nhiều.

Trong năm Đồng Trị, Kim Lăng được khắc phục, sư bèn trở về quê cũ. Hàng quen biết đều cảm sâu đức hóa, nương theo tu Tịnh Độ rất đông. Khi đoàn thể chư tăng gồm các vị: Dương Chi, Diệu Không, Thanh Phạm, Thiện Thành, đề xướng việc khắc in Đại tạng kinh. Diệu Trạm cũng tán trợ, chẳng ngại mưa gió đi khắp bắc nam, quyên mộ được hơn

ngàn lượng vàng. Mọi việc hoàn thành, sư quỳ trước bàn Phật, đốt liền hương nơi cánh tay, đem công đức hồi hướng nguyện cùng chúng sanh kết trí huệ nhân, đồng sanh về Tịnh Độ. Sư có các đức tánh: ôn hậu, bình hòa, chí thành, từ ái, nên đại chúng đều kính trọng nương về. Sanh bình, khi sư nghe thấy người làm một việc tốt, hoặc phát một tâm lành, đều chấp tay khen ngợi. Đối với kẻ ác muốn phá hoại, thì an nhẫn thâm niệm Phật, lâu ngày chúng cũng cảm hóa theo. Sư thường nói: "Làm phận xuất gia, nếu bên trong chẳng cương quyết nghiêm minh, tất dễ bị phiền não cảnh trần xoay chuyển. Bên ngoài không hòa nhẫn từ ái, thì khó xử thế để hóa độ người".

Năm Quang Chử thứ chín, vào ngày mừng bảy tiết Quý thu, Diệu Trạm cảm bệnh nhẹ. Các hàng đệ tử không hẹn trước mà hội đến hơn trăm người, cùng nhau xung hồng danh trợ niệm. Khi lâm chung, sư dạy chúng rằng: "Niệm Phật tuy xem dường dễ dàng, song rất khó thành tựu. Cho nên lúc bình thời mỗi người phải để ý tự gắng sức. Hiện tại đại chúng niệm tức là tôi niệm, đôi bên đều không phân cách nhau!". Nói xong, an nhàn vãng sanh trong tiếng niệm Phật, hưởng thọ được sáu mươi tuổi. Từ khi nhiễm bệnh cho đến lúc mãn phần, dung sắc của sư vẫn an lành không cải biến. Sư di chúc thiêu hóa sắc thân, đem tro xương hòa với bột làm hoàn liệng xuống sông thí cho loài thủy tộc, để đền trả nợ đời trước đã ăn thịt chúng.

## THỌ TÂM

Thích Thọ Tâm tự Chuyên Tây, họ Mao, người ở Phương Thành tại Triết Đông. Từ khi mới sanh ra, sư chỉ ăn uống thức thanh đạm, không dùng sữa và thịt cá. Lớn lên, nhàm chán cảnh trần lao, lập chí tu hành lìa thế tục. Năm mười tám tuổi, sư vào chùa Tiểu Linh Sơn ở Thành Tây, nương theo Giới Am pháp sư xuống tóc xuất gia.

Lúc sắp thọ cụ túc, ngài Giới Am đau nặng, Thọ Tâm nghĩ: "Sự hoằng dương Phật pháp phải nhờ những bậc tôn túc như thầy mình. Tự xét bản thân mong manh tợ sương mai, mạng này đâu có chi đáng tiếc!". Do đó sư nấu nước thơm tắm gội, đến trước Tam Bảo đốt hương khẩn nguyện, rồi trở về phòng mình tự mổ bụng, muốn cắt lá gan hòa với thuốc để trị bệnh cho thầy. Đâu hay vừa mới đưa dao rọc nhẹ vào bụng, bỗng đau đớn xây xâm té xuống đất. Giây lát sư hồi tỉnh, bò lại giường thì phương đông trời đã rực sáng. Đại chúng phát giác, cùng nhau lo buộc thuốc băng bó cho sư. Ngài Giới Am hay biết chuyện đó, vời Thọ Tâm đến an ủi rằng:

-Lòng hiếu tử của con tuy mạnh mẽ, nhưng trọn không phải là chánh hạnh của người tu. Huống nữa ta tự biết thời tiết nhân duyên, đã rõ sanh vốn vô sanh, thì có chi là diệt? Việc của con làm hoàn toàn do vọng tưởng, nhưng ta nghĩ thương một niệm hiếu thành, nên tạm lưu lại ít lâu!".

Quả nhiên sau khi sư thọ cụ túc trở về vừa độ một tháng, thì ngài Giới Am liền quy tịch. Thọ Tâm thiên tánh hiếu

thuận, thương khóc quá phần, lo việc tần liệm chôn cất, mỗi mỗi đều chu đáo.

Không bao lâu, sư đem việc chùa giao phó cho pháp đệ là Liên Đường, còn mình thì đi các nơi tham học. Sư nghiêm giữ giới luật, tu hạnh đầu đà, chân trần lộ đánh, mùa đông tiết hạ chỉ một manh áo, thường chuyên lo niệm Phật. Mọi người thấy thế đều xưng gọi là Xích Cước đại sư. Mùa thu năm Tân Tỵ trong niên hiệu Quang Chử, Thọ Tâm trở về chùa Tiểu Linh Sơn. Lúc ấy nắng hạn đã lâu, những làng quanh vùng đều lập đàn đảo võ. Quan huyện là Tôn công lòng lo như đốt, ngày đêm khẩn cầu mà chưa thấy ứng nghiệm. Thọ Tâm động lòng thương xót, đi thẳng đến ra mắt Tôn công, an ủi khuyên chớ quá lo, việc cầu mưa để tự mình lãnh trách nhiệm. Hôm sau là ngày Nhâm Tý, sư ôm bát đến vực suối cạn lấy được một vật hình như cái Thủ cung. Đến ngày Ất Mão, Thọ Tâm lập đàn trì chú, lễ bái sáu thời. Sang giờ Dần ngày Bính Thìn, trời xuống cơn mưa nhưng giây phút lại tạnh. Tôn công sai các thân hào do ông Lý Tiêu Nham hướng dẫn, đến xin cầu đảo thêm. Sư bảo:

-Các vị chớ lo, ngày mai sẽ có mưa lớn!

Đêm ấy Thọ Tâm chí thành trì chú cầu nguyện, đánh lễ tới sáng. Quả nhiên vào giờ Ngọ ngày Đinh Tỵ, mưa đổ xuống như trút dẫn đến chiều tối, ruộng nương đều đầy dẫy nước. Dân chúng trong vùng vui mừng hơn hở. Tôn công xuất lãnh hàng thân hào lên núi tạ ơn. Quan huyện giữ lễ đệ tử, tự tay viết bốn chữ lớn "Bát Long Giáng Trạch" để kỷ



niệm. Sư vẫn an tĩnh điềm nhiên, không lộ vẻ chi khác. Tôn công than rằng:

-Nay mới biết tăng đức uyên thâm, không thể nghĩ bàn được!

Mùa thu năm Nhâm Ngọ, Thọ Tâm đóng cửa thất tạ tuyệt các duyên, mỗi ngày trì chú Đại Bi một trăm lễ tám biến, niệm Phật mười muôn câu. Ngoài ra còn tụng danh hiệu Quán âm, Thế Chí một ngàn lần, lễ hồng danh đức Thích Tôn và Tây Phương Tam Thánh, mỗi vị đều ba mươi lạy. Trong thất sư có nuôi một con chó và mèo, mỗi ngày đều vì chúng quy y chú nguyện. Do đó nên mèo không bắt chuột, chó chẳng ăn đồ dơ. Sau ba năm, vào ngày mười chín tháng chín, sư ra thất. Đến đầu tháng mười một, Thọ Tâm nhiễm bệnh kiết lỵ nhẹ vài ngày rồi lành. Nhưng từ đó thân thể lần suy yếu, chur tăng thay phiên hầu hạ, sư không cho, bảo:

-Phận xuất gia, mỗi người đều có công khóa tu hành, đừng nên để làm lỡ nhau. Nếu quả đến thời, sẽ cho người kêu gọi!

Chiều tối ngày hai mươi sáu, Thọ Tâm vờ các đồ chúng đến gần giường dạy rằng:

-Đêm nay ta sẽ về Tây Phương, nên mau nấu nước thơm đem đến!

Sau khi cạo tóc, tắm gội và thay y phục xong, sư ngồi kiết già cử bài tán Phật, bảo chúng hòa theo. Lúc niệm Phật

độ hơn trăm câu, tiếng sư thấp nhỏ lèn, đầu hơi cúi xuống. Bỗng lại ngược đầu lên ngay thẳng, nói:

-Ta đi đây! Đại chúng nên trân trọng!

Rồi cao tiếng niệm Phật một câu mà viên tịch. Đêm ấy hai con thú chó và mèo nuôi trong thất, cũng đồng ngồi thoát hóa. Mọi người đều bảo nó vãng sanh theo sư.

Bấy giờ nhằm năm Ất Dậu, niên hiệu Quang Chử.

## TU NGẠN

Thích Tư Ngạn tự Nguyên Đăng, con nhà họ Tạ ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Lúc tuổi trẻ ông theo học Nho vào hàng Chư sanh. Không bao lâu cảm thấy việc đời vô thường, nên quy y Tam Bảo, đi tham học khắp các bậc tri thức về Tông và Giáo. Sau ông nghe Ngọc Phong pháp sư khai thị: "Muốn cầu thoát khổ, chỉ có pháp môn Niệm Phật là dễ thành tựu", liền phát tâm mỗi ngày trì Phật hiệu sáu muôn câu lấy làm định khóa. Bình sanh có làm công đức chi, đều hồi hướng về Tịnh Độ. Năm Nhâm Thân niên hiệu Đồng Trị, lại phát tâm thọ ngũ giới nơi chùa Hải Triều.

Năm Quang Chử thứ chín, ông chán cuộc trần lao, muốn sớm cầu giải thoát, nên đem việc nhà giao phó cho hai con, đi thẳng đến chùa Hộ Quốc, lễ hòa thượng Kính Phong cầu xuống tóc xuất gia. Mùa đông năm ấy, sư được duyên lành thọ giới cụ túc nơi chùa Kỳ Viên ở Túc Sơn. Kế đó lại trở về chùa Hộ Quốc chuyên tu tịnh nghiệp. Do gắng công lao nhọc đã lâu, Tư Ngạn lần nhiễm bệnh, tuy thuốc thang điều

trị nhiều phen, song bệnh lành rồi lại tái phát. Hai con trai nhớ mến, rước sư về dưỡng bệnh nơi nhà, mở một gian tịnh thất để làm chỗ tĩnh tu. Mùa thu năm Quang Chử thứ mười lăm, sư bỗng vương chứng hạ ly, thuốc thang không công hiệu. Từ đó sự ăn uống tuy lần kém giảm, song sức niệm Phật lại thêm thành kính thiết tha. Tới ngày mùng mười tháng chín. Tư Ngạn gọi hai con lại bảo rằng: "Thời kỳ vãng sanh của thầy đã đến, hai con hãy đi thỉnh chư tăng về nhà niệm Phật bảy ngày, để hộ trợ ta về Tây Phương!". Sư định sáng sớm ngày mười hai khởi đầu kỳ Phật thất, bảo với vị tăng là Lăng Phong rằng mình chỉ còn lưu trụ bảy hôm nữa thôi. Sang ngày rằm, lại cầm tay tăng hữu là Đình Sơn nói: "Chỉ còn ba hôm, tôi sẽ về Cực Lạc!".

Đến tối ngày mười bảy, sang canh tư, sư hỏi mấy giờ, hai con đáp là giờ Sửu. Tư Ngạn nói: "Giờ Sửu tức đã qua ngày mười tám, là kỳ hạn thầy vãng sanh. Vậy nên thỉnh chư tăng xưng hồng danh trợ niệm!". Khi chúng xưng Phật hiệu, sư cũng niệm theo. Ước chừng tàn nửa cây hương, bỗng lặng thình nhảm mắt. Giây lâu chợt mở mắt chấp tay, đối chúng tăng xưng tạ và nói: "Tôi đã được đến Tây Phương lễ cận đức A Di Đà cùng hai vị Đại Sĩ. Phật rủ lòng thương xót trao tịnh y cho tôi. Còn Quán Âm Bồ Tát thì cầm cành dương rải nước cam lộ nơi đầu. Nhìn ra xa, tôi thấy Liên Trì đại sư đang thuyết pháp cho các bậc thượng thiện như nghe. Bay dạo trên ao thất bảo rộng lớn mênh mang, nhìn khắp các hoa sen báu, tôi thấy một hoa

tòa ghi tên chỗ mình sanh về. Đức Phật dạy tôi hãy tạm trở lại Ta Bà, cáo tri cho mọi người biết rằng mình được sanh về Tịnh Độ. Xin phụng khuyến các vị nên gắng chuyên tinh niệm Phật, để ngày kia cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang!". Nói xong bảo đem nước mát uống ba hớp, rồi lại giương nằm nghiêng bên hữu, niệm Phật vài mươi câu mà thoát hóa.

Hôm sau, khi nhập quan, đánh đầu hãy còn nóng.

## NGỌC PHONG

Ngọc Phong pháp sư tự Luyện Tây, người ở huyện Quảng Tín, tỉnh Giang Tây. Ông xuất gia nơi chùa Phổ Ninh lúc mới hơn 10 tuổi. Thầy thế độ dạy đọc tụng các kinh đại thừa, do linh căn đã gieo sẵn, pháp sư liền hiểu rõ đại ý. Sau khi thọ giới cụ túc nơi chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, Ngọc Phong lập chí tuân giữ theo kinh Phạm Võng. Kế đó lại đồng chúng tham thiền, đem hết sức mình dụng công; ngày nọ canh khuya nghe tiếng chuông ngân vang, bỗng hoá nhiên tỉnh ngộ.

Một hôm xem đến quyển Viên Trung Sao của ngài U Khê, thấy khế hợp với tâm mình, pháp sư vui mừng lập thế nguyện giữ giới luật trang nghiêm và chuyên tâm niệm Phật để cầu sanh Tịnh Độ. Ngọc Phong tự tu và khuyến hóa người rất thành khẩn, nên hàng tăng tục hưởng ứng theo ngày càng đông. Giảng đến sự khổ trong vòng sống chết luân hồi, lời nói của pháp sư rất thống thiết, khiến cho thính

giả phải rơi lệ. Cách thuyết giáo về Tịnh Độ, thì dạy bốn chúng phải tùy tâm lực hoàn cảnh, mỗi ngày lập định khóa niệm Phật ghi số, hoặc từ một, hai muôn cho tới mười muôn câu, giữ đến suốt đời đừng gián đoạn. Đó là phương pháp đã kinh nghiệm của tiền nhơn, nếu cứ giữ y như thế không thôi chuyên, thì khi mạng chung quyết định sẽ được sanh về Cực Lạc, không còn nghi ngờ. Pháp sư lại viết nhiều sách xiển dương môn Tịnh Độ, đại khái khen ngợi đó là đường lối dễ tu dễ hành, công năng siêu hơn các hạnh, như tuân hành theo tất được sự lợi ích rộng to nhanh chóng. Ngọc Phong lại mượn thợ khắc bản đá kinh A Di Đà đem ấn tống, ban hành các kinh luận đại thừa, và làm những thắng hạnh khác để trợ tu khuyến người, lưu thông Phật pháp, đền đáp bốn ân.

Năm Quang Chử thứ 15, trụ trì chùa Tây Phương ở Minh Châu là hòa thượng Tịnh Quả, gửi thơ mời về tu tại bản tự, vì tên chùa hợp với tâm nguyện mình nên pháp sư nhận lời cầu thỉnh. Từ khi phát tâm cho đến lúc lâm chung, mỗi ngày Ngọc Phong niệm Phật sáu muôn câu, hai thời hồi hướng, dù tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ, lấy đó làm định khóa .

Năm Quang Chử thứ 18, vào ngày mùng 6 tháng 7, sau thời ngộ trai, pháp sư cảm thấy hơi thở ngắn uất khó khăn. Ngày kế, hòa thượng Tịnh Quả cho mời danh y đến chẩn trị. Sau khi xét nghiệm, y sĩ bảo: "Mạch đã hoàn toàn kiệt mất, không còn dùng thuốc chi được nữa!". Nhưng Ngọc

Phong vẫn ngồi kiết già hướng về Tây niệm Phật, không nói năng chi, tinh thần xem có vẻ sáng kiện hơn lúc bình thường. Y sư thấy thế than thở ngợi khen cho là điều ít có. Hòa thượng Tịnh Quả hỏi: "Xin thỉnh chư tăng đến xưng hồng danh để trợ niệm có được chăng?". Pháp sư gật đầu. Khi đại chúng đứng hai bên niệm thánh hiệu Di Đà, ước chừng tàn một cây hương, thì pháp sư chấp tay gắng sức xưng Phật danh độ vài trăm câu, rồi an vui mà thoát hóa. Ngày mùng 9, lúc nhập khám, mọi người kiểm thấy đánh đầu còn nóng, sắc mặt hiện tướng sáng suốt tươi nhuận.

Rằm tháng hai năm sau, khi thiết lễ trà tỳ, hàng tăng tục hội về hơn vài trăm người. Ngọn lửa vừa bốc cháy đều, cửa bảo khám sụp xuống trước, đại chúng thấy thi thể Ngọc Phong vẫn còn ngồi kiết già, nghiêm nhiên tươi tỉnh như sống. Lúc lửa cháy dữ dội, mọi người lại thấy trên đánh pháp sư hiện ra 10 vị Phật, nơi mỗi bàn tay hiện ra một đức Như Lai tướng tốt trang nghiêm. Đó là lúc sanh tiền, Ngọc Phong từng đốt 10 liêu hương nơi đầu cúng dường 10 phương Phật. Và mỗi bàn tay lại đốt một ngón, một cúng dường đức Thích Ca, một cúng dường đức A Di Đà. Do pháp sư có lòng chân thành, nên lúc thiêu hóa mới hiện ra điềm lành hy hữu như thế. Xét công hạnh tự tu và độ người, pháp sư tất được sanh về Thượng phẩm.

## CHÍ THIỆN

Chí Thiện thiên sư, người đời Thanh, chưa được rõ xuất xứ. Trong niên hiệu Đồng Trị Quang Chử, ngài mở pháp hóa nơi chùa Hải Hội ở Lô Sơn. Thiên sư đạo hạnh cao siêu, bốn chúng ngưỡng mến nương về, là bậc danh đức ở miền Giang Tây trong thời cận đại.

Sau khi ngộ suốt tâm tông, ngài chuyển sang niệm Phật, sự tự tu và khuyên hóa người đều lấy Tịnh Độ làm nơi quy hướng. Cho nên trong thời gian đó, cư dân nơi vùng núi ấy, người đều đeo chuỗi, nhà đều thờ Phật. Từ hạng nông công cho đến kẻ tiểu phu mục đồng, khi rảnh việc phần nhiều ngồi nơi gốc cây hoặc trên tảng đá nhắm mắt niệm Phật, là điều thường thấy không ai còn lấy làm lạ. Di phong ấy đến nay vẫn còn nối tiếp lưu truyền.

Lúc lớn tuổi, Thiên sư đem việc chùa giao phó cho hàng cao đồ là Thanh Hư hòa thượng, còn mình thì ở nơi tịnh thất chuyên tu. Học chúng khi vào thất thỉnh ích, ngài đều bảo tự tiện ngồi, rồi tùy cơ mà ứng đối chỉ dạy. Có vị tăng là Cẩm Phong, làm chức Tàng chủ coi kho vật thực trong chùa, mỗi ngày cũng trồng rau bở củi tham thiền niệm Phật, chúng đều xem như người thường. Một năm vào đầu mùa đông, sư đến phương trượng xin nghỉ việc. Thanh Hư hòa thượng dạy: "Thường trụ mới khởi kỳ Phật thất, ông chớ vội rời bỏ sớm, nên ở lại đây hết năm rồi sẽ đi!". Sư thưa: "Thời kỳ đã đến, không thể chờ đợi!". Hòa thượng bảo: "Ta vì ông mà cầm lại!". Cẩm Phong lễ tạ rồi lui ra. Sang xuân vào ngày mùng ba, sư lại đến xin đi. Hòa thượng nói: "Đầu

năm mới ông đi chúng sẽ động niệm, nên nán lại đôi ba hôm nữa!". Cẩm Phong lại lui ra.

Qua ngày mừng mười, sư lên phương trượng kiên quyết xin đi và nói: "Tôi cùng các bạn đồng tham sống chung với nhau đã lâu, nên có mối hậu tình. Qua tiết Nguyên Tiêu, phần đông tăng chúng sẽ tản đi du phương các nơi, về sau không còn có cơ duyên gặp gỡ. Vì thế tôi muốn các đồng bạn đưa nhau một đoạn đường!". Hòa thượng nghe nói chấp thuận. Cẩm Phong lễ tạ, rồi sang yết kiến ngài Chí Thiện. Thiền sư dự biết trước, để sẵn một chén nước trong vắt, dặn thị giả rằng: "Nếu Cẩm Tàng chủ đến đây, bảo hãy uống chén nước này, không cần phải vào ra mắt". Thị giả đem điều ấy nói lại, Cẩm Phong bái lãnh mà uống. Đến giờ ngộ, sư vẫn theo chư tăng thọ trai. Trai cúng xong, hòa thượng bạch với chúng rằng: "Cẩm Tàng chủ sắp đi xa. Vậy sau giờ ngộ hai tiếng bồng, xin đại chúng đồng đắp y đem mõ nhỏ và khánh cùng đến liêu phòng tiễn đưa Tàng chủ!". Chúng nghe nói hầu hết đều có vẻ ngơ ngác lấy làm lạ. Đến giờ, Duy na hướng dẫn chư tăng đến nơi, Cẩm Phong đã dọn thất trống trải sạch sẽ, chính giữa để bàn hương án thờ Phật, hai bên sắp chỗ ngồi cho đại chúng. Giây phút hòa thượng tới, Cẩm Phong cúi lạy, rồi hướng về chư tăng đánh lễ. Ngài Thanh Hư ân cần nói kệ phú pháp. Chừng đó đại chúng mới biết là Tàng chủ sắp viên tịch, sanh về Tây Phương. Sau khi hòa thượng lui ra, Duy na cử xướng kinh A Di Đà, Cẩm Phong về chỗ ngồi theo chúng mà trì tụng.



Khi đến bài kệ tán tiếp sang niệm Phật, cây hương vừa cháy thêm độ một tấc, tiếng của sư thấp nhỏ lần, xâu chuỗi cầm nơi tay rơi xuống chiếu. Vị tăng ngồi gần bên dò thăm, rồi ra dấu Tàng chủ đã tắt hơi. Đại chúng không dám kinh động, vẫn niệm Phật như cũ. Một lúc, Cẩm Phong bỗng mở mắt, yêu cầu chư tăng luân phiên trợ niệm luôn một ngày đêm. Nói xong, sư liền nhắm mắt đi thẳng.

Năm Mậu Tuất trong niên hiệu Quang Chũ, triều đình thay đổi chính sách mới. Ngài Chí Thiện than rằng: "Thời kỳ Phật pháp suy tàn đã đến, ta già rồi không làm sao cứu giúp được! Chỉ nguyện sớm sanh về Cực Lạc, sau khi chúng quả Vô sanh, sẽ trở lại cõi này để hộ trì chánh giáo!". Nói xong, viết thư gởi chư đại đức khắp nơi, ngỏ lời giã biệt. Bảy giờ Thanh Hư hòa thượng đang trụ trì tại chùa Viên Thông ở Nam Xương, được tin thư vội vã trở về. Khi hòa thượng vừa bước vào chùa, thì ngài Chí Thiện còn đang ngồi tựa án viết lời phú chúc. Thấy hòa thượng, Thiền sư chu tất công việc rồi cười bảo: "Việc lớn đều giao phó hết cho ông. Ta đi đây!". Nói xong ngồi ngay nơi tòa mà thoát hóa.

## KHẮC CẦN

Thích Khắc Cần, họ Tường, người huyện Sương Âm tỉnh Hồ Nam. Lúc bé, ông ngu bướng ngay thẳng, lại có sức khỏe. Lớn lên vào am Hồng Thế ở Thiện Hóa xuống tóc, và sau đắc giới nơi chùa Lộ Sơn.

Sư không biết chữ, nhờ chúng bạn dạy hai thời khóa tụng, đến 5 năm mới thuộc lòng. Khắc Cần hành cước đi khắp các miền danh thắng, trải năm non bốn núi để tham học suốt 10 năm, song kết cuộc không hiểu biết chi thêm, vẫn còn tánh thẳng bướng như cũ. Đến 60 tuổi, sư gặp ngài Minh Quả làm hộ chủ kỳ Phật thất, nghe lời giảng: "Công đức niệm Phật quý ở nơi một lòng không loạn. Nếu khi tán loạn, phải lắng tai nghe câu Phật hiệu cho rành rõ thì tạp niệm tự trừ, vọng tưởng tự diệt, tâm liền được thanh tịnh". Do đó sư mới cảm biết pháp môn Tịnh Độ là siêu thắng nhiệm mầu. Khắc Cần y theo lời dạy chuyên tu sáu năm, dứt trừ được tánh bướng bỉnh, tâm hằng tự tại lặng yên. Lúc rảnh rỗi, sư thường nói với mọi người rằng: "Tu hành quý ở nơi một lòng không loạn. Nghiệp chướng của tôi do công đức niệm Phật, nay đã tiêu trừ. Mấy năm gần đây, chẳng những không phiền não, mà thân tâm còn được khinh an!".

Một ngày nọ bỗng Khắc Cần bỗng nhờ người thỉnh sư huynh của mình là Hàm An đến để trao gửi hậu sự. Hôm sau Hàm An tới, sư trông thấy cười bảo: "Đệ xin từ giã sư huynh!". An hỏi: "Pháp đệ dự tính đi đâu?". Đáp: "Vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới". An nghiêm nét mặt bảo: "Lại định muốn nói khùng phải không?". Sư cũng nghiêm trang đáp: "Sáu năm nay đệ chuyên trì Phật hiệu, nên tâm chẳng còn tạp niệm, mỗi câu hồng danh rành rẽ rõ ràng. Gần đây đã được thân thấy cõi Tịnh Độ, tự biết kỳ hạn quyết định sẽ vãng sanh, không phải có ý khi dối đâu!".

Liên đó, sư đem các thủ tục trong am và hậu sự của mình, mỗi mỗi đều giao phó dặn dò rành rẽ. Lại nói: "Vào giờ Ngọ ngày mai đệ sẽ vĩnh biệt sư huynh. Cùng là anh em bạn đạo tuổi già với nhau, xin sư huynh cố gắng chuẩn bị tư lương Tịnh Độ, đồng tu pháp môn Niệm Phật, để chờ đợi giờ phút giải thoát lúc lâm chung!".

Đêm đó, Khắc Cần không nói chuyện với ai cả, chỉ ngồi một mình niệm Phật. Rạng ngày sư tắm gội thay y phục, niệm hương lễ Tam Bảo, xuống Tổ đường lạy giã từ chư Tổ xong, rồi trở về tịnh thất ngồi niệm Phật. Vừa đến giờ Ngọ, sư bước đi chậm rãi vào ngồi kiết già trong bảo khám, tay cầm chuỗi niệm Phật, rồi lặng lẽ mà vắng sanh. Hơn 2 giờ sau, Hàm An cùng chư tăng như Phổ Âm lại dò thăm thì thấy hơi thở đã dứt, đỉnh đầu còn nóng, lại nghe mùi hương lạ bay thanh thoảng. Tất cả đều kinh hãi, chùng ấy mới tin lời Khắc Cần nói hôm trước. Bấy giờ nhằm ngày mùng 5 tháng 7 năm Tân Sửu, niên hiệu Quang Chử đời Thanh.

Lúc đó khí hậu nóng bức, vì việc nông của nhà chùa đang gấp rút bộn bề, nên phải đình khám 7 ngày mới đem thiêu hóa. Nhưng sắc thân của sư vẫn tươi tắn, phát ra hơi thơm không có chút mùi hôi. Tất cả đều khen ngợi và lấy làm lạ.

## TỊNH HẢI

Thích Tịnh Hải tự Việt Ngạn, họ Châu, quê ở huyện Thái Bình tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông mồ côi cha, người

bác không con xin đem về làm thừa tự, dạy cho coi sóc gia nghiệp. Nhưng Tịnh Hải tuy sống trong cảnh đầy đủ nơi thị tứ, mà lòng u uất không vui. Một hôm, đọc xong bộ Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, ông bỗng có sự cảm ngộ lớn, tự suy nghĩ: "Những vị như Gia Cát, Quan Công, Trương Phi có thể gọi là hạng nhơn tài bậc nhất, nhưng tất cả đều thân chết trước mà công nghiệp chưa thành. Ta sánh với người xưa muốn phần chưa được một, mà muốn lập công danh nơi đời, chẳng cũng khó khăn lắm ư?". Trong một niệm, ông ngộ được lý: chỉ có tiêu dao ngoài vòng tục lụy, mới đích thực là an vui giải thoát.

Năm 18 tuổi, ông trốn lên non Thiên Thai, lễ Tế Chu đại sư cầu xin xuống tóc xuất gia. Ba năm sau, được thọ đại giới tại chùa Quốc Thanh, rồi trụ nơi thiền đường theo chúng tu học. Đến 33 tuổi, nghe chùa Linh Thứu ở Tô Châu có giảng kinh đại thừa, sư liền mang gậy bát tới nơi xin dự vào pháp hội. Sau đó lại đóng cửa nhập thất tịnh tu ba năm ở một ngôi chùa tại Mộc Thục Sơn. Khi ra thất, nhân vì Năng Thuyên pháp sư trụ trì chùa Bảo Liên quy tịch, các bậc tôn túc đều khuyên ép phải lên kế nhiệm, bất đắc dĩ sư miễn cưỡng vâng lời. Chùa ấy đã trải qua cảnh binh lửa chỉ còn nền tảng trống không. Ngài Năng Thuyên vừa kiến trúc xong hai ngôi điện Địa Tạng, Quán Âm thì mãn phần. Tịnh Hải nối tiếp theo siêng tu Phật sự, nhờ suốt thông đạo lý lại khổ hạnh hơn người, nên cảm sức Tam Bảo gia bị, của đàn tín hội về, không bao lâu từ liêu phòng cho đến Phật điện,

đều tiếp tục lạc thành. Công việc xong, sư càng cố gắng chuyên tu, mỗi ngày đều tụng một bộ kinh Pháp Hoa và niệm Phật hồi hướng về Tịnh Độ, như thế trọn 30 năm không chút biếng trễ.

Ngày rằm tháng sáu năm Nhâm Dần, niên hiệu Quang Chũ, sư viên tịch. Trước khi mạng chung vài tháng, Tịnh Hải mộng thấy một thế giới báu đẹp trong sạch như lưu ly, ánh sáng rực rỡ không ngần mé, mình ngồi kiết già trong hoa sen ở nơi cảnh đó. Thức giấc, sư tự biết không còn sống lâu giữa cõi trần, đem điềm ấy thuật lại với hàng đệ tử. Khi sắp thị tịch, sư nhóm họp bốn chúng, rồi ngồi nơi thiền sàng giảng nói một đoạn trong kinh Niết Bàn. Sau khi ấy ngỏ lời quyết biệt với đại chúng và bảo: "Đẹp bỏ trần vọng, một niệm vượt thẳng vào chân tâm mà chuyên trì Phật hiệu, quyết định sẽ được vãng sanh. Xin đại chúng nên trân trọng và gắng sức tinh tấn!". Nói xong niệm Phật mà quy tịch, thọ được 63 tuổi.

## MẶC AM

Mặc Am đại sư pháp danh Thượng Nhân tự Chân Nguyên, họ Châu, người ở Hoàn Châu tỉnh Hồ Nam. Cha học Nho, mẫn phần sớm, ngài còn bé mà đỉnh ngộ sáng lẹ, liếc mắt qua đã đọc xong mấy hàng sách. Năm 15 tuổi, văn tài tiến vượt xa các đồng bạn, thầy dạy học nghĩ rằng đường công danh về sau tất sẽ rực rỡ. Hai năm kế đó, ngài đến ở trọ chùa Nhạn Phong học tập, nhân chép kinh Kim Cang tới

câu: "Tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể được", bỗng chợt nảy sinh tư tưởng xuất trần.

Năm Hàm Phong thứ 7, mẹ muốn tìm nơi hỏi vợ cho, ngài lén trốn đến chùa Nam Phong, nương theo Phổ Chiêu thiền sư xuất gia. Năm sau, lại đắc giới nơi Thúc Đình thượng nhơn ở chùa Phước Nghiêm. Đại sư nghe Chúc Thánh Lượng thiền sư pháp hóa rất thạnh, đến thọ tâm ấn. Qua năm kế, lại yết kiến Pháp Vân thiền sư, đi sâu vào giáo nghĩa, do đó đối với sách Nho cũng được suốt thông. Các bậc danh tài thạc học nghe tiếng đại sư, đều thích tìm đến để giao du. Ngài đồng mãnh về việc hướng thượng nên tới ẩn tích ở Kỳ Cung Nham tại Nam Nhạc, cùng với Thiêm Vân pháp sư nương nhau sách tấn để tham cứu tu hành.

Sang niên hiệu Đồng Trị, đại sư đi tham phỏng khắp các bậc tôn túc nam bắc ngộ nhập nguồn tâm, rồi trở về chùa Phước Nghiêm duyệt xem Đại tạng. Mùa thu năm Quang Chử thứ hai, ngài lại cất tịnh xá bên chùa Chúc Thánh ở Nam Nhạc, khổ thiết mật tu, lâu ngày sự tỏ ngộ càng thêm sâu sắc. Từ đó các sách vở nội ngoại thấy đều quán triệt, hàng danh sĩ lại tìm đến giao du như cũ. Chùa Đại Thiện ở Nam Nhạc, nguyên là một danh lam cổ, bị người xâm chiếm, đại sư quyền tiền chuộc lại rồi trùng tu. Ngài phỏng theo quy tắc của Triệt Ngộ thiền sư tổ chức sự tu học, nên chur tăng 10 phương vân tập về, đến đổi không đủ chỗ dung chứa. Tất cả học chúng nơi đó đều suốt thông tánh tướng, giữ luật hạnh trang nghiêm. Đại sư lấy Thiên Thai giáo

quán làm tiền đạo cho hàng học giả. Lấy Di Đà Tịnh Độ làm chỗ cứu cánh nương về. Ban sơ đại sư giữ nhứt khóa niệm Phật sáu muôn câu, lâu ngày đi đến cảnh không niệm tự niệm, nên câu hồng danh chẳng lúc nào gián đoạn.

Mùa xuân năm Nhâm Dần, đại sư đem việc chùa giao phó cho đệ tử thượng thủ và nói: "Ta sắp về Tây Phương!" Sang đông, ngài cử hành lễ Phật thất. Được hơn một tuần, trong định đại sư thấy nước bát công đức lóng lánh nơi ao thất bảo trang nghiêm. Không bao lâu, ngài cảm bệnh nhẹ, từ khước thuốc thang một lòng niệm Phật và bảo đồ chúng luân phiên trợ niệm. Kế đó đại sư tuyệt thực rồi tuyệt âm, nằm theo lối kiết tường nghiêng về bên hữu, giữ pháp Kim Cang trì niệm. Hôm sau ngài thấy đức A Di Đà hiện thân, tướng bạch hào quang sáng chói, liền chỗi dậy ngồi kiết già hướng về Tây, bảo xếp dọn chăn gối. Thị giả ngàn ngại trình thưa tiết trời quá lạnh, đại sư bảo: "Ta sắp từ bỏ tề phục, đổi lấy trần phục, bỏ huyễn thân như nhóp thay thân bảo chất đẹp nghiêm!". Tăng chúng hay tin tụ hội đến, ngài an tường nhìn khắp xung quanh và chậm rãi hỏi: "Thế nào là giải thoát?". Chúng đều nhìn nhau không khế hội. Đại sư mỉm cười bảo: "Đã vậy, chi bằng học theo ông già bà cả quê mùa, ăn chay trường chân thành mà niệm Phật là chắc chắn hơn cả!". Kế đó dạy chúng đánh mõ trợ niệm, giầy lát tiếng mõ hơi gấp, ngài bảo dừng lại, chỉ đồng thanh xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Khi niệm độ hơn một trăm câu, đại sư chấp tay mà thị tịch. Bảy giờ nhằm ngày 13 tháng chạp,

năm Quang Chử thứ 28. Vài giờ sau chúng dò thăm thấy đánh của ngài còn nóng, thân thể đều nhu nhuyễn.

Đại sư hưởng tuổi đời được 64, Tăng lạp 44.

## LƯƠNG TU

Thích Lương Tu, người đời Thanh, quê ở Trấn Hải tỉnh Triết Giang. Thuở thiếu thời, ông làm chức sự nơi Bưu tín cuộc tại vùng đó. Lúc rảnh lại thường đi hành hương đến chùa núi Bảo Hoa tại Kim Lăng, am Mâu Bồng ở ngọn Cửu Liên và có quen biết với Tùng Càn hòa thượng. Một hôm, Lương Tu chán cuộc thế vô thường, mang hành lý lên non cầu ngài Tùng Càn thế độ. Thọ giới cụ túc xong, sư chuyên tâm niệm Phật quyết chí cầu vãng sanh.

Sau Tùng Càn hòa thượng được thỉnh chủ trì chùa Kim Tiên ở Từ Khê, Lương Tu cũng đi theo. Vùng ấy có cư sĩ Diệp Minh Niên mến đạo hạnh của sư, cất một cái am gần 5 gian rồi mời về ở. Tất cả sự nhu cầu đều do Diệp cư sĩ cung cấp. Lương Tu ở đó niệm Phật mấy năm, trong am không có vật chi quý giá. Nơi góc phòng thường thấy lưu một đồng tro, chẳng ai biết là duyên có gì. Người đến viếng thăm, sư ít tiếp chuyện, bên mình chỉ có một ông lão làm công do Diệp cư sĩ mượn để tùy tiện sai bảo.

Vào đầu năm Tuyên Thống, một hôm Lương Tu đến nhà Diệp Minh Niên xin từ biệt và nói: "Tôi có việc sắp đi xa. Nhờ đạo hữu mấy năm chiếu cố, nguyện khi sanh về Tây Phương đắc quả rồi sẽ trở lại đền ơn!". Diệp cư sĩ lưu lại



nhà dùng ngộ trai. Sư tùy hỷ theo lời, nhân đó mà khuyên tấn cư sĩ thêm về sự niệm Phật, rồi già từ trở về am. Hôm sau thời tiêu thực sáng xong, Lương Tu gọi lão làm công bảo: "Đến bữa cơm trưa ông cứ nấu rồi tự tiện ăn, tôi không dùng". Ông lão tưởng rằng sư có việc đi đâu, cũng chẳng để ý. Tới trưa ông theo lệ thường nấu cơm xong, lên thăm chùng, chỉ thấy cửa am nửa khép, gọi thử vài tiếng không nghe đáp. Ông đẩy cửa bước vào, thấy Lương Tu đang đứng, tay mặt cầm chuỗi để ngang ngực, tay trái buông xuôi ống áo tràng rũ xuống. Lão công quả lên tiếng gọi cũng không đáp, lay thử chẳng thấy động, vội chạy trở về thưa với Diệp Minh Niên rằng: "Thầy đã quy Phật rồi!". Diệp cư sĩ đem theo vài người đến am, thấy Lương Tu quả nhiên đã vắng sanh, thân hình vẫn đứng ngay ngắn giữa thớt, thật là điều hy hữu ít nghe thấy. vén tay áo bên trái lên, thì bàn tay của sư đang nắm một bao gói, đem rà soát lại trong ấy có 30 đồng bạc. Xem xét kỹ, thấy mấy ngón tay còn dính tro. Chùng đó mọi người mới nghiệm biết đồng tro là chỗ Lương Tu cất dành tiền, để sau khi mãn phần mua quan quách tẩn liệm, khỏi phiền lụy tới người. Dụng ý của sư thật cũng tế nhị và lành tốt.

Xét ra Lương Tu một đời tín nguyện, trì niệm siêng năng, đến khi lâm chung lại biết trước ngày giờ, đứng thẳng mà hóa. Như thế ngôi vị vắng sanh của sư chắc chắn phải thuộc phẩm cao.

## TỊNH THIỀN

Thích Tịnh Thiền, người huyện Bảo Khánh, tỉnh Hồ Nam. Sư tánh cô độc, ít nói cười, cũng không chống trái với ai. Bình thời sư thích ngồi thiền, đối với Tâm địa pháp môn có chỗ tỏ ngộ.

Năm Quang Chử thứ 34 đời Thanh, Tịnh Thiền trở về Sương Châu trụ nơi chùa Chúc Thánh, mỗi ngày giữ việc đóng chuông và quét dọn. Trừ Phật sự chánh ra, sư thường ngồi yên nhắm mắt. Mùa thu năm Tuyên Thống thứ ba, Tịnh Thiền bỗng vương bệnh. Có người khuyên đến lương y xem mạch bốc thuốc, sư chỉ mỉm cười mà không đáp. Đến khi bệnh mỗi ngày tăng thêm, Tịnh Thiền tới vị Tri khách thưa: "Tôi sắp về Phật, xin dự bị cho một chiếc bảo khám để đợi lúc mạng chung". Tri khách tặng y lời lo liệu chu tất. Nửa tháng sau, sư nấu nước tắm gội thay y phục, rồi bảo bạn đồng tham rằng: "Ngày hôm nay tôi sẽ từ trần, xin xưng hồng danh Phật để trợ niệm cho sự vãng sanh". Vị tăng đồng tham nói: "Từ trước tới nay thầy vẫn tu thiền, sao đến khi lâm chung lại muốn niệm Phật?". Tịnh Thiền bảo: "Tôi mật tu Tịnh Độ đã lâu, vả lại niệm Phật đâu có chướng ngại gì với môn thiền định!". Bạn đồng tham nghe nói, liền mời thêm hơn 10 vị tăng khác đến trợ niệm. Khi tất cả tới nơi, Tịnh Thiền bước vào bảo khám ngồi kiết già ngay thẳng, cử xướng bài Hương tán xong, đầu bỗng hơi cúi xuống. Bạn đồng tham quả rằng: "Bình sanh dụng công đặc lực cùng không, đều ở giờ phút này! Tại sao đầu lại cúi

xuống?". Sư ứng tiếng đáp: "Xin vâng!", rồi ngược đầu lên ngay thẳng. Lúc tụng kinh A Di Đà tới đoạn: "Vô lượng chư thiên đại chúng câu", sư lần lần nhắm mắt. Một vị tăng nói sè: "Tịnh sư đi rồi!". Sư nghe nói mở mắt ra bảo chưa, và yêu cầu cứ tiếp tục đừng loạn động. Khi tụng đến câu: "A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp". Tịnh Thiên bỗng chột hé mắt hiện tướng mỉm cười rồi nhắm mắt đi thẳng. Chư tăng vẫn tiếp tục tụng kinh niệm Phật rất lâu mới chấm dứt. Kiểm soát lại, thấy nơi đánh sư còn nóng, đầu vẫn ngay thẳng, không nghiêng ngửa cũng chẳng cúi xuống. Đình khám ba ngày, sắc mặt của sư còn tươi như sống.

Lúc ấy, người xung quanh nghe tin đồn tới quan chiêm rất đông đảo. Ai nấy đều khen ngợi đạo hạnh của sư. Cho đến các tín đồ Gia Tô, ngày thường hằng chê bai phá hoại Phật giáo, cũng tới dò xét và bảo: "Cái chết của ông hòa thượng này, thật cũng rất ly kỳ và tốt đẹp!". Hơn 7 hôm sau, đại chúng mới đem thi thể của sư ra làm lễ thiêu hóa. Công việc xong, chư tăng kiểm soát lại trong liêu phòng của sư, thì chỉ còn một chiếc áo tràng rách mà thôi.

## KHUYÊN TU

### I

Chẳng kết duyên lành đạo diệu thâm  
Lửa danh lợi đốt, khổ thẳng trầm.  
Đâu hay nhà ruộng cùng tiền của

Tạm mượn người coi ít chục năm!

Tấn, Bạt Đà La tôn giả

## II

Ái dục trói lồi chẳng lúc xong  
Hằng ngày phiền não quấn quanh vòng.  
Ngục tù quan pháp còn khi mãi  
Cái ngục gia đình mãi đóng gông!

Tấn, Ca Rị Ca tôn giả

## III

Bốn đại hợp hòa có huyễn thân  
Chết rồi bốn đại thả qui chân.  
Oan cừ ân ái vui buồn mộng  
Trước mắt mình theo với nghiệp nhân!

Tấn, Bán Thác Ca tôn giả

## IV

Ăn ngon ý sanh tham  
Ăn dở tâm sanh giận!  
Thịt cá thích say no  
Chúng sanh đầy khổ hận!  
Đời người trong bữa ăn  
Tham giận mê lẫn quấn.  
Bạc trí dứt trần duyên  
Vui đạo hằng tinh tấn.

V

Kẻ ngu thói ác tập thành quen  
Đen trắng nào hay chuyện dữ hiền.  
Đến lúc hơi tàn bày khổ nghiệp  
Mới kinh mình vướng mối oan khiên!  
Nếu không xung Phật trồng căn thiện  
Đâu được trời Tây nở bảo liên?  
Mượn nước cành dương trần cầu lạng  
Bờ mê sớm thoát bước lên thuyền.

Xung Mặc đại sư

VI

Chuông chiều trống sớm giục ngày qua  
Lần lửa hoa dung thấy kém già!  
Tóc bạc răng long đừng ngó ngẩn  
Diêm vương tin gởi biết chằng mà?

Bắc Sơn đại sư

**NHƯ TRÍ**

Thích nữ Như Trí, người thời Trung Hoa Dân Quốc, họ Vương, hiệu là Lễ Tuyên. Cô sanh quán ở thôn Uyển Bình tại Kinh Triệu. Thuở bé Như Trí đã trường trai, thích nghe tiếng tụng kinh niệm Phật. Lớn lên tánh tình càng đoạn trình nghiêm tĩn.

Thấy người chị họ xuất gia ở am tranh trên núi, giữ tiết thanh khổ tu hành, cô hằng muốn đi theo. Nhưng vì cha mẹ quá mến yêu, nên cô chẳng dám nói ra, chỉ thường theo chị lên núi ở, bẻ củi gánh nước, lấy sự ăn mặc thô sơ thanh đạm làm vui. Năm 18 tuổi, Như Trí bị bệnh nguy kịch, thuốc thang vô hiệu, chỉ còn hơi thở thoi thóp ra vào. Trong cơn hôn mê, cô chỉ kêu xin xuống tóc thọ giới, không nói điều chi khác. Cha mẹ quá thương con gái, liền đến trước bàn Phật quỳ khẩn nguyện, nếu được lành mạnh sẽ cho xuất gia. Sau khi đó bệnh cô lần lần thuyên giảm.

Đến 21 tuổi, Như Trí và người chị cùng tôn lão hòa thượng Đồng Bảo làm thầy thế độ, xuống tóc nương ở chùa. Mùa đông năm ấy, trước khi thọ giới, cô lạy sám hối, học tập luật hạnh, ngày đêm tinh tấn không xen hở. Nhưng vì quá lao khổ, đến khi vào giới đàn, bệnh cũ tái phát, cô chỉ gắng gượng thọ được 10 giới sa di ni. Các giới sư thương xót, khuyên cô trở về chùa điều dưỡng, để kỳ khác sẽ thọ giới cụ túc. Nhưng vừa về tới chùa, bệnh cô trở nặng, thầy thuốc đều bảo không thể chữa trị. Tuy nhiên, Như Trí vẫn bình tĩnh giữ chánh niệm, lâm râm xưng Phật hiệu không ngớt.

Trải qua vài tuần như thế, một hôm cô bỗng mở mắt, chấp tay nhìn lên hư không, cao tiếng xưng Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát 3 lần, lại xá 3 lượt trạng như lễ bái, rồi lặng lẽ mà vắng sanh. Lúc ấy nhằm ngày 17 tháng 11 năm Dân Quốc thứ 8 (Tây lịch 1919).

## NHƯ GIÁC

Tỳ kheo ni Như Giác, họ Hứa, người ở Thai Châu. Cô có ba anh, một chị, anh hai và anh ba đều xuất gia, Như Giác cùng chị cũng mến hạnh thoát ly, nên vào ngày rằm tháng giêng năm Quang Chử thứ 11 đời Thanh, cả hai đồng làm lễ xuống tóc. Bấy giờ người chị niên kỷ đã 22, cô vừa đúng 20 tuổi.

Sau khi thọ giới cụ túc, hai chị em cùng đóng cửa chuyên tu 3 năm. Đến khi ra thất lại đồng đi dâng hương các nơi danh sơn, hơn một năm mới trở về. Kế đó cùng tiếp tục nhập thất thêm 9 năm nữa. Ngày hoàn mãn ra thất, hai chị em dung sắc tươi sáng, sự tu trì càng thêm tinh tấn. Riêng phần Như Giác, mỗi ngày lễ Phật 1000 lạy, niệm Phật nhiều không tính kể. Khi gặp người, cô đều khuyên niệm Phật cầu vãng sanh, thường nói bài kệ giản dị như sau:

Bớt nói một câu chuyện,  
Bớt sanh một lỗi ác.  
Thêm niệm một câu Phật,  
Thêm nhiều duyên giải thoát!

Hàng Phật tử được sự cảm hóa của cô, phát tâm tinh tấn niệm Phật rất đông. Ngày mùng 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất thời Dân Quốc, sau khóa tụng sáng, sư cô cảm thấy trướng muện uất hơi. Các đệ tử vội đem thuốc thang đến cho uống, hôm sau đã hơi khỏe, vẫn tiếp tục khóa niệm như thường.

Nhưng xế qua, sư cô bỗng phát lạnh, vội trùm chăn nằm, song chẳng thấy ra mồ hôi. Đến ngày mùng 6, bệnh tăng thêm nặng, nhưng sư cô thần trí vẫn thanh tỉnh, gọi đồ chúng đến bên giường trợ niệm. Tới chiều mắt lần nhắm, tay chân giá lạnh, ni chúng lộ vẻ bi thương khóc lóc. Như Trí bỗng mở mắt mỉm cười, bảo chúng rằng: "Kiếp người vẫn như huyễn, sống có chi đáng mừng, chết có gì đáng thương? Tại sao các con lại lộ vẻ thương tình khóc lóc như thế? Sau khi thầy đi rồi, các con càng nên cư xử với nhau thêm hòa hảo, càng gắng tinh tấn tu trì chớ biếng trễ. Sống chết luân hồi là việc lớn, ngày giờ có hạn, muôn lần các con đừng để làm lần luống qua! Đã mang thân người nữ, lại có duyên lành được hiện tướng ni tăng, đó là một nhân phước rất lớn. Vậy các con phải nghiêm cẩn giữ gìn phẩm cách tỳ kheo ni, việc làm đúng như lời nói, để trở thành một ni tăng có danh có thật!". Dặn dò xong lặng lẽ mà thoát hóa, trạng thái cực an lành.

Qua giờ ngộ hôm sau, đánh đầu của sư cô càng thêm nóng, hưởng tuổi đời được 57, giới lạp 37.

## LIÊN TRINH

Sư cô Liên Trinh, nguyên là con gái của nhà họ Triệu ở Đan Đồ. Mùa thu năm Quang Chử thứ 25, nửa đêm cô trốn đến am của tỳ kheo ni Viên Tín cầu xin xuất gia. Thấy người tuổi trẻ mà có tâm lành, quyết chí thoát trần, Viên sư



thương xót chấp nhận và làm lễ thế độ. Lúc ấy cô mới vừa 17 tuổi.

Khi đã hiện tướng ni tăng, Liên Trinh tu hành rất siêng năng thành kính. Mỗi ngày cô tụng kinh A Di Đà 49 biến, niệm Phật vài muôn câu, dù đau yếu cũng không trễ bỏ. Sau khi thọ đại giới, sư cô mới trở về hương lý thăm viếng song thân. Gặp nhau, cha mẹ đều mừng rỡ, nhưng dùng đủ lý lẽ khuyên ép phải để tóc hoàn tục. Liên Trinh thề chịu chết, không dám vâng lời. Ở nhà một tháng an ủi cha mẹ, sư cô lại trở về am. Từ đó sự tu trì lại càng thêm tinh tấn.

Chiều ngày 29 tháng 7, năm Dân Quốc thứ 11, sau khi dâng hương đức Địa Tạng, sư cô bỗng cảm thấy nhức đầu, liền lại giương nằm. Sáng hôm sau, ni cô Duyệt Thiên đem cháo đến, Liên Trinh không ăn và nhờ nấu nước cho mình tắm gội. Sau khi cạo tóc tắm rửa xong, sư cô thay áo mới sạch, đắp ca sa vào, ngồi nghiêm chỉnh niệm Phật. Cả am nghe thấy lạ, đồng tụ hội tới thăm. Liên Trinh chấp tay hướng về Viên sư thưa: "Đức A Di Đà Thế Tôn và Địa Tạng Vương Bồ Tát báo cho con biết, nhân hạnh đã thuần, ngày giờ vãng sanh đã đến. Xin thầy gắng bảo trọng, con đi đây!". Rồi hướng về đại chúng cúi đầu cáo biệt. Giã từ xong, sư cô liền nhắm mắt mà qua đời.

Lúc ấy vào khoảng 3 giờ chiều, ngày mùng 1 tháng 8 năm Nhâm Tuất (hưởng dương 44 tuổi).

## QUẢ NHƠN

Thích nữ Quả Nhơn, con gái họ Đào ở Bành Trạch, trước kia cha mẹ gả về nhà họ Tôn. Đến năm Bính Ngọ niên hiệu Quang Chử đời Thanh, cô xuất gia nơi am Tịnh Độ ở bản ấp, lễ ngài Thánh Tôn làm thầy. Tới đầu kỷ nguyên Trung Hoa Dân Quốc (Tây lịch 1912), cô mới được cho xuống tóc.

Ban sơ, cô tu tập theo thuật Đạo dẫn của bàng môn. Khi phong trào chấn hưng Phật giáo bộc phát, nhóm cư sĩ ông Lưu Khế Tịnh đến am lập thành hội Phật Học, cô mới được hiểu qua về nội điển. Nghe giảng thuyết: niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là pháp môn dễ chóng nhiệm màu, cô liền phát lòng tin, bỏ hết lối tu tập sai lầm trước kia, hướng về Cực Lạc. Mỗi ngày cô đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, trì chú Đại Bi và niệm Phật, chia làm hai thời khóa khuya và tối. Mùa đông năm Giáp Tý, cô hơi vướng bệnh đàm, đệ tử là Thường Tham vào đêm mùng 8 tháng chạp, mộng thấy bốn vị đồng tử cầm tràng phan dẫn đầu, phía sau lại có bốn người khiêng một chiếc kiệu đi theo, mách cho biết: "Chúng tôi đến rước sư cô ở am này về Tây Phương!".

Đêm 28 tháng 4 năm Ất Sửu (1925), Quả Nhơn tự nằm mộng thấy một vị tăng, tay trái ôm chiếc bát hoa sen, tay mặt duỗi xuống quá đầu gối, bảo: "Ngày mùng 5 tháng 6 tới đây, ngươi sẽ được ngồi trên tòa sen cõi Phật!". Sáng ra, cô đem điềm ấy thuật lại với Thường Tham, rồi trao cho chìa khóa, sắp đặt mọi việc, dặn rằng: "Thầy được sanh về Tây

Phương, gần gũi Phật Bồ Tát, nghe lời giáo huấn tu hành là điều rất hân hạnh. Con nên khéo hầu hạ sư ông, giữ gìn cấm giới, duy trì mỗi đạo và cố gắng niệm Phật tụng kinh. Mọi việc phải giữ như lúc thầy còn hiện tiền, chớ làm điều chi lầm lỗi!". Bảy hôm trước khi từ trần, cô bảo đệ tử xuống núi, chuyên lời giảng biệt các hàng Phật tử. Cư sĩ Khế Tịnh thấy cô chưa thọ đại giới, liền tới chùa Thành Hoàng thỉnh thầy kheo Ngô Đạo và chư tăng ni đến tại bản am lập đàn truyền cho giới cụ túc. Cư sĩ lại sắm ba y, bình bát và tọa cụ để cúng dường.

Đêm mùng 3 tháng 6, Thường Tham lại mộng thấy vị tăng cao hơn một trượng, khoác áo ca sa đỏ, nơi vai quàng chéo qua ngực một chiếc băng, trên có đề chữ: "Nam Mô Tây Phương tiếp dẫn, A Di Đà Phật". Vị tăng ấy đầu đội mão cánh sen, chóp mão nổi hiện một đóa bạch liên, trên có đức Phật ngồi kiết già. Tăng sĩ bảo: "Ta đến đây thỉnh ni cô Quả Nhon đồng về Tây Phương Cực Lạc thế giới!". Hai hôm sau, sư cô bảo cho biết đã tới kỳ Tây quy và từ giả đại chúng. Thầy kheo Ngô Đạo, cư sĩ Khế Tịnh cùng nhiều vị khác hay tin trước, đều đến trợ niệm. Sau thời ngọ trai, Quả Nhon thưa với đại chúng rằng: "Tiết trời quá nóng nực, xin các vị tạm trở về nhà nghỉ ngơi tắm gội, vì vào giờ Tuất tôi mới đi. Tắm xong các vị tới đây cũng chưa muộn". Đại chúng nghe nói đều tan về.

Trước giờ, mọi người y hẹn đều tụ hội đến. Quả nhiên, đúng giờ Tuất, sư cô ngồi ngay thẳng niệm Phật giây lát rồi

viên tịch. Hôm sau làm lễ nhập khám, sắc diện còn tươi như sống. Sư cô dặn đồ chúng thiêu hóa thi hài, đem tro trải nơi đường để kết duyên với chúng sanh.

## THÁNH ĐẠO

Thích nữ Thánh Đạo, con gái họ Tôn ở Bành Trạch, thuở niên thiếu cha mẹ gả về nhà họ Đào. Niên hiệu Quang Chử thứ 32, cô xuất gia nơi am Tịnh Độ ở bản ấp. Năm Dân Quốc thứ 9, cư sĩ Lưu Khế Tịnh lập Phật Học Hội tại am, ni sư nhân nghe pháp, mới quyết lòng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc.

Vào tháng 8 năm Dân Quốc thứ 15 (1926), Thánh Đạo mộng thấy có người đến am trao cho một phong thư rồi chấp tay thưa: "Ni sư sắp được tiếp dẫn sanh về Tây Phương, thư tín này đừng nên để lạc mất!". Khoảng tháng mười, Thánh Đạo lại mộng thấy mình đi triều lễ đức Quán Thế Âm ở Nam Hải, thuyền ra khơi độ vài ngày, ghé vào bờ rồi lên núi. Trên đường lên non, ni sư thấy một bà lão ngồi trên gộp đá, nơi lòng hai bàn tay hiện ra đôi mắt chớp chớp như điện. Thánh Đạo hỏi: "Đây là nơi nào?". Bà lão đáp: "Linh Sơn!". Ni sư nghe nói liền lột mũ, cúi xuống lạy. Bà lão khen: "Ngươi niệm Phật rất thành kính, ta sẽ rước đến Tây Phương. Nhưng hiện thời hãy tạm trở về!". Rồi nắm tay dắt đứng dậy. Thánh Đạo giật mình thức giấc, thì chiếc mũ đã rớt nằm trên gối. Rạng ngày ni sư liền đem điềm mộng ấy thuật lại với đồ tôn là Thường Tham và bảo: "Vào

ngày 13 tháng giêng sang năm, ta sẽ được vãng sanh!". Kế tiếp, dặn dò hậu sự rất rành rẽ.

Cuối tháng chạp, vào đêm trừ tịch, Thường Tham mộng thấy Thánh Đạo lên chánh điện lễ Phật. Lễ xong thốt lời giã biệt ra đi, lại nghe ngoài am có tiếng người huyên náo bảo rằng đến tiếp rước lão hòa thượng. Ngày 13 tháng giêng năm Đinh Mão, khóa tụng buổi sáng xong, ni sư bảo Thường Tham rằng: "Hôm nay có Phật sự, con nên nấu cơm sớm". Rồi liền vào phòng tự in giấy tiền vãng sanh. Sau thời cúng ngộ, dùng cơm gần xong, Thánh Đạo cảm thấy hơi phát lạnh, vội bảo: "Ta sắp đi!". Lúc ấy chén cơm nơi tay bỗng bay lên quay tròn như bình hoa sen, cao khỏi đầu người. Ni sư cười bảo: "Đẹp lạ thay!". Ước chừng một khắc, chiếc chén mới từ từ hạ xuống đứng ngay thẳng, không rơi đổ hạt cơm nào. Việc này thật không thể nghĩ bàn!

Đến giờ Mùi, quả nhiên ni sư an lành niệm Phật mà thoát hóa.

## ĐẠI NGỘ

Tỳ kheo ni Đại Ngộ tự Pháp Lâm, họ Viên, người ở huyện Nam Thông tỉnh Giang Tô. Lúc tuổi trẻ, cha mẹ hứa gả về nhà họ Thiệu, nhưng chưa làm lễ vu quy mà chồng đã chết. Cô liền thề không tái giá, rồi vào am Đại Bi ở phía Tây bản huyện mà xuất gia làm ni. Bên nhà chồng chấp

theo lễ tục ở đời, dùng trăm cách để ngăn cản. Song cô lập chí kiên quyết, nên rốt cuộc sở nguyện cũng được thành.

Sau khi xuất gia, cô gắng sức làm công quả, gánh nước, giã gạo, bở củi, nấu cơm. Những thời khóa tịnh niệm sớm hôm cũng không trễ bỏ, mỗi ngày càng thêm tinh tấn. Sư cô quyết chí niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thường nói: "Sự rộng lớn của Phật pháp, duy có môn Tịnh Độ là hợp thời cơ. Ngoài ra, việc tụng kinh lễ sám là để giúp tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, khiến cho tịnh nghiệp dễ thành mà thôi!".

Thấy cảnh am hoang phế, sư cô ra công quyên mộ sửa sang lại, xây dựng Phật đường, liêu phòng, lập vườn trồng rau, để giúp cho chúng được yên ổn thanh tu. Gặp kẻ đau khổ, Đại Ngộ đều tùy duyên nói pháp, khiến cho nhiều người cảm mến nương về rất đông.

Lúc lớn tuổi, sư bà thấy mình sắc lực lần suy mòn, vội đi triều lễ các non: Phổ Đà, Cửu Hoa... cảm được nhiều thoại tướng. Tháng 2 năm Dân Quốc thứ 16, sư bà vương chứng cảm mạo nhẹ, trong bình viết lời kệ rằng:

Việc thế muôn duyên rũ sạch không,  
Duy câu Phật hiệu vẫn gìn lòng.  
Luân hồi một niệm siêu miền khổ,  
Kiết sử mười dây thoát mối vòng.  
Sáng suốt đài tâm hơi bụi lắng,  
Nhiệm màu tánh tịnh ánh trăng trong.  
Ngày nay mãn nguyện về Tây cảnh,

Thuyền độ rồi soi đuốc tuệ hồng.

Đến ngày 18, Đại Ngộ thấy đức A Di Đà phóng quang tiếp dẫn, liền thuật lại cho chúng biết, ngỏ lời giã biệt, rồi an nhiên niệm Phật mà vãng sanh, hưởng thọ được 73 tuổi. Ngày 28 làm lễ trà tỳ, được 5 viên xá lợi tròn sáng.

## HOÀNG NGUYÊN

Sư cô Hoàng Nguyên tự Tánh Lượng, người thời Dân Quốc, thế độ nơi am Huệ Nguyệt Cư ở Nam Kinh. Cô phát tâm rất sớm, bình sanh ưa niệm Phật siêng lễ sám, tôn kính thầy, hòa đồng chúng, mỗi mỗi đều trang nghiêm thành khẩn. Tánh lại đoan trang ít cười nói, giữ mình nghiêm, đãi người hậu, sự ăn mặc ở rất đơn giản đạm bạc. Mỗi khi sư cô lãnh chúng lên chánh điện niệm Phật, thường lo đi trước sợ trễ sau, sớm tối vẫn một mực, dù tiết lạnh nóng cũng không gián đoạn. Sự tu tập cứ đều đều như thế, trải vài mươi năm như một ngày.

Mùa thu năm Canh Ngọ thời Dân Quốc (1930), Hoàng Nguyên bỗng vương bệnh. Đại chúng vẫn kính mến hạnh kiểm của sư cô, hết sức lo thuốc thang đổi thay điều trị, song chẳng thấy hiệu nghiệm. Hoàng Nguyên nằm nơi giường bệnh hơn hai tháng, gương mặt khô gầy, thân mình phù thũng, sự ăn uống lần giảm. Biết cơn đau là do túc nghiệp, khi có người đến thăm, sư cô ít nói năng, chỉ lâm râm gắng công niệm Phật. Về sau nhiều ngày không ăn được, song sự trì niệm vẫn không thôi bỏ. Vài hôm trước

khi lâm chung, sư cô mấy phen thấy đức A Di Đà, đại chúng cũng nghe mùi hương lạ đầy thất. Riêng Hoàng Nguyên lại thấy một đóa hoa sen to lớn tươi đẹp hiện ở trước giường.

Khi sắp mãn phần, tuy hơi thở còn yếu thoi thóp, song sư cô vẫn động môi lưỡi tùy theo tiếng khánh của đại chúng mà niệm Phật. Kế đó giữ chánh niệm phân minh, an lành thoát hóa trong tiếng xung danh trợ niệm. Lúc ấy nhằm tháng mạnh đông, ngày 28.

## KHUYÊN TU

### I

Đường Tây cần chỉ giữ lòng bền  
Gắng sức siêng tu thẳng bước lên  
Chánh hạnh ví thêm công trợ hạnh  
Di Đà từ thế vẫn đâu quên!

### II

Tây Phương báu lạ cảnh hằng xinh  
Từ phụ xót thương độ hữu tình!  
Tám vạn bốn ngàn môn giải thoát  
Di Đà sáu chữ tuyệt cao minh!

Minh, Nhứt Nguyên đại sư

### III

Ao sen hoa đẹp nở hằng ngày



Sắc lạ quang minh chiếu bảo đài.  
Bi nguyện tay vàng xa tiếp dẫn.  
Chúng sanh sao mãi giấc còn say ?

#### IV

Bao quát muôn phương công niệm Phật  
Cao hơi đập cửa khuyến tu hành  
Duyên sao vội gấp kêu đường ấy?  
Vì sợ người mê rớt hỏa khanh!

Nguyên, Trung Phong đại sư

#### V

Mai trắng vừa tàn, hạnh nở xinh  
Gió xuân há phải có riêng tình ?  
Lòng thanh sáu chữ hàm muôn tượng  
Công đức Di Đà thẩm vạn linh.

Minh, Diệu Ý đại sư

#### VI

Lá biếc điểm xen bốn sắc hoa  
Mỗi hoa mỗi vị niệm Di Đà.  
Chớ nghi Tịnh Độ đường xa cách  
Mưa phối người về tợ nước sa!

Tống, Bắc Sơn đại sư

#### VII

Đường Tây thẳng tắt biết hay chưa?  
Sáu chữ hồng danh tối thượng thừa!  
Muốn dặt tay lồi nhưng chẳng được  
Do người tự nguyện Phật duyên đưa.

### VIII

Tây Phương quê cũ sớm quay về  
Hơi thở mạng người chớ trễ mê!  
Kiếp tạm có chừng nên quý tiếc  
Đừng lo lỡ bước lạc sơn Khê!

### IX

Liên Bang rảo bước sớm tu trì  
Sống chết vô thường chẳng hẹn kỳ.  
Khảy ngón ánh dương ngoài cửa tắt  
Thương câu: “Thất thập cô lai hy” !

Minh, Nhứt Nguyên đại sư

### X

Trần sa sống chết kiếp trần sa  
Lại hết trần sa chẳng thoát ra!  
Một niệm chỉ nhân tình chữa dứt  
Vô biên số kiếp đắm mê hà!

Nguyễn, Trung Phong đại sư

## PHẠM NGUON LỄ

Cư sĩ Phạm Nguon Lễ tự Dụng Hòa, người đời Thanh, quê ở Tiên Đường. Thuở niên thiếu ông học Nho, tâm hạnh thành thật, thờ song thân rất có hiếu. Một độ, người cha đau, ông cắt thịt bắp vế sắc hòa với thuốc đem dâng, bệnh được lành. Mẹ là Dư thị ốm nặng, ông lại làm như thế một lần nữa, bệnh cũng thuyên giảm.

Không bao lâu, song thân đều quá vãng, vợ cũng kế tiếp mãn phần. Bảy giờ đang lúc tráng niên. Nguon Lễ cảm khái cuộc thế vô thường, dẹp bỏ duyên trần, theo nhà dưỡng chân tu học đạo Tiên. Trải hơn mười năm như thế, công phu đã có đôi phần hiệu nghiệm. Sau nhân đọc sách của ngài Liên Trì, ông chợt tỉnh ngộ, đến chùa Vân Thê xin thọ tam quy ngũ giới. Nguon Lễ giữ giới hạnh rất bền chắc, những thứ phục dụng bằng tơ tằm lông thú đều không dùng, bỏ hết lối tu cũ, chuyên về Tịnh Độ. Đối với pháp quán tưởng, cư sĩ lại càng tinh mật. Trước kia khi thân mẫu sắp lâm chung tinh thần mờ loạn, cư sĩ khuyên chuyên lòng quán tưởng đức Quán Thế Âm, bà mẹ y lời làm theo. Vài hôm sau, bỗng nói: "Mẹ đã được Bồ Tát tiếp dẫn đến cảnh giới lạ màu sắc đẹp!". Nói xong vui vẻ mà qua đời. Bởi nguyên do đó, Nguon Lễ rất vui sự hiệu nghiệm của môn quán tưởng.

Cư sĩ tánh hiền lành, ưa phóng sanh bố thí giúp đỡ kẻ nghèo khổ hoạn nạn. Khi làm những việc từ thiện, ông rất siêng cần chu đáo, không nài mỗi nhọc. Gặp chư tăng ni,

đều phát tâm tùy sức cúng dường, không bỏ sót. Vì thế đương thời nghe tới tên Nguơn Lễ, hàng tăng tục đều biết và mến trọng.

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ tám, cư sĩ đóng cửa nhập thất nơi Đại Động Các ở Thành Nam, định kỳ hạn trăm ngày niệm Phật. Một hôm đang khi ngồi tịnh, huyền công tu Tiên thuở trước bỗng phát hiện. Lúc ấy ông cảm thấy thanh khí của trời đất từ giữa hư không kết thành nhiều làn, liên tiếp đi vào đánh, mũi, miệng, rồi thẳng xuống đơn điền, cùng với nguơn khí của mình hòa hợp. Bảy giờ thân tâm rất an ổn nhẹ nhàng và điềm lạc không thể thí dụ. Giây phút có một đũa anh nhi cao chừng vài tấc, từ đánh môn xuất hiện. Đũa bé ấy bay liệng xung quanh đùa giỡn trái một thời gian, rồi do đánh đầu trở vào. Từ đó về sau, mỗi khi tu đến mức cực tĩnh quên trần niệm, liền có anh nhi ra vào như trước. Ban sơ Nguơn Lễ tâm ý rất mừng, sau đó chợt nghĩ: "Đây có phải là một trong năm mươi thứ ám ma của kinh Lăng Nghiêm nói chẳng? Nếu ta cho là kỳ đặc, tất sẽ lạc vào bầy tà. Và lại người niệm Phật chỉ ở Tây Phương, thánh cảnh không hiện, lại chuộng thứ này để làm gì?". Do đó thường thường giác chiếu giữ chánh niệm, anh nhi mới không còn xuất hiện. Nhờ duyên này, cư sĩ mới khế ngộ sâu lý duy tâm, sức tín nguyện hạnh càng thêm thuần chắc. Về sau ông thường bảo người rằng: "Cảnh giới ấy là cửa ải nguy hiểm nhứt thuở sanh bình. Nếu tôi không sớm giác

tĩnh, tất sẽ lạc vào bồng môn. Thế nên biết sự tu hành cần phải tinh tường dè dặt!".

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ mười một, Nguơn Lễ tĩnh dưỡng nơi chùa Tịch Chiếu ngoài cửa Thanh Thái. Ở địa phương này có bà họ Trầm lòa cả đôi mắt. Bà có chí niệm Phật, song bị con dâu thường ngăn trở. Cư sĩ nghe biết, liền bảo: "Việc này có thể dàn xếp ổn thỏa. Hành động của cô dâu kia là do vì gia cảnh nghèo thiếu, nếu giúp cho sự sống tốt mọi việc đều yên". Nói đoạn ông vào thành quyên mộ, nhờ người giúp cho Trầm bà mỗi tháng vài đấu gạo. Bà dùng có dư chuyên giao cho người dâu, nên cô này hoan hỷ không còn ngăn trở nữa. Nguơn Lễ lại diễn nói sự lợi ích về niệm Phật cho nghe, và dạy bảo cách sám hối phát nguyện. Một tháng sau, một người hàng xóm của Trầm thị tới nói với cư sĩ: "Bà lão niệm Phật hôm trước, nay đã vãng sanh rồi!". Nguơn Lễ hỏi nguyên do, người ấy thuật lại từ việc: "Sau khi được sự giúp đỡ, bà lão siêng năng niệm Phật thế nào? Sám hối phát nguyện ra sao? Đến tháng vừa rồi, Trầm thị biết trước ngày về Tây Phương, bảo cho cô dâu hay. Tới kỳ hạn, bà tắm gội thay y phục, ngồi chấp tay niệm Phật mà vãng sanh. Trầm bà di chúc cho cô dâu nhờ chuyển lời tạ ơn Phạm công. Hiện thời bà vừa mãn phần chưa có quan quách và đồ tân liệm. Cô dâu định bán đứa con gái để lo sắm về việc ấy. Bây giờ phải làm thế nào?".

Nguơn Lễ nghe nói, liền bàn với các thiện hữu, góp chung được một số tiền, giao cho người hàng xóm đem đến

giúp cô dâu. Hơn tuần sau, ông lại tới nhà hỏi thăm. Đến nơi thì người dâu tay đang cầm tràng chuỗi, miệng lâm râm niệm Phật. Thấy cư sĩ đến, cô vui mừng đón rước kính lời tạ ơn. Vừa ngồi xong, những người hàng xóm hay tin tề tựu, tranh nhau muốn biết mặt Phạm công. Rồi hết kẻ nọ tới người kia chuyên nhau thuật lại việc của bà họ Trâm, đại khái y như ông hàng xóm đã nói hôm trước. Họ lại chỉ một cô bé nói: "Đây là đứa trẻ đã mang ơn ngài, khỏi bị đem đi bán!". Nguơn Lễ hỏi linh cữu của Trâm bà để đâu, cô dâu thưa: "Khi mua quan quách tẩn liệm xong, hàng xóm đều bàn luận: Phạm công vốn người ở trong thành, mà còn chịu từ xa làm việc thiện. Chúng ta là tình lân lý, đâu nên làm khách bàng quan! Do đó tất cả mới chung góp tiền mua đất, đem quan tài của mẹ cháu và luôn linh cữu của chồng cháu đã quàn từ lâu, đồng một ngày đem đi an táng!". Cư sĩ nghe nói vui vẻ ra về.

Mùa đông năm ấy, Nguơn Lễ đem những công việc từ thiện của mình làm còn dở dang lo tính toán kết thúc và chuyển giao trách vụ cho một liên hữu khác. Tháng giêng năm sau, cư sĩ đến riêng từng nhà các đồng bạn, ân cần khuyên khích tu hành, dường như kẻ sắp đi xa. Người con trai của cư sĩ có việc đến miền Tòng Giang, ông bảo: "Con đi ra ngoài, mọi việc nên khéo xử sự. Cha nay tuổi già, thảng có điều chi biến cố, cũng chớ nên kinh lo. Phải giữ bổn phận mình đối với trách vụ của người giao phó!". Nghe

nói, cậu trai tuy hiểu biết, song chỉ cho đó là lời quá lo xa của người lớn tuổi mà thôi.

Đến ngày hai mươi bốn tháng giêng, Nguơn Lễ thức dậy sớm bảo gia nhor rằng: "Hôm nay ta thấy trong người hơi mỏi nhọc!". Nói đoạn, vẫn dùng cháo sáng như thường. Ăn xong, cư sĩ đi tản bộ đến trước nhà gần bên đứng bàng hoàng một khắc, rồi trở về ngồi ngay thẳng nơi giường niệm Phật. Con cháu trong nhà thấy hơi lạ hỏi thăm, ông khoác tay ra dấu bảo im lặng. Đến giờ Ngọ, tiếng niệm nhỏ dần rồi an ổn mà qua đời. Giờ Dậu ngày hôm sau nhập liệm, đánh đầu hũy còn nóng. Bảy giờ nhăm năm Đạo Quang thứ mười hai, cư sĩ hưởng thọ sáu mươi ba tuổi.

### ***Lời Bình:***

Xem cách thức Nguơn Lễ lo kết liễu mọi việc, từ biệt bạn, dặn dò con, chẳng thể gọi là không dự biết trước kỳ lâm chung. Nhưng tại sao ông lại không nói ra minh bạch? Theo thiên ý, sự biết trước ngày giờ quý ở chỗ tự biết để cho tâm được yên vững, không chủ đích nơi phô trương với mọi người. Huống chi nếu đến giờ mà bạn lành đều họp, hoặc ra có sự lợi ích trợ đạo. Thảng như quyền thuộc không nén được thể tình, vây quanh ngậm ngùi thương khóc, há chẳng phải muốn thành mà trở lại bại ư? Việc cư sĩ Nguơn Lễ không nói ra, tất cũng bởi lý do đó.

---o0o---

## TÔN PHỤC NGUYÊN

Cư sĩ Tôn Phục Nguyên tự Mẫn Tư, người đời Thanh, vốn hàng Chư sanh ở Nhơn Hòa. Tánh ông rất từ thiện, lúc thiếu thời thích đọc các sách: Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, lập chí tuân hành theo. Chỗ Phục Nguyên ở, đối diện với nhà hàng thịt. Một hôm thức dậy sớm, ông thấy họ giết heo liền phát nguyện giữ giới sát, mua heo đem phóng sanh ở chùa Vân Khê. Tuy chưa thể dứt hẳn cá thịt, Phục Nguyên thường ăn chay. Những loài kiến, muỗi, rận, rệp, cũng dè dặt không dám làm để tổn thương.

Đến tuổi tráng niên, mỗi ngày cư sĩ đều tụng Đại Bi sám, kinh Kim Cang, niệm Phật, lại thêm ghi Công Quả Cách. Vừa được 2 năm, ban đêm đi không cần đèn đuốc, trước mắt tự có ánh sáng. Thấy thế, ông càng cố gắng tu các công đức, lấy chuyện phóng sanh, giúp kẻ nghèo đói làm điều cấp thiết. Phàm các việc thiện không luận lớn nhỏ, đều cố gắng hết sức mà làm. Sau nhân quản lý về vụ muối, lo tính phân vân, ban đêm đi ánh sáng lần lần mất. Phục Nguyên chợt tỉnh ngộ tự bảo: "Ta làm lạc rồi!", liền chuyển giao công vụ, trở về lo tu niệm làm lành như trước. Từ đó ánh sáng lại hiện ra, khiến ông lại càng tin thêm lý cảm ứng.

Cư sĩ niệm Phật quán tưởng, một lòng cầu vãng sanh, mấy chục năm như thế không hề gián đoạn. Tuổi hơn 70, ông càng gia công tinh tấn, nên thường cảm hiện nhiều điềm lành. Lắm khi Phục Nguyên mộng thấy ngôi sao to



như cái chén, chiếu ánh sáng đến mình. Hoặc nằm mơ tự thấy quì trên đài hoa sen trắng, đối Phật trì tụng. Một đêm, ông vừa nằm xuống gối, bỗng nghe có tiếng nói: "Đức do mình chứa, phước tự trời dành!". Vội mở mắt ra thì không thấy chi cả, song âm vang còn rành rành bên tai. Ngày 21 tháng trọng xuân, năm Đạo Quang thứ 12, đang khi lễ bái, cư sĩ chợt phưởng phát thấy một vị khoác áo ca sa đứng trước chỗ bồ đoàn. Lúc cúi xuống lạy, đầu đụng vạt áo, nhưng khi ngược lên thì vị ấy đã ngồi trên tòa cao. Trái ba hôm sau, ông cảm thấy yếu kém mỗi nhọc, song vẫn nằm nghiêng bên hữu niệm Phật. Vừa lúc đó, đức A Di Đà hiện thân ngoài song cửa, tướng trang nghiêm màu đẹp vô cùng!

Đến ngày mùng 2 tháng 3, Phục Nguyên thức dậy sớm, thần trí tươi vui, tùy ý đi ngồi không lộ vẻ chi đau yếu. Tới chiều tối, cư sĩ bảo gia nhơn rằng: "Sáng mai đi mua cho ta 2 gánh ốc, 100 cân lươn, rồi đem thả nơi sông hồ". Lại bảo: "Sau khi ta mãn phần, các con cháu phải gắng sức niệm Phật, phóng sanh, làm các việc lành, chớ quên lời căn dặn!". Bấy giờ đang ngồi bên án, ông liền vắn đờ đèn, cầm bút viết văn số phóng sanh, nét chữ ngay ngắn, không chút sai lầm. Viết xong lại giương nằm lâm râm niệm Phật, một lúc rồi yên ổn qua đời, thọ 75 tuổi.

### ***Lời bình:***

Công niệm Phật quán tưởng sâu, nên hằng có điềm lành ứng hiện, đó là sự lý rất thường, không đủ lấy làm lạ. Người tu tịnh nghiệp phải gắng hết tâm thành kính, một lòng nhớ

niệm. Ngoài ra chẳng nên vọng cầu điều chi, mới có thể tâm cùng Phật hợp, không đến nỗi khởi sanh việc ma.

## LÝ CẦN

Cư sĩ Lý Cần tự Hương Đài, người đời Thanh, nhà ở Nhơn Hòa. Tánh ông thuần hậu không hay chống trái với người, lại đĩnh ngộ ham học. Những kinh sách của đạo Nho cùng Bách gia chư tử thấy đều thông thuộc. Tuy hoài bão tài năng, Lý Cần lại lạnh nhạt với lợi danh, không có niệm tiến thủ. Ý chí ông thanh khiết hằng nghĩ cách thoát trần, nên theo tu Tiên với các nhà huyền học.

Qua tuổi trung niên, Lý Cần chuyển sang tín hướng Phật thừa, thọ tam quy ngũ giới, được pháp danh là Diệu Tịnh. Từ đó ông hằng dụng công tiến tu, đối với Thiền tông có phần lãnh ngộ sâu sắc, nhưng lại lấy Tịnh Độ làm chỗ nương về. Cư sĩ thường bảo: "Một đôi chút hiểu biết về tông hoặc giáo, cũng không giúp ích được chi. Tôi thà giữ pháp vững chắc là thiết thật niệm Phật, ngoài ra không dám nói cao xa lớn lối, để tự dối khi mình!". Ông gia tư vốn chẳng dư giả lắm, song gặp chuyện cần bố thí tất không tiếc, lại thường điềm đạm ẩn danh. Đối với việc Tam Bảo, cư sĩ hết lòng tôn trọng, từng chạm tượng Phật bằng gỗ chiên đàn và tháp để kinh Kim Cang. Lại cho khắc hai tấm bia tuyên dương Phật pháp, dựng nơi chùa Hải Triều. Kế tiếp, ông mượn thợ chạm một bảng Cực Lạc Thế Giới Toàn Đồ, để tiêu biểu chí tín nguyện. Một hôm nhân thiết lễ trai

tăng, cư sĩ nghỉ lại nơi chùa, ở nhà bọn trộm thừa cơ vượt tường lên vào, mở toang cả cửa lớn nhỏ, sáng ra mới biết. Gia nhưn kinh hãi, kiểm soát kỹ lại, song chẳng thấy mất vật chi. Người xung quanh đều bảo, do ông thành tín tu hành, nên có chư thần ủng hộ.

Thời đó, Giám Đường hòa thượng là bậc kiệt xuất trong tông lâm, khi viên tịch có để lại một tập di cáo. Lý Cần nghe nói thâm nhập đem ra in truyền bá, song vẫn chưa từng quen biết với Giám công. Mùa hạ năm Đạo Quang thứ 12, đưa cháu gái là Hạnh Cô đau nặng sắp mãn phần, cư sĩ hôm sớm ở gần bên khuyên tấn và xưng hồng danh để giúp phần chánh niệm. Kết cuộc Hạnh Cô gắng niệm Phật đến hơi thở cuối cùng và an lành mà thoát hóa. Không bao lâu Lý Cần cũng vương bệnh, thầy thuốc đến chẩn trị rồi dặn: "Đây là do bởi sự tổn nhọc dồn chứa nên sanh ra chứng thương khí, cần phải yên lặng tĩnh dưỡng. Nếu chẳng thế, thì bệnh càng thêm nặng!". Sau khi y sĩ ra về, ông ôn tồn bảo: "Lời đó tuy đúng, nhưng là trách vụ của một lương y, cũng là quan niệm theo tình đời. Riêng mình, ta xét thân này như huyễn, nên không muốn vì giữ việc nhỏ mà làm tổn thất điều lớn". Rồi lại càng tinh tấn gia công niệm Phật, và lo kết thúc tất cả việc công đức làm còn dở dang.

Đến tháng 10, bệnh tăng thêm nặng. Giữa đêm ngày 11, cư sĩ ngồi kiết già niệm Phật rồi yên ổn mà vãng sanh. Trước đó ba ngày, Lý Cần đòi một chiếc tăng mạo, thân quyền vôi sấm đem trao cho. Ông tiếp lấy đội lên đầu rồi

mừng rỡ bảo: "Mạn y ta đã có, chỉ còn thiếu thứ này thôi. Nay được đội đũa ra mắt đức A Di Đà, thì lòng mong ước đã đủ. Nên dùng hai món này thành liệm, để toại chút ý nguyện thuở sanh bình!".

Ngày 12, lúc sắp nhập quan, các liên hữu thử dờ mũ để dò thăm, thì thấy hơi nóng từ đánh xông lên như giở nắp chiếc nồi đang sôi. Cư sĩ hưởng dương được 47 tuổi.

## TÀO HÀI HÒA

Cư sĩ Tào Hài Hòa, pháp danh Quảng Trí tự Thanh Ngũ quê ở huyện Thượng Nguơn tỉnh Giang Nam. Gia đình ông làm nghề nhuộm tơ lụa, do đó lại dời về Tô Châu lập cơ nghiệp.

Mùa thu năm Đạo Quang thứ 7, nhân vợ đau yếu, Hài Hòa rước y sĩ Hạ Văn Vinh đến xem bệnh và điều trị. Văn Vinh là một Phật tử, nên giảng giải về pháp môn Tịnh Độ, khuyến tấn tu hành. Ban sơ, Hài Hòa tin vâng theo, sau lại sanh nghi hỏi Văn Vinh rằng: "Có kẻ bảo anh đem hình thức niệm Phật để dối gạt người, việc ấy như thế nào?". Văn Vinh đáp: "Dẫn dụ người tạo nghiệp làm quấy, để cho họ bị sa đọa vào ba đường ác chịu quả khổ, lưu lạc luân hồi, có thể bảo đó là dối gạt. Khuyến người tu giới, định, huệ, ăn chay niệm Phật, cầu sanh cõi Cực Lạc ở Tây Phương, để cho họ trở về quê cũ thành quả Bồ Đề, độ mình và tất cả chúng sanh, sao lại gọi là dối gạt?". Hài Hòa nghe nói chột lãnh ngộ, dứt hết mọi nghi, lại hỏi: "Làm thế nào để chắc

chấn về đến quê hương Phật quốc?" Văn Vinh đáp: "Giữ giới làm nền tảng, tu phước làm trợ duyên, chấp trì câu hồng danh làm chánh hạnh, niệm cho đến khi được nhứt tâm. Đó là đường lối trở lại quê xưa Cực Lạc!". Nghe xong, Hải Hòa vui mừng khắp khởi, liền đến quy y với ngài Bôi Độ Hải. Mùa xuân năm sau, lại thọ ngũ giới nơi ngài Nghĩa công ở chùa Linh Thứu. Từ đó cư sĩ mới thiết thật tinh tấn tu hành.

Một đêm, Hải Hòa nằm mơ thấy tòa Hắc sơn cao chón chờ đón trước mặt. Trong ý muốn vượt qua, nhưng lại bị khe suối cách ngăn. Sau núi, vàng hồng từ từ chìm lặn về phương Tây trong cảnh ánh chiều rắng đỏ. Tỉnh giấc, cư sĩ nghiệm biết là duyên trần của mình sắp mãn. Nhân đó lại càng gia công tinh tấn, đem gia tư gồm 3000 lượng vàng trong vài năm lần lượt tu phước bố thí hết. Tháng 4 năm Đạo Quang thứ 14, thôi làm nghề nhuộm, thu gọn dư sản trở lại quê hương. Trước đó Hải Hòa khuyên thân mẫu tu Tịnh Độ, bà mẹ thấy ông không có con trai, bảo cưới vợ lẽ. Ông thưa: "Con nguyện cùng mẹ đồng sanh về Cực Lạc. Ở cõi ngũ trược dễ bị mê lầm gây nhiều tội ác, không nên tạo thêm duyên nghiệp làm chi!".

Về quê chưa bao lâu, bà mẹ niệm Phật mà qua đời. Đầu tháng 6 năm đó, cư sĩ cũng nhiễm bệnh. Đến ngày mùng 6, ngồi kiết già niệm Phật mà thoát hóa. Đứa con gái của cư sĩ thấy thế, phát lòng tin sâu thiết, niệm Phật liên tục trong 49

ngày đêm, cũng ngồi vắng sanh với nét mặt an lành tươi tỉnh.

### **Lời bình:**

Trong vòng 100 ngày mà mất luôn 3 người, kẻ chưa hiểu đạo, theo quan niệm đời tắt bàn luận phân vân cho là vô phước. Nhưng cả quyển thuộc đồng gởi chất nơi thai sen, được thân kim cương đẹp tươi rục rở, ở cõi thất bảo trang nghiêm, và sẽ cùng chúng đấng thần thông giải thoát là điều cực hân hạnh, đối với bậc trí còn có chi hơn?

## **TỔNG LAI**

Cư sĩ Tổng Lai tự Vọng Sơn, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Đến tuổi hơn 60, ông mới được nghe biết pháp môn Tịnh Độ. Từ đó phát tâm mỗi ngày niệm Phật vài muôn câu. Ông thường nói với bạn rằng: "Việc đã qua dường như mộng, tôi chỉ còn nương hồng danh sáu chữ để giải quyết một kiếp tân sanh!".

Sau cư sĩ đến ở trọ tại vùng Kiều Giang để dạy học. Chủ nhà lấy việc ông ăn chay niệm Phật làm rộn phiền, ngăn cấm mãi chẳng được, nên không cho ở. Cư sĩ liền dời đi nơi khác mở trường dạy học, thầy trò rất là tương đắc. Có lúc ông gọi môn đồ bảo: "Quang cảnh ở học đường rất tốt. Giả sử thầy mãn phần tại nơi đây, các con thấy có nên chăng?"

Một hôm học sinh tề tựu đến, thấy Tổng Lai còn đang chấp tay niệm Phật, nên lui ra. Giây lâu trở vào vẫn thấy còn ngồi im lặng, liền lại gần dò xem thì thầy đã qua đời.

Tìm xung quanh, dưới nghiên gần đó có dần một mảnh giấy. Tất cả họp lại xem, thì đó là lời dự báo ngày giờ vãng sanh, đã viết sẵn từ ba hôm trước.

Trong trường có mùi hương lạ cách đêm sau vẫn chưa tan. Lúc ấy nhằm năm Đạo Quang thứ 15.

## TRẦN CƯ SĨ

Trần cư sĩ quên sót tên, người ở Thường Thục, nguyên là chú của tú tài Trần Thế Anh. Mỗi sáng sớm, cư sĩ đều đốt hương ngồi hướng về phương Tây yên lặng rất lâu, người nhà không am hiểu đó là hành động gì? Sau khi cư sĩ mãn phần, mới biết là ông mật tu hạnh Trì danh niệm Phật. Dù cơn gió mưa, tiết lạnh nóng, cư sĩ cứ giữ như thế không hề bỏ sót, trải qua mấy mươi năm.

Tháng 7 niên hiệu Đạo Quang thứ 15, cư sĩ bảo: "Ngày 23 tháng 9 tới đây, ta sẽ về Tây Phương!". Người nhà thấy ông vẫn khỏe mạnh, nên không tin. Trước khi mãn phần ba hôm, cư sĩ hơi cảm bệnh nhẹ, song sự ăn ở cũng như thường ngày. Đến đúng kỳ hạn, ông ngồi yên tắt hơi, quỵn thuộc vây quanh kêu gọi, liền mở mắt dặn bảo vài lời rồi nói: "Thôi ta đi đây!". Kê lại nhắm mắt thoát hóa. Lúc ấy mùi hương lạ từ khắp lỗ chân lông của cư sĩ bay ra sức nước. Thành liệm xong, ba hôm sau trong nhà vẫn còn hơi thơm chưa tan.

***Lời bình:***

Tu mật hạnh, sự huân tập rất sâu. Thân thể bay mùi thơm, đó là sự dồn chứa công đức từ lâu phát tiết ra vậy.

## NGÔ TÔN NGUY

Cư sĩ Ngô Tôn Ngụ tự Thu Đình, người ở Nguyên Hòa. Cha ông là Ngô Liêm tu Tịnh Độ được vãng sanh, mẹ Châu thị vẫn có chứng đau gan. Tôn Ngụ thờ thân mẫu chí hiếu, khi mẹ đau nặng, ông cắt thịt bắp vế hòa với thuốc sắc đem dâng, bệnh chứng lần thuyên giảm. Không bao lâu thân mẫu lìa trần, trong vòng 49 ngày, ông chích máu tả kinh Địa Tạng để cầu cho mẹ được siêu thoát.

Từ đó Tôn Ngụ quy tâm về Phật thừa, lần lần suốt thông cả tông lẫn giáo, được nhiều bậc lão túc ở các nơi khen ngợi. Ông trường trai thọ ngũ giới, chuyên tu Tịnh Độ, tự hiệu là Nhứt Như cư sĩ. Tôn Ngụ từng thành lập Liên xã ở am Kỳ Diệp, khuyên người niệm Phật. Đối với các việc lành như: phóng sanh, bố thí, đều gắng hết sức mà làm. Về sau ông vương bệnh, tự biết mình khó qua khỏi, viết thư nhờ người chuyển giao cho các liên hữu, xin đến giúp phần trợ niệm. Trong thư có đoạn nói: "Với sức thông hiểu sâu về tông lẫn giáo, với sự hành trì có thể gọi là không dám biếng trễ, hiện thời tôi thấy mình vẫn chưa tự chủ được. Công phu lúc bình nhứt của tôi, khi đau bệnh chỉ còn được phân nửa, có thối lui không tiến triển, thật khó gắng sức. Xin các bạn đồng tu đừng nên nói: Bây giờ ta hãy tạm lo việc đời, đợi đến lúc bệnh sẽ dụng công, tất sẽ tự làm



lạc rất to, ăn năn không kịp!". Trước khi cư sĩ lâm chung một ngày có cư sĩ Tiên Văn Xán đến thăm viếng, hỏi: "Anh vẫn còn nhớ niệm Phật chăng?". Lúc ấy Tôn Ngụy nói năng đã khó khăn, ra dấu đem giấy bút lại, đáp rằng: "Cơn đau đớn lúc sắp mãn phần đã khổ như thế, nên sức niệm Phật nguyện cầu vãng sanh càng thêm bền chắc!". Qua hôm sau, trong tiếng trợ niệm của đồng bạn, ông an lành tươi tỉnh mà qua đời.

Cư sĩ di chúc người nhà không nên đốt áo, giấy tiền cùng vẽ chân dung lưu lại. Trong đám không được sát sanh để cúng tế tiếp đãi. Bảy giờ nhằm ngày 26 tháng 7, năm Đạo Quang thứ 18.

## TRƯƠNG XỈ DIÊN

Trương Xỉ Diên, người đời Thanh, nguyên là Quốc học sinh ở Thường Thục. Ông tánh hào sảng, tửu lượng cao, thường cho mình là phi phạm, nghe ai nói đến kinh Phật, liền tác sắc to tiếng.

Một hôm, Xỉ Diên nhân được xem quyển Nhân Quả Luân Hồi, bỗng giác ngộ sự sống chết là việc lớn, liền giới sát, dứt uống rượu, mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang, chú Đại Bi và niệm Phật. Sau mỗi thời khóa quỳ hồi hướng, phát nguyện cầu sanh về Tây Phương. Kế đó ông quy y Tam Bảo, ăn chay trường, chí thành sám hối nghiệp trước. Lúc ấy cư sĩ đang bị chứng thiên phong, nửa mình bên mặt

khô gầy. Có kẻ khuyên nên dùng thịt cá để điều dưỡng, ông chỉ mỉm cười từ tạ mà thôi.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ 19, cư sĩ tả phẩm Phổ Môn ròi mượn người khắc bản để ấn tống. Có kẻ hỏi lý do, ông nói: "Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bi tâm sâu rộng, ứng thân khắp pháp giới, là thuyền từ nơi biển khổ, cơ duyên trước mắt chớ để làm qua!". Mùa thu năm ấy, Xỉ Diên mộng thấy mình nuốt hoa sen, nên từ đó càng thêm tinh tấn. Cư sĩ bảo em là Nhi Đán rằng: "Anh phải tụng phẩm Phổ Môn một muôn hai ngàn quyển, mới vừa ý nguyện!". Nhi Đán hỏi duyên cớ, ông than thở đáp: "Bốn nổi khổ sanh, già, bệnh, chết trong đời anh đã trải qua ba thứ, chỉ còn cái chết là chưa biết lúc nào đến mà thôi. Nhưng chắc nó cũng đã tới gần rồi. Như thế đâu nên lo là, chẳng lo dự bị tư lương trước ư?".

Đêm 11 tháng giêng năm Đạo Quang thứ 20, Nhi Đán nằm không yên giấc, trong cơn mơ màng nghe Xỉ Diên tụng phẩm Phổ Môn tiếng rang rang. Lúc ấy chợt thức tỉnh, liền quay mình sang định hỏi, thì thấy ông đang nằm nhắm mắt ngủ. Thì ra cư sĩ đã tụng kinh trong giấc mộng. Rạng ngày Xỉ Diên thức dậy sớm, khóa tụng theo thường lệ xong, rồi có việc đến nhà người thông gia. Vừa tới nơi, ông bị chứng đàm lên ngăn cổ họng, được tạm cứu chữa trở về nhà, liền nằm bất tỉnh nơi giường. Chiều ngày 13, bạn đồng tu là Tạ Phụng Ngô khi đến thăm bệnh, bảo người nhà đốt hương nén bày nơi bàn trước giường Xỉ Diên, rồi lấy tràng chuỗi

lúc bình nhựt của ông trao tận vào tay. Cư sĩ liền nắm lấy để trước ngực lần từng hạt, ánh mắt nhìn thẳng lên, cả thân mình đều rung động, giây phút tắt hơi mẫn phần. Các liên hữu đều quyết đoán đó là cái chết lành, tất được sanh về Tây Phương. Riêng có người vợ của ông không tin, đối trước quan tài khẩn rằng: "Nếu quả như thế, xin về báo mộng cho biết!" .

Trải qua 5 ngày, đêm lại người vợ nằm mơ thấy có vị gọi bảo: "Chớ nên thương khóc! Ông bạn đời của người đã đi xa cách đây 10 muôn ức cõi Phật rồi!". Thức giấc bà lấy làm lạ, nhưng vì bình sanh chưa từng tụng kinh A Di Đà nên không biết năm chữ: "Mười muôn ức cõi Phật" có ý nghĩa gì. Sáng ra, bà đem điềm ấy hỏi mấy nhà tu Phật, mới biết chồng mình đã vãng sanh, có chứng nghiệm chắc chắn.

## TỪ HY

Từ Hy tự Mộng Bạch, người đời Thanh, nguyên là một nho sĩ. Thuở thiếu thời ông từng du ngoạn đất Sầm Điền, thấy cảnh sông núi thắm tươi, lòng dạ thanh thoát; gặp việc trung hiếu tiết nghĩa, liền khắp tuyên dương. Tuổi trung niên mở trường dạy học ở tỉnh ngoài. Đến hơn 40, được người quen là Châu Lân Thơ tặng cho tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, xem xong liền tin thờ Phật, lấy hiệu là Mộng Liên.

Kế tiếp ông đến am Tôn Thắng quy y với Lương Khoan hòa thượng, được pháp danh là Như Siêu. Từ đó cư sĩ giữ thập trai, lập nhựt khóa trì niệm, quyết cầu sanh về Tây

Phương. Hơn 60 tuổi, Từ Hy lại nương ngài Linh Thửu Nghĩa, thọ giới Bồ Tát. Sự tu tập càng thêm tinh tấn. Bảy giờ chừ Tăng ở am Sô Sư quyên tiền xây dựng ngôi Đại Thông Các, ông hết sức giúp đỡ cho đến khi lạc thành.

Năm Đạo Quang thứ 21, vào mùa hạ, cư sĩ bồng thanh lý việc nhà, bảo gia nhơn rằng: "Người đời sống được 70, đã mừng xưa nay ít có. Ta may mắn thọ được 72 tuổi, mùa thu này mạng chung cũng đã vừa thời!". Kế đó ông viết một thiên nhan đề là Phản Bồn Tỏa Ngôn nhắc nhở các việc khi mình sắp mãn phần. Trong ấy có đoạn nói:

"Kiếp người như gởi tạm, đã sanh tất có tử. Cái chết vẫn là việc thường của nhơn thế, nhưng vì ân tình giữa vợ chồng con cái từ đây vĩnh biệt, nên chẳng khỏi có sự kêu gọi khóc thương. Tuy nhiên phải biết sống gởi thác về, được yên ổn mãn phần là phước. Huống chi chúng ta đã tu Tịnh nghiệp, chính muốn vượt qua biên khổ, về đến cõi sen. Như thế, lúc lâm chung cần phải giữ một lòng không loạn, mới mong được ý nguyện vãng sanh. Nếu để nghe tiếng kêu khóc, tất kẻ sắp chết dễ bị tình ái kéo lôi, tâm tư rối loạn, công tu niệm lúc bình thời đều trở thành vô dụng. Cho nên, nếu quyến thuộc thương ta khóc ta, chính là ghét ta hại ta vậy! Phải ghi nhớ lúc ta sắp mãn phần, mỗi người đều nên xưng danh hiệu Phật để trợ niệm, đừng rối loạn khóc than. Sau khi ta tắt hơi, ít nhất phải hơn 4 giờ, mới được thay y phục cùng di động, càng chậm càng tốt. Thuở xưa cha của Thiệu Khang Tiết tiên sinh, cũng là trượng nhơn của ngài Y

Xuyên, lúc sắp chết bảo người nhà rằng: "Phải đợi khi thành liệm xong mới được cử ai, chớ vội kêu khóc làm cho ta lạc lối!". Lời này có ghi trong quyển Khang Tiết Ngoại Truyện.

Cư sĩ có viết mấy lời chọn lọc về Thiền và Tịnh như sau:

Tham thiền chẳng niệm Phật

Phải như thùng lọt đáy.

Thảng còn một điểm nghi

Kết cuộc uổng công lực!

Niệm Phật lại tham thiền

Hai việc chính là một.

Tham niệm dính liền nhau

Chẳng thể dễ phóng dật.

Không tham cũng chẳng niệm

Đắc đạo mới bỏ pháp. (1)

Nếu chưa đến bờ kia

Biển khổ không thuyền vớt.

Mùa thu năm ấy, quả như lời đã nói, cư sĩ vương bệnh. Mỗi ngày ông cho người mời chư tăng hoặc các liên hữu luân phiên đến nhà trợ niệm. Lại dạn trước giường thiết bàn Phật, hương đèn tiếp nối luôn. Từ đầu hạ tuần tháng 7 đến đầu hạ tuần tháng 8, suốt 30 ngày. Từ Hy không ăn cơm cháo được, chỉ uống nước gạo rang tiếp sức mà thôi. Người nhà rước y sĩ đến, ông tự biết không thể qua khỏi, kiên quyết chẳng chịu uống thuốc. Khi bệnh ngặt sắp mãn phần,

cư sĩ mạnh mẽ đem hết tàn lực chấp tay niệm Phật to tiếng mà vãng sanh.

Vợ của Từ Hy là Nghiêm thị, thuở bình cư cũng trì chú niệm Phật. Đến 73 tuổi, vì vương chứng kiệt lý, nằm liệt trên giường, song vẫn liên tiếp thâm trì niệm. Một hôm bà cảm thấy sự đau khổ nơi thân bỗng tiêu tan, chứng điếc tai từ lâu cũng dứt hẳn, nghe được tiếng lớn nhỏ gần xa. Người con là Lập Phương đem việc vãng sanh để sách tấn. Nghiêm thị bảo: "Mẹ vẫn thường niệm Phật, chưa từng tạm quên". Vào khoảng canh hai đêm ấy, bà bảo người nhà rằng: "Rạng ngày ta sẽ đi!". Rồi ngồi dậy cầm chuỗi, lớn tiếng niệm hết một tràng, tới đó mới sức mới chịu nằm xuống. Đến sáng hôm sau, bà nhìn quanh thốt lời già biệt rằng: "Đã tới thời khắc ta vãng sanh!". Nói đoạn gượng ngồi lên, chấp tay nghiêm chỉnh. Lập Phương khuyên: "Mẹ nên đi thẳng một đường, đừng nghĩ ngợi chi cả!". Nghiêm thị quả quyết ứng tiếng đáp: "Được!". Rồi niệm Phật độ mười hơi mà thoát hóa.

Bạn đồng sư của Từ Hy là Kim Đình Đống, tự Hữu Lan, người ở Tô Châu cũng chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa đông năm Đạo Quang thứ 20, ông mang bệnh. Biết mình sắp mãn phần, ông cho người thỉnh thầy quy y là Lương Khoan hòa thượng cùng vài thiện hữu đến thưa rằng: "Con đã đến bờ vực sống chết, xin thầy và các đồng bạn giúp cho thành tựu duyên sen!". Hòa thượng và đại chúng đồng thanh xưng danh hiệu Phật trợ niệm. Giây lát, ông nói: "Hiện thời con

thấy trước mắt đất đai đều là bảy báu hợp thành, chân đạp bước lên mềm mại êm như bông. Những tiếng nghe bên tai đều nhiệm màu khó diễn tả. Lại thấy xa xa về phương Tây có tám chữ sắc vàng rất phân minh". Một liên hữu cải chính nói: "Anh lầm rồi! Nay đại chúng chỉ niệm tụng có sáu chữ thôi". Kim Đình Đông đưa tay chỉ bảo: "Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, chẳng phải tám chữ là gì?". Độ một lúc lâu, cư sĩ lại chấp tay thưa với thầy rằng: "Đệ tử xin đi!", rồi nhắm mắt mà hóa.

Ghi chú:

(1) Nguyên văn “Bất tham diệc bất niệm. Đắc pháp khả xả pháp”. Ý nói: Tham thiền và niệm Phật đều là phương tiện để chứng đạo pháp, cho nên không tham thiền tất phải niệm Phật. Nếu không tham cũng chẳng niệm, chỉ trừ bậc đã chứng đạo pháp mà thôi. Bậc đắc đạo mới bỏ pháp phương tiện, như người đã qua bờ kia mới bỏ chiếc bè. Trái lại, tất phải chìm trong biển khổ, không làm sao cứu vớt được.

## TIỀN VẠN DẬT

Cư sĩ Tiền Vạn Dật tự Dục Sơn, người đời Thanh, quê ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Buồi thiếu thời, Vạn Dật theo gia nghiệp, chuyên bán rượu.

Sau ông đổi nghề, giới sát làm lành tu tịnh nghiệp, hết sức sửa lỗi lầm trước. Vạn Dật chỉ có một trai, chẳng may

bị bệnh lao, niệm Phật mà qua đời. Người láng giềng chê cười, bảo tại lo tu hành nên con chết. Ông nghe nói chỉ mỉm cười, vẫn an nhiên thờ Phật như cũ.

Một đêm lửa bén cháy nhà, Vạn Dật chấp tay ngửa mặt lên hư không khẩn rằng: "Nghiep con nặng, đáng bị thiêu hủy gia sản, nguyện xin đừng tổn thương đến những nhà gần bên!". Sau khi lửa tắt, chỉ có nhà ông tiêu ra tro, các gia cư gần đó đều không sao cả. Cố gắng lo chỗ ở tạm xong, Vạn Dật lại khuyên mẹ là Ngô thị trường trai niệm Phật, bà mẹ y theo lời. Kế tiếp ông cũng tự ăn chay trường, nhưng vì tập quán cũ hễ còn, nên thường hay uống rượu. Song nhờ có người em rể là cư sĩ Tạ Phụng Ngô khuyên can, ông cố gắng lần dứt trừ được.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ 22, vợ đau chết, Vạn Dật vẫn sống trong cảnh lẻ loi. Nhiều người khuyên nên tục huyền, ông cự tuyệt và bảo: "Đã có con mà bị chết sớm, tái thú nữa để làm gì? Vả lại chí tôi ở nơi xuất tục, có phải khăng khăng trong sự nối dõi đâu!". Mùa hạ năm ấy, ông đau bệnh lạc huyết, chí thoát trần càng tha thiết, vẫn cố gắng gia công niệm Phật. Đến đầu tháng 7, bệnh ông thêm nặng, ăn vào liền mưa ra. Phụng Ngô sang viếng thăm, nhân an ủi bảo cho biết: Cổ đức đã có một vị nhịn ăn để cầu thấy Phật. Vạn Dật nghe nói, mừng rỡ bảo: "Nếu có việc rất tiện lợi như thế, tôi sẽ cố gắng sức làm theo". Liên hôm sau, ông tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật niệm hương và phát nguyện giữ thanh trai trong 7 ngày, xuất tiền mua vật mạng



phóng sanh để cầu về Tịnh Độ. Kế đó ngày đêm ông niệm Phật không dứt, lúc khát chỉ ăn trái dưa mà thôi. Có người hỏi: "Suốt đêm không ngủ như thế, có mỏi mệt chảng?". Vạn Dật đáp: "Nhờ không ngủ mới niệm Phật được nhiều. Khi tôi không bệnh thì chảng được an nhàn. Nay nhân lúc bệnh được rảnh rang, phải gắng sức, có mệt nhọc gì đâu!".

Bảy ngày vừa mãn, bởi tuyệt cốc nên kiệt sức, thần thức ông hôn loạn. Người nhà cho ăn chút cháo loãng, liền buồn dạ no hơi, hôn loạn càng thêm. Vạn Dật cả sợ, chấp tay đê trên gối, bảo đốt ngón tay cúng dường Phật. Phụng Ngô nói: "Lúc này mà anh phát được tâm nguyện ấy, thì cũng đồng như đã đốt ngón tay rồi. Thôi chi bằng rửa sạch muôn duyên, nhứt tâm cầu về Cực Lạc là hơn!". Ông nghe nói liền nhắm mắt niệm Phật, ban sơ như còn gắng gượng, kế đó nhờ dùng sức dũng mãnh, nên thần trí lần lần an định. Duyên may nhờ mười mấy liên hữu hay tin đến trợ niệm, nên ngày đêm trong nhà ông tiếng niệm Phật nối nhau không dứt.

Chiều bữa mừng 10 tháng 7, Vạn Dật tự nói thấy một vị đi đến trước đầu giường, bảo cả dưa và trái cây đều chớ ăn, hỏi thì xưng là sứ giả ở thượng giới. Qua ngày hôm sau, ông bỗng thấy Tây Phương Tam Thánh hiện thân sáng đẹp trang nghiêm đứng giữa hư không. Đức Đại Thế Chí Bồ Tát tay bưng kim đài mỉm cười nhìn xuống. Ông muốn vượt lên ngòai vào kim đài, chợt nghe tiếng bảo: "Thân người còn chưa sạch!". Kế đó các tướng đều ẩn mất. Vạn Dật liền bảo

nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi tắm rửa thay y phục mới xong, Tam Thánh lại hiện ra như trước. Ông gọi người nhà lại nói: "Tôi đã dạo chơi Tịnh Độ, thấy vô số hoa sen, mình ngồi trên một đài hoa, vui không thể tả!". Lại tự chỉ thân mình nói: "Đây không phải là thân tôi!".

Sáng sớm ngày 12, Vạn Dật từ biệt mẹ và thưa rằng: "Phật cùng chư Thánh chúng đã đến đây nhà, con đi đây!". Nói xong, liền chấp tay niệm Phật mà vãng sanh. Lúc bấy giờ, ông được 37 tuổi.

## CHÂU LÂN THƠ

Cư sĩ Châu Lân Thơ tự Văn Tuyên, người đời Thanh, nguyên là hàng chư sanh ở Tân Dương. Lúc gần 50 tuổi, ông bị bệnh nặng suýt chết, sau khi được lành mạnh, sanh niệm sợ hãi, mới để tâm nghiên cứu về kinh Phật. Ông duyệt xem nội điển rất nhiều, thường đem các sách khuyến thiện tặng cho người.

Bấy giờ Lương Khoan hòa thượng từ chùa Sư Lâm thôi viện, về trụ ở am Tôn Thắng, nổi tiếng là bậc hạnh giải kiêm toàn. Lân Thơ nghe danh đến thọ Tam quy Ngũ giới, được pháp danh là Như Nhân. Cư sĩ gọi các bạn đồng tu kết Liên xã ở am Tôn Thắng, mỗi tháng họp một lần, lễ Đại Bi sám pháp và niệm Phật. Mỗi kỳ hội đều có giảng diễn về pháp môn Tịnh Độ, và cùng trình bày chỗ kinh nghiệm để sách tấn lẫn nhau. Về sau cư sĩ đôi mắt lần kém không xem kinh sách được, nhưng khóa tụng càng siêng cần. Khi đi

đứng nằm ngòì đều thậ̀m niệ̣m Phậ̣t hiệ̣u khộng đự́t. Đự́n 70 tuộ̉i, Lân Thợ vượng bệ̣nh dậy đựa vạ̣i thạ́ng. Trượ́c khi mậ̃n phậ̀n mậ́y ngạ̀y, cự sị̃ mộ̣ng thậ́y hào quạ̄ng sặ́c trặ́ng chiệ́u sặ́ng rự̣c rự̃. Thự́c giặ́c, ộng việ́t mậ́y bàị kệ̣ nhự sau:

I

Lạc bước trần lao danh lợi mê,  
Đua toan nào kể tội muôn bề!  
Vợ nhà hờn trách khi cùng quẫn,  
Kiếp tạm ngày qua luống ử ê!

II.

Lần hồi vui đạo biết an phần,  
Dưỡng tánh gìn lòng lại nẻo chân.  
Ứng phó tùy cho xong nợ trước,  
Cảnh duyên hoa mộng mặc xoay vần.

III

Trôi dạt tha hương bảy chục thu,  
Nổi chìm vinh nhục há không do?  
Quay đầu bên giác đi về thẳng,  
Tùy cảnh chi sờn bước tịnh du.

IV

Nghiệp báo ngày nay trả dứt xong,  
Rất may tánh Phật chẳng mê lòng.  
Vô sanh đặt bước đường bằng ổn,  
Liên Quốc miền vui trước mắt trông!  
Khi bệ̣nh ngặ̣t sặ́p mậ̃n phậ̀n, cự sị̃ gặ́ng sức ngòì lên niệ̣m Phậ̣t mạ̀ họ̉a. Tuy tặ́t hợi đậ̃ lâu, song hai tay vậ̃n chậ́p

lại chẳng buông ra. Các liên hữu dò thăm, đỉnh đầu rất nóng. Bảy giờ nhằm mùa đông năm Đạo Quang thứ 25.

## CÙ TẤN HÒE

Cù Tấn Hòe, người ở Thường Thục, bình thời không tin Phật, cho việc cầu sanh Tây Phương là đại ngu. Tháng 3 năm Đạo Quang thứ 17, ông bị chứng lạc huyết lần lần chuyển nặng, thuốc thang vô hiệu. Một đêm Tấn Hòe nằm thấy thần báo mộng rằng: "Bệnh của người duy chỉ có họ Tôn mới chữa trị được thôi!".

Tỉnh giấc, ông nhớ trong hàng thích hữu có y sĩ Tôn Chiên Lâm, liền cho người mời đến điều chẩn. Chiên Lâm xem mạch xong, bảo: "Bệnh đã thâm nhập khó bề cứu vãn, dù hốt thuốc chẳng qua là gắng gượng làm cho tận hơn sự mà thôi. Nếu anh chịu phát tâm niệm Phật hồi hướng, đó mới chính là diệu phương. Bằng chẳng thế thì tôi không thể nào làm chi hơn được!". Tấn Hòe nghe nói liền nguyện xin niệm Phật, rồi gọi người nhà dặn: "Từ nay tôi giữ giới sát, xin vì tôi mua vật mạng phóng sanh". Lại bảo: "Nay tôi đã tỉnh ngộ, hãy đến chùa mời hòa thượng đến nhà để truyền thọ quy giới và xin sám hối túc nghiệp!". Đó là ông đột nhiên tự phát tâm, từ trước đến nay chưa có ai nói cho biết chuyện ấy.

Trước khi mãn phần vài ngày, Tấn Hòe đem việc nhà giao phó dặn dò với mẹ, như người sắp đi xa. Đến ngày 14 tháng 4, ông gượng ngồi dậy tựa vào ghế, bỗng ngược mắt

nhìn lên như thấy cảnh giới chi. Kế đó chấp tay lớn tiếng liên tiếp niệm A Di Đà Phật hơn 10 câu, rồi tắt hơi đi thẳng.

### **Lời bình:**

Có kẻ nghi rằng Tấn Hòe cơ duyên đã thuận thực, tại sao vị thần không dạy bảo ngay, lại chuyển lời nhờ đến họ Tôn? Ôi! Há chẳng nghe thưở Phật còn tại thế, dân chúng trong một thành nọ không ai hóa độ được, mà chỉ có duyên với ngài Mục Kiền Liên đó ư?

## **TÔN TÙNG ĐÌNH**

Tôn Tùng Đình, người ở Tiên Đường, bình thời vốn thờ bà Đẩu Mẫu. Mùa thu năm Đạo Quang thứ 17, đang lúc nằm bệnh, thấy có nhiều vị đem cờ lọng, xe ngựa đến chờ đón rước. Ông liền gọi thân quyến thuật lại việc đó, và nói: "Thôi xin trân trọng giã biệt tất cả, tôi sắp đi đây!". Người em út là Tôn Hựu Thôn ngăn lại bảo: "Hãy khoan! Đó là cõi quý thần, không phải chỗ tốt, xin anh đừng đi theo!".

Giây lát, Tùng Đình nói: "Vì tôi không chịu đi, nên các vị ấy đều ản mất, bây giờ biết về nơi nào?". Hựu Thôn đem pháp môn Tịnh Độ ra giảng khuyên. Tùng Đình nghe nói vui vẻ phấn chấn, muốn xưng hồng danh Phật, song lúc đó lưỡi cứng nói đó không thể niệm thành sáu chữ. Hựu Thôn liền giúp lớn tiếng trợ niệm. Tùng Đình mới nương theo tụng ra tiếng được rõ ràng. Niệm đến hơn một ngàn câu, ông liền im lặng mà về Phật.

## ĐÌNH ĐỒNG TỬ

Đình đồng tử, người ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Lúc lên 7, cậu bé nghe cha mẹ niệm Phật, nên mỗi buổi sáng cũng ra trước bàn Phật trì niệm theo.

Không bao lâu em vương bệnh nhẹ, sớm mai đang nằm bỗng chợt ngồi dậy nói: "Hôm nay chưa niệm Phật là tự làm lỗi to rồi!". Liền vội gắng đi súc miệng rửa mặt, ra trước lễ Phật trì niệm xong, mới nằm trở lại. Đến xế chiều cậu bé thưa với mẹ rằng: "Con thấy đằng xa trước mắt có ao báu lớn, hoa sen đua nhau tươi nở, giữa hư không Phật và chư Thánh đang chờ đón rước. Con xin theo Phật về Tây Phương, mong cha mẹ đừng lấy làm kinh lạ!". Đoạn liên tiếp niệm Phật một lúc lâu rồi ngất đi. Trong cơn bất ngờ, người mẹ còn mong cho con tỉnh lại, song chỉ nghe tiếng nấc nấc trong cổ họng, như muốn nói mà không ra lời. Bỗng đồng tử niệm to bốn chữ: "Đại từ đại bi..." rồi tắt hơi.

Qua hôm sau nhập liệm, cả mình đều lạnh, chỉ có đánh đầu còn nóng.

## KHUYÊN TU

### I

Biển trần tham dục biết sao cùng!  
Khóa lợi vàm danh khó dứt xong.  
Tình niệm nếu xoay thành Phật niệm  
Tây Phương Cực Lạc một đường thông.

## II

Nghĩ sâu địa ngục phát Bồ Đề  
Trở gót quê sen chớ lại mê!  
Nong nả lối xưa nên sớm bước  
Kẻo khi trời tối lạc đường về.

## III

Niệm Phật đâu từng ngại việc làm  
Người theo công việc tự mê tâm.  
Bóng câu thân huyễn không tồn tại  
Chớ phụ trời Tây đấng Nguyễn vương!

## IV

Mái tranh mưa tạnh ánh dương hồng  
Thoáng chốc mù che lại chẳng đồng.  
Huông nữa mạng người trong nhịp thờ  
Chuông mai còn chắc được nghe không?

## V

Sống chết mệnh mang khắp biển trần  
Di Đà thuyền nguyện độ mê tân.  
Kiếp xưa có phận đời nay gặp  
Mau bước lên thuyền lại cõi chân.

## VI

Một niệm mê sanh vạn mỗi mang

Trần lao nghiệp thức kết thành đoàn!  
Nếu không phải bậc tâm hùng liệt  
Đâu dễ vươn mình đến Lạc Bang?

## DƯƠNG THỊ

Dương thị người thời Càn Long nhà Thanh, nguyên là bà nội của cư sĩ Viên Tử Tài. Vì con trai mất sớm, bà nương theo con gái là Hồng phu nương mà tu hành.

Dương thị tĩnh cư riêng ở một gian lầu, 30 năm chân không bước xuống đất. Bà thờ Quán Âm đại sĩ rất thành kính, tụng kinh niệm Phật không ngớt. Tánh lại hiền từ, nếu nghe dưới lầu có tiếng đánh đập nô tỳ, thì bâng hoàng ăn không được. Có đưa tớ gái nào lên lầu, bà liền chia thức ngon của mình cho ăn. Đến 97 tuổi, trước khi mãn phần, Dương thị bảo lấy bồn để rửa chân. Cô tớ gái xách cái bồn bằng gỗ thường dùng đem đến. Bà nói: "Không được! Lần đi này ta sẽ bước lên hoa sen, hãy lấy cái bồn bằng đồng đem lại đây!".

Rửa chân vừa xong, bỗng nghe mùi hương thanh lạ như chiên đàn bay ngào ngạt khắp gian phòng. Dương thị liền ngồi kiết già niệm Phật mà hóa. Trái hơn 3 ngày đêm mùi hương ấy mới tan.

## NHAN THỊ

Nhan thị, hiệu Huệ Phương, người ở Triều Dương, tỉnh Quảng Đông, nguyên là vợ của Lâm Chi Kỳ và mẹ của cư



sĩ Lâm Tiết. Chi Kỳ nhà nghèo, khổ công học tập song thi mãi không đỗ, nên u uất thành bệnh mà mãn phần. Lúc ấy Nhan thị đang có thai, hơn tháng sau mới sanh ra Lâm Tiết.

Tánh bà hiền thực, tuy chồng vừa chết, nhưng nhờ bên cha mẹ ruột giàu có được chia phần ăn, nên sự sống cũng tạm yên. Nhan thị hiếu đễ với cha mẹ chồng, hòa thuận cùng làng xóm, giữ tiết nuôi con cho đến khi khôn lớn. Gia thế vốn thờ phụng đức Quán Âm, đến phiên bà lại càng thêm lễ niệm thành kính. Một hôm bàn tay bà bị gai đâm sưng lên đau đớn khó chịu, dùng nhiều thứ thuốc thoa uống vẫn không hiệu nghiệm. Đêm nọ, Nhan thị mộng thấy Bồ Tát đến xoa nắn chỗ đau, trao cho một hạt đậu, ăn vào thấy ngọt. Lúc tỉnh dậy, bệnh liền dứt hẳn. Từ đó bà phát tâm ăn chay trường và tụng kinh niệm Phật, mỗi ngày đều có định khóa.

Trải 15 năm, Nhan thị tu hành một mực như thế không thối chuyển. Trước khi mãn phần một tháng, bà gọi con và dâu lại khuyên bảo trai giới tu niệm, lại dặn sắm y phục mới cho mình cách thức như nhà tu. Trước giờ lâm chung, Nhan thị ngồi niệm Phật một lúc rồi yên lặng vãng sanh, thọ 65 tuổi. Sau khi bà mất, Lâm Tiết mộng thấy mình theo thanh y đồng tử, ngồi thuyền vượt biển đến một chỗ lâu các nguy nga ánh sáng rực rỡ. Có một vị lại gần bên bảo: "Mẹ ngươi là Ưu bà di Nhan thị, đã vãng sanh về cõi Cực Lạc!".

Bấy giờ vào khoảng cuối năm Gia Khánh đời Thanh.

## TIỀN LAN TRINH

Tiền Lan Trinh, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Thuở bé, tánh cô rất đoan trang nghiêm tĩnh. Lớn lên, được cha mẹ gả cho họ Cố. Về sau đang lúc mang thai, cô bị bệnh nguy ngặt, nửa thân hình đều lạnh, tâm thần mê loạn. Có hàng chí thích nhân đến thăm, khuyên người chồng nên lập thệ giữ giới sát, và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Họ Cố chí tâm y theo lời. Ba hôm sau, Tiền thị cả mình đều xuất hạn, cơn bệnh dường như mất hẳn.

Sau khi lành bệnh, Lan Trinh phát tâm niệm Phật và thánh hiệu Quán Thế Âm. Cô giữ thời khóa rất chắc, dù lúc tiết trời giá lạnh hoặc nóng bức, vẫn không thay đổi. Mùa đông năm Đạo Quang thứ 28, Lan Trinh nhiễm chứng lạc huyết, bệnh lần thêm nặng. Dây dưa đến ngày mùng 8 tháng 10 năm sau, cô bỗng nói: "Biển khổ mênh mang, ba hôm nữa tôi đã có thể ra khỏi!".

Đến sáng sớm ngày mùng 10, Lan Trinh bảo lập bàn hương án phía bên hữu giường nằm, rồi bảo: "Hôm nay quyết định về Phật!". Nói đoạn, niệm danh hiệu đại sĩ, giầy lát bông xung A Di Đà Phật. Tới giờ Thân tiếng niệm Phật lần thấp nhỏ, hướng về Tây an lành mà mãn phần. Qua hôm sau, đánh đầu còn nóng. Cô hưởng dương được 29 tuổi.

## TRÂM TRINH NỮ

Trâm trinh nữ, quên sót tên, nguyên là con gái của cư sĩ Trâm Tuyết Phong. Thuở bé, cô nghe cha mẹ giảng nói về

lý nhân quả, lập chí giới sát phóng sanh. Lớn lên, nghe nói đến việc nghị hôn, liền khóc lóc không ăn. Cha mẹ dò hỏi ý, cô đáp: "Con muốn chờ học cho kinh nghĩa thông thuộc, rồi sẽ xuất gia làm ni". Trầm cư sĩ nghe nói, liền khen ngợi chấp thuận.

Bấy giờ cô mới vừa thông văn tự, chỉ đọc Di Đà, Kim Cang, Tâm Kinh, chú Đại Bi. Song chưa hiểu nghĩa, duy một lòng niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu mẹ mất, Trinh nữ liền phát tâm trường trai. Lúc cô 21 tuổi, vào đầu tháng 5, bỗng vương chứng thời khí, bệnh dây dưa hơn vài mươi ngày. Trầm cư sĩ thăm bệnh, thường dặn con niệm Phật quán Phật, một lòng hướng về Tây Phương. Sáng sớm ngày 30, cô hôn mê, cư sĩ gọi tên để cảnh tỉnh, chỉ bày sự vui vẻ khi sanh về Tây Phương, và bảo con an lòng niệm Phật. Sang giờ Mùi, cô bỗng bảo đưa tớ gái đỡ dậy, ngồi hướng về Tây chấp tay niệm Phật. Lúc đó, nhân bà mẹ của quan Tri huyện bị bệnh, Trầm cư sĩ được rước đến chẩn mạch, nên đi vắng. Trinh nữ niệm Phật giây lát, bỗng mở mắt nhìn quanh, hỏi cha ở đâu? Gia nhon đáp: "Ông đi lên huyện". Cô nói: "Không việc chi, chẳng cần gọi cha tôi về, chỉ xin nhờ chuyển lời nói người nên an lòng. Vừa rồi tôi được hai vị Bồ Tát dẫn đi đến thế giới Cực Lạc, bảo Phật đã thọ ký cho tôi vào hàng Hạ phẩm hạ sanh. Nhân vì tôi có hiếu tâm cắt thịt bấp vế hai phen sắc hòa với thuốc để trị bệnh song thân, nên được đổi lại thành Hạ phẩm trung sanh!". Lúc đó, bà quản gia họ Tôn, cũng trường trai

niệm Phật, nghe cô thuật lại tình hình ấy, liền thưa: "Tiểu thư là bậc đồng nữ tu chân, nên mới được sự lợi ích như thế. Còn chúng tôi tu hành nửa vời, chắc bước theo không kịp!". Trinh nữ bảo: "Niệm Phật cần ở tâm chân thiết, không phải tại nửa vời hay chẳng nửa vời!". Lại dặn hàng thân thuộc rằng: "Các vị bình thời niệm Phật chưa chân thiết, e không đắc lực. Nếu có thể chân tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung như thế này mới biết được sự thọ dụng. Các vị nên cố gắng. Thôi tôi xin đi!". Nói xong, liền nhắm mắt mà qua đời.

Đến giờ Dậu, Trầm cư sĩ trở về, mới nghe thuật lại mọi việc. Ông lại dò thăm, thấy đánh đầu cô hãy còn nóng.

## BẠCH THỊ

Bạch thị, người vào thời Quang Chử nhà Thanh, nguyên là bà ngoại của cư sĩ Châu Thuận Phu. Đến tuổi trung niên chồng bị bạo bệnh mất, kế tiếp con trai và dâu đều nối nhau qua đời. Nỗi thương chồng khóc con quá nhiều, khiến cho bà đôi mắt mù lòa, không còn chút chi là sanh thú.

Từ đó, Bạch thị lạnh lùng với trăm việc, chuyên tu Tịnh Độ, đi đứng nằm ngồi niệm Phật không ngớt. Đến năm 66 tuổi, vào tháng tám bà bỗng cảm bệnh nhẹ, cho người gọi con gái về gấp. Lúc đó cư sĩ Châu Thuận Phu cũng theo mẹ sang nhà bà ngoại. Tới nơi, thấy bà ngồi ngay thẳng trên giường, tợ hồ như không có bệnh chi. Bà bảo con gái: "Mẹ định vào giờ Dần ngày 26 tới đây sẽ về Tây Phương nên

mới bảo con sang gấp!". Thân mẫu của Châu cư sĩ thăm hỏi, giọng nói đầy vẻ bi thương. Bạch thị khuyên: "Từ lâu đối với việc đời, lòng mẹ đã nguội lạnh như tro tàn, không còn chi tham luyến. Mẹ xem sự sống chết đều là tướng huyễn, con hãy cố gắng niệm Phật để cầu giải thoát, chớ nên lo buồn!". Đến nửa đêm ngày 25, bà bảo con gái vì mình nấu nước tắm gội và thay đổi y phục mới sạch. Mọi việc xong, bà ngồi kiết già nơi giường, xây mặt về Tây niệm Phật.

Lúc đó hàng thân tộc tụ họp hơn 20 người. Tới canh năm, Bạch thị bảo mỗi người cầm một cây hương đốt lên chấp vào tay, đồng thanh to tiếng niệm: "Nam Mô A Di Đà Phật". Bà cũng cao tiếng niệm theo. Đến lúc trời hừng sáng, một cơn gió thơm nhẹ thổi tới, tất cả đều nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng giữa hư không. Tiếng niệm của Bạch thị cũng thấp nhỏ dần rồi dứt hẳn. Một người thân lại gần xem thì bà đã về Phật.

## MỘT TRINH NỮ

Một trinh nữ ở làng Đông tại Hoàng Pha, tỉnh Hồ Bắc, ký giả quên sót tên họ. Cô bẩm sinh đã có túc huệ, rất nhiệt tâm hướng về đạo. Lúc hơn mười tuổi cha mẹ chọn nhiều nơi định hôn phối, Trinh nữ đều khóc lóc từ chối thệ quyết không chịu lập gia đình. Chẳng bao lâu, cô xin cha đến chùa cầu thọ giới Bồ Tát, kế tiếp chuyên tu Tịnh Độ. Cô giữ thời khóa tụng rất chắc, chân không bước khỏi khuê môn.

Một hôm, người chị dâu đang bồng con, bảo cô lấy dùm tấm tã. Trinh nữ đáp: "Tâm em là tâm Phật, tay em tức là tay Phật, thiết tưởng không nên đụng chạm tới những thứ đó!". Người chị dâu cười lạt bảo: "Em không phải kẻ xuất gia, cứ ở nhà mãi như thế này, ngày kia cũng chưa chắc khỏi có đôi bạn. Rồi chừng ấy làm sao tránh được việc nuôi con?". Trinh nữ nghe nói đứng ngậm ngùi bàng hoàng một lúc, bất đắc dĩ nhón hai ngón tay cầm tấm tã đem lại. Đến tuổi cập kê, cha mẹ nhận lời người đến hỏi và bắt buộc cô phải lấy chồng. Trinh nữ chỉ biết buồn thương và chí thiết niệm Phật cầu nguyện. Gần tới ngày cưới cô cảm bệnh nhẹ, thưa với cha mẹ rằng mình sắp về Phật, xin lo trước hậu sự. Song thân cô không tin, nên chẳng nghe lời. Trước lễ cưới một ngày, Trinh nữ từ giã cha mẹ rằng: "Con đã được hân hạnh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, xin song thân cố gắng tu hành, đừng nên hoài niệm!". Nói xong, cô chấp tay niệm Phật một lúc rồi thoát hóa.

Sau khi cô mãn phần, người nhà y lời trời dặn trước, liệm thi hài trong một chiếc vại to bằng sành. Ba năm sau đem ra định thiêu hóa, thấy thân thể cô không tan rã, chẳng có chút mùi hôi, dung mạo tươi như sống. Duy riêng hai ngón tay cầm tấm tã thì lộ sắc nám đen.

## CHÂU PHU NHƠN

Châu phu nhơn, người đời Thanh, nguyên là vợ của Vương Sở Thần ở huyện Sơn Âm tỉnh Triết Giang, và mẹ

của Vương Tâm Tam, một cư sĩ hữu danh thuở ấy. Năm hai mươi sáu tuổi, bà về với họ Vương. Bên chồng nhà giàu, lại rất tin Phật pháp, phu nhon cũng sùng tín ngôi Tam Bảo, từng xuất cửa lập chùa thờ đức Quán Âm Đại Sĩ và cất miếu thờ thần Thiên Y. Ngoài ra, lại còn bố thí giúp đỡ kẻ nghèo bịnh, phóng sanh, tiếc giấy chữ, tóm lại tất cả việc lành đều hết sức đề xướng và thật hành. Những thiện cử trên tuy do Vương quân nắm phần cương lĩnh, song kỳ thật nhờ phu nhon âm thầm khuyến khích và giúp đỡ rất nhiều.

Từ khi về nhà chồng, phu nhon liền ăn chay trường, mặc áo vải, ban ngày thì thêu dệt may vá, ban đêm lại lễ Phật tụng kinh. Công việc cứ giữ điều hòa như thế, suốt cả năm không bước chân ra ngoài cửa ngõ. Phu nhon tánh trầm lặng ít nói, khi hàng thân thích đến thăm, sau ít lời hàn huyên, liền dẫn giải việc tội phước nhân quả. Lúc Vương quân qua đời, hai trẻ hầy còn nhỏ dại, phu nhon phụng sự mẹ chồng, giáo huấn con thơ, trải đủ nỗi gian nan, hiều từ đều trọn vẹn. Bà có hỏi con gái họ Lữ cho Tâm Tam, song chưa kịp cưới thì cô ấy bị đau, mù cả đôi mắt. Hàng thân tộc đều khuyên bảo nên thôi hôn, nhưng phu nhon cự tuyệt không nghe theo, cưới đem về, lại dặn Tâm Tam rằng: "Đang khi con sang làm lễ hỏi, thì vợ con đôi mắt hầy còn sáng và tươi đẹp. Nhưng trước khi cưới, nó lại bị mù lòa, đấy cũng là phần số của con. Nếu mẹ và con chê bỏ, tất sẽ làm hư hỏng và tủi nhục đời một người con gái. Vậy con phải săn sóc và thương yêu vợ con, giữ trọn bốn phận làm

chồng cho đến lúc nó mãn phần!". Chỉ riêng một điều này, đủ thấy phu nhơn là một người đầy lòng từ bi và ân hậu.

Trước kia cứ sáng sớm phu nhơn đều tụng Tâm kinh, mỗi ngày có định số. Từ khi sương cư, bà chuyên tâm niệm Phật, quyết định cầu sanh về Tây Phương. Vào tháng ba đầu niên hiệu Tuyên Thống, mẹ chồng mất, phu nhơn lo việc tang lễ chôn cất rất chu đáo, nỗi thương cảm nhọc nhằn khiến thành đau bệnh. Bà nằm liệt nơi giường hơn bốn mươi ngày mới mãn phần. Ba hôm trước khi lâm chung, phu nhơn dặn hai con lo các hậu sự và bảo: "Ba ngày sau vào giờ Ngọ, mẹ sẽ về Phật. Hai con nên tiến tu đức nghiệp, gắng làm người hoàn thiện, và theo gương mẹ chuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương!". Đến thời khắc đã định, bà gượng ngồi dậy nhắm mắt thâm niệm Phật, trạng thái rất an lành. Tâm Tam hỏi có thấy chi không, phu nhơn đáp: "Hãy đốt ngọn đèn lòng treo trước cửa và đừng hỏi han làm loạn chánh niệm của ta!". Nói xong bà ngồi yên một lúc rồi lặng lẽ thoát hóa. Mấy giờ sau, Tâm Tam dò xem thấy hai tay phu nhơn đều mềm dịu, đánh đầu rất nóng.

## **KHUYÊN TU** (Điệu Giang Nam Vọng)

### **I**

Ta Bà khỗ!  
Thân thể tợ bè trôi.



Sừng ốc đuôi đeo danh rỗng hảo  
Lông ruồi giành giật lợi suông thôi.  
Một niệm sớm tâm hồi.

## II

Nhơn ngã thạnh!  
Sớm tối kết vô minh.  
Địa ngục từng đoàn vào thọ khổ  
Tây Phương không kẻ chịu tu hành.  
Luống chết luống hoàn sanh!

## III

Ta Bà khổ!  
Năm tháng nước xuôi dòng.  
Vinh nhục bi hoan bao thuở dứt  
Thị phi hơn ngã lúc nào xong?  
Sống chết nẻo mơ màng?

## IV

Trong ba cõi  
Mặt nước điếm phù âu.  
Tài sắc dù cho lừng tiếng khắp  
Gò hoang vui dập nắm xương sâu.  
Sao chẳng sớm quay đầu?

MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT  
(của Triệt Ngộ Đại Sư)

**Hán:**

**32. Nhứt cú Di Đà**  
**Thằng bản thị ma.**  
**Nại hà bất hội**  
**Phiên nghi tác xà?**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Dây gốc vốn là gai.  
Tại sao không thể nhận?  
Nghi là rắn làm thay!

***Lược giải:***

Duy Thức Luận có đoạn thí dụ: Người nọ đi trong cảnh trời nhá nhem tối, chợt thấy một sợi dây to nằm uốn lượn, tưởng là con rắn, vội nhảy tránh la hoảng lên. Đến chùng nhìn kỹ lại mới biết mình lầm, vì đó chỉ là đoạn dây. Nếu người ấy thể nhận sâu thêm, sẽ thấy dây kia cũng không thật, vì do những tơ gai nhỏ kết hợp thành.

Làm dây là rắn, Duy thức học thí dụ cho tánh Biến kế sở chấp thuộc Phi lượng, tức chấp trước mọi sự và lượng định một cách sai lạc. Nhận ra là dây, thí dụ cho tánh Y tha khởi thuộc về Tỷ lượng. Y tha khởi là tánh chất nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi tơ gai mà có. Tỷ

lượng là sự lượng định tương tợ của ý thức so sánh, như thấy dây tương tợ như rắn. Thể nhận sâu thêm, thấy dây cũng giả, chỉ do tơ gai kết hợp thành, thí dụ cho tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Viên thành thật là tánh bao la sáng suốt tròn đầy xác thật. Hiện lượng là tâm lượng của trực giác không phân biệt. Đây mới là tánh lượng xác thật rốt ráo của chân tâm.

Sự ứng dụng về niệm Phật cũng thế. Nếu cho câu hồng danh là một pháp lành, dùng nó để tu cầu phước báu hư huyền của cõi Nhơn Thiên, đó thuộc về tánh Biến kế sở chấp và Phi lượng. Có người dùng câu niệm Phật như một thoại đầu hay phương tiện để dứt trừ vọng tưởng trở lại chân tâm, cũng còn thuộc về tánh Y tha khởi là Tỷ lượng. Như thể nhận niệm Phật tức là Phật, ngay câu hồng danh là phước, là huệ, là thật tướng, là chân tâm và Bồ Đề Niết Bàn, đó mới là tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Ứng dụng niệm Phật như thế mới đúng mức. Dùng với hai cách trước còn là khuyết điểm sai lầm. Bài kệ trên, Triệt Ngộ thiền sư muốn nêu cao sự diệu dụng về niệm Phật, để phá lỗi nhận thức sai lạc của một số người đối với pháp môn này.

**Hán:**

**33. Nhứt cú Di Đà**

**Hản văn hản đồ.**

**Ảnh hiện cảnh lâm**

## Hương tuyên thiên cổ.

### Việt:

Một câu A Di Đà  
Rất ít nghe ít thấy.  
Gương hiện bóng rùng cây  
Trống trời tiếng vang dậy.

### *Lược giải:*

Nơi cõi trời Đạo Lợi có chiếc thiên cổ do Bồ Tát hóa hiện. Khi chư Thiên mê say theo ngũ dục, trống ấy nổi lên tiếng âm âm để cảnh giác, và nói ra các pháp: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Thiên chúng nghe xong như chợt tỉnh, liền bỏ các thú vui, cùng nhau tụ họp lại Thiện pháp đường để giảng luận về đạo đức. Niệm Phật cũng có tác dụng giống như thế. Bởi công đức câu hồng danh, do sự nhiếp tâm xưng niệm, hành giả sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng, lần lần đi đến chỗ giác ngộ.

Lại như tấm gương tròn sáng vẫn lặng lẽ không phân biệt, mà hiện rõ bóng hoa cỏ, rùng cây với đầy đủ chi tiết. Hành giả niệm Phật đến mức tịch tĩnh vô phân biệt, thì tấm gương lòng tức Đại viên cảnh trí sẽ lần lần hiện ra sáng suốt lan rộng. Trong ấy cảnh y báo và chánh báo của mười phương đều ảnh hiện, đương như có thể nhận biết rõ từng số điểm hạt mưa trong tam thiên thế giới. Như Di Lạc Bồ Tát đã khai thị cho Hư Vân thiên sư: "Gương đại trí trang

nghiêm. Hiện cảnh giới sum la. Trời người và phàm thánh. Thiện ác đều an lạc".

Công đức câu hồng danh rất ít nghe ít thấy như thế, song tiếc thay cũng rất ít người am hiểu suốt thông!

**Hán:**

**34. Nhứt cú Di Đà**

**Vô khả thí dụ!**

**Cổ cảnh đương đài**

**Thủy ngân đọa địa.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Không thể thí dụ tât!

Gương xưa nơi đài cao

Thủy ngân rơi xuống đất.

**Lược giải:**

Công năng niệm Phật rất mầu nhiệm, không thể nào dùng thí dụ mà nói ra cho hết được! Về thể, thì niệm Phật sẽ phát hiện Đại viên cảnh trí, ảnh hiện mọi cảnh giới: như tấm gương xưa để nơi đài cao chiếu rõ và in bóng cảnh vật một cách không phân biệt. Đã vô phân biệt thì làm sao dùng lời nói mà diễn tả thí dụ? Về dụng, câu niệm Phật viên dung không ngại, như hạt thủy ngân rơi xuống mặt đất liền lăn tròn. Sự trì niệm hồng danh có đủ Thiên, Giáo, Luật, Mật,

một ngàn bảy trăm công án, tám muôn tư pháp tạng. Nói rộng ra, lục độ vạn hạnh, tất cả hành môn đều dung thông hàm chứa trong câu niệm Phật.

**Hán:**

**35. Nhứt cú Di Đà**

**Lão bà tâm khổ!**

**Vạn vạn học chu**

**Phát thiên quân nỗ.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Lòng thương xót khổ tâm!

Đẩy thuyền nặng muôn học

Kéo cung mạnh ngàn cân.

***Lược giải:***

Vì lòng đại từ đại bi, đức Thích Tôn cùng hàng hà sa số chư Phật ở sáu phương, đều hiện tướng lưỡi rộng dài, khen nói công đức không thể nghĩ bàn của môn Niệm Phật, khuyên chúng sanh nên phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Từ xưa đến nay, chư Tổ cũng đã dẫn kinh viết luận rất nhiều, để tán dương môn Tịnh Độ. Tâm xót thương sâu rộng, lời khổ thiết khuyên răn của chư Phật, Bồ Tát, Tổ sư như thế, thật đã hết lòng hết sức. Ví như người đẩy thuyền

chở nặng muôn hộc, gương cung cứng mạnh ngàn cân, sự dùng tâm vận lực đã đến mức điểm cuối cùng vậy.

**Hán:**

**36. Nhứt cú Di Đà**

**Minh minh thị hữu**

**Tứ biện Bát âm**

**Bà tâm khổ khẩu!**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Rõ ràng chính là có.

Dùng Tứ biện Bát âm

Khổ lời thương giải tỏa!

***Lược giải:***

Trong cảnh giới Nhứt chân, chẳng phải rỗng không, cũng chẳng phải thật có các pháp. Cho nên Tâm kinh nói: "Này Xá Lợi Tử! Huyền sắc chẳng khác chân không, chân không chẳng khác huyền sắc. Huyền sắc chính là chân không, chân không chính là huyền sắc". Tóm lại, chân không chẳng phải cái không trống rỗng, mà chính nó ở ngay nơi hiện tượng huyền hữu. Có một số người tu về Không môn, như Thiền tông chẳng hạn, chưa hiểu chân lý này, lầm nhận chân tâm là một tự thể sáng suốt rỗng không. Chư Cao đức bên tông môn cũng bác lòi tu theo nhận thức

sai lạc ấy, cho đó là Hư đầu thiên. Bởi hiểu biết sai lạc như thế, nên họ rất ngại niệm Phật, cho tu Tịnh Độ còn có cái chướng của tướng có, như cát lẫn vào cơm. Hoặc họ cũng nhận niệm Phật là có công đức, nhưng còn thuộc về pháp hữu vi. Vì vậy các vị ấy có người đã mượn câu nói của Cổ đức để thí dụ: "Mặt vàng tuy là quý, nhưng rơi vào mắt thì xốn xang thành bệnh!". Kỳ thật cổ nhơn cũng có lời ấy, song nói với một ý khác về bên Thiên khi hành giả hỏi, chớ không phải thuộc bên Tịnh. Các vị ấy cũng không hiểu: Pháp vô vi dung thông bao quát, đâu riêng có ngoài pháp hữu vi?

Thuở xưa ni cô Đạo Càn đến chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai để phỏng đạo, có hỏi Bảo Lâm Trân thiền sư: "Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?". Trân công đáp: "Đợi khi nào người trừ hết ngũ chướng, đến đây ta sẽ nói cho!". Ni cô thưa: "Thế thì hòa thượng đã bị che làm rồi đấy!". Ngũ chướng là thân tướng người nữ. Ý Đạo Càn muốn nói chân tánh không có tướng nam nữ, nếu y cứ nơi hình tướng để tìm chân tánh là sai lầm. Ngài Bảo Lâm Trân nghe nói biết chỗ tu của ni cô còn lạc vào lối chấp thiên không, nên quát bảo: "Người học ở đâu được cái hư đầu thiên như thế?". Đạo Càn bị quở, bất giác xuất hạn dâm mình, chột tỏ ngộ, liền cúi xuống đánh lễ. Trân công gạn hỏi lại: "Thế nào là tướng đại nhơn?". Ni cô liền đứng chằm hằm dang đôi chân, giăng hai tay ra. Đây là hành động biểu thị tướng đại trượng phu, cũng ngầm nêu rõ tánh chân



không ở ngay trong tướng có. Ngài Bảo Lâm Trân thấy thế biết cô đã lãnh ngộ, liền gật đầu ấn khả.

Bài kệ trên của Tổ Triệt Ngộ, nhấn rõ lý chân không ở ngay nơi hình thức diệu hữu của một câu A Di Đà, nên mới nói: "Rõ ràng chính là có". Tứ biện tài như tập trước đã dẫn giải. Còn Bát âm là tám giọng nói của Phật, gồm có: 1. Âm thanh rất trong tốt. 2. Âm thanh cực dịu dàng. 3. Âm thanh hòa nhã thích ý. 4. Âm thanh tôn trọng sáng suốt. 5. Âm thanh không pha lẫn giọng nữ. 6. Âm thanh giác ngộ không mê lầm. 7. Âm thanh rất sâu xa. 8. Âm thanh sang sảng tuôn trào bất tận. Vì thương xót muốn cho chúng sanh giác ngộ, chư Phật đã dùng bốn thứ vô ngại biện tài, tám điệu âm thanh, khổ thiết tỏ bày dẫn đủ phương tiện chỉ rõ lý chân không ở ngay trong diệu hữu. Và chư Tổ sư trước nay cũng đã thương xót nói đến đấng miệng cạn lời để giải thích lý này.

**Hán:**

**37. Nhứt cú Di Đà**

**Đích đích thị vô.**

**Dung tha vạn tượng**

**Nhập ngã hồng lô.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Đích xác chính là không.

Nuốt tiêu muôn vật tượng  
Tan vào một lò hồng.

***Lược giải:***

Như trên đã nói sáu chữ hồng danh nguyên là diệu hữu, bài kệ này khai thị một câu A Di Đà chính thật chân không. Với mục đích nêu rõ ý này, xin tạm mượn một việc đã qua để giải thích:

Nhớ lại độ nọ, có vị sư cô tu Thiền đến nói với bút giả: "Gần đây một cư sĩ niệm Phật hơn ba mươi năm, sau khi nghe lý thiền, muốn thể nhập vào cảnh chân không, cảm thấy mình bị trói buộc chướng ngại. Sở dĩ như thế, do vì niệm Phật đã lâu năm, dù muốn xả bỏ tất cả, câu niệm Phật trong tàng thức vẫn cứ hiện ra tiếp tục mãi, không làm sao dứt thoát được!". Biết cô muốn bác rằng: Niệm Phật còn sự chướng ngại về sắc tướng, bút giả đáp:

- Lý tánh chân không vẫn ở ngay nơi các pháp có, nên Bát Nhã tâm kinh đã nói: "Thị chư pháp không tướng". Nếu vị cư sĩ ấy muốn thể nhập vào chân không, thì cái không đó là ngoan không của ngoại đạo, chớ chẳng phải chân không. Tôi xin dẫn ra đây một ít bằng chứng:

1. Thuở xưa, đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều vị sa môn thật hành môn Bất tịnh quán để dứt trừ nhiễm dục. Và đã có vô số chư tỳ kheo tu theo pháp này nên được chứng quả A la hán. Bất tịnh vốn tướng như ác mà Phật còn bảo quán tướng, huống chi câu hồng danh là tướng của công đức

lành? Lại nếu như sắc tướng gây chướng ngại cho việc chứng lý chân không, thì làm sao các vị sa môn kia đắc quả A la hán?

2. Từ trước đến nay, năm chi phái về Thiên tông như: Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, đều dùng câu thoại đầu làm công phu hạ thủ. Chẳng hạn như các thiền giả tham cứu câu: "Muôn pháp về một, một về chỗ nào?" (Vạn pháp qui nhất, nhất qui hà xứ?). Hoặc có vị chỉ tham đơn độc một chữ Vô hay tham tướng chữ A theo Phạn ngữ. Sự tham cứu như thế đều nương nơi tướng có, nào khác chi hành trì câu niệm Phật? Nếu tham thoại đầu chẳng thể nhập được vào chân không, thì làm sao các thiền sư xưa nay đắc ngộ cho đến chứng quả? Và nếu niệm Phật chẳng có công hiệu tương tợ, thì tại sao nhiều bậc tôn đức như Nhứt Nguyên thiền sư, Minh Bản đại sư chỉ trì niệm một câu hồng danh mà được đại ngộ, đi sâu vào tam muội?

3. Nếu cho rằng hình tướng của văn tự ngôn âm gây chướng ngại đến lý tánh chân không, thì tại sao các bậc Tôn đức khi xưa, sau khi đại ngộ rồi, trở lại niệm Phật, trì chú, tụng kinh, cho đến phiên duyệt Tam tạng kinh điển? Trong số ấy, chẳng hạn như ngài Vĩnh Minh và Thủ Sơn Niệm thiền sư trọn đời trì tụng kinh Pháp Hoa. Phổ Am tổ sư trì tụng kinh Hoa Nghiêm, Khuê Phong Định Huệ thiền sư trì tụng kinh Viên Giác, Kim Hoa Câu Chi thiền sư trì tụng chú Chuẩn Đề. Minh Giáo Tung thiền sư, chuyên niệm

danh hiệu đức Quán thế Âm. Cho đến như Phần Châu Vô Nghiệp thiền sư sau khi đại ngộ, ba lần duyệt xem qua Đại tạng kinh điển?

Cho nên vị cư sĩ đó nếu muốn thể nhập vào chân không, hãy bỏ sự nhận thức sai lầm ấy đi, đừng nghĩ rằng niệm Phật là chướng ngại mà tự thành chướng ngại. Vị đó cần chuyên nhứt niệm Phật hơn nữa, lâu ngày sẽ thấy tự thể câu hồng danh chính là chân không. Niệm như thế, chẳng những câu hồng danh là không, mà cho đến muôn vật tượng ở thế gian cũng do nhờ niệm Phật, được tan biến dung hòa vào lò chân không to rộng bao la khắp mười phương nữa!

**Hán:**

**38. Nhứt cú Di Đà**

**Diệc vô diệc hữu.**

**Mộng lý sơn xuyên**

**Cảnh trung hoa liễu.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Cũng không cũng có tướng.

Non sông nơi giấc mộng

Hoa liễu ở trong gương.

***Lược giải:***

Bài kệ trên nêu rõ ý: Câu niệm Phật nói không cũng được, nói có cũng được. Ví như bóng cảnh hoa cội liễu lộ trong gương sáng, cảnh non cao sông rộng hiện giữa giấc mơ. Trường hợp ấy, nói không cũng được vì đó chỉ là hình bóng, là cảnh mơ; nói có cũng được, bởi nó vẫn có ảnh tượng của cảnh vật vậy.

**Hán:**

**39. Nhứt cú Di Đà**

**Phi hữu phi vô.**

**Nại trước tiện chuyển**

**Thủy thượng hồ lô.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Chẳng có chẳng hư vô.

Chạm đến liền lặn chuyển

Trên nước chiếc hồ lô.

**Lược giải:**

Trong bốn bài kệ liên tiếp, bài đầu nói về lý Có, bài thứ hai nói lý Không, bài thứ ba nói lý Cũng Có Cũng Không, và bài thứ sau này nói lý Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không của câu niệm Phật. Thật ra câu hồng danh tuy không rời bốn lý trên, nhưng cũng chẳng thuộc riêng vào một thứ nào trong bốn lý ấy. Ý nghĩa đích thật của câu niệm Phật là

"Viên dung tự tại chẳng thể nghĩ bàn!". Nếu hiểu ý này, hành giả có thể tùy duyên ứng phó với mọi hoàn cảnh trong mọi trường hợp: hoặc có, hoặc không, cũng có cũng không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, một cách dung thông tự tại, không bị nó làm dính mắc chướng ngại. Ví như chiếc hồ lô thả nổi trên mặt nước, chạm đến liền tùy tiện lăn chuyển, không nằm hẳn một bề nào. Bài kệ tiếp sau đây, sẽ nói rõ thêm về thật nghĩa của câu niệm Phật.

**Hán:**

**40. Nhứt cú Di Đà**

**Đệ nhứt nghĩa đế.**

**Thượng siêu Bách phi**

**Khởi lạc Tứ cú!**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Là Đệ nhứt nghĩa đế.

Còn vượt khỏi Bách phi

Huống rơi vào Tứ cú!

***Lược giải:***

Trước tiên xin giải qua về Tứ cú, Bách phi. Tứ cú là bốn câu gồm: Có, không, cũng có cũng không, và chẳng phải có chẳng phải không. Bách phi: Bách là ước số lấy một trăm làm giới hạn. Phi là chẳng phải, tiêu biểu cho nghĩa bác

phá. Đây nói chân lý vốn phi hữu, phi vô, phi thường, phi đoạn, phi sanh, phi diệt, phi nhứt, phi dị, phi lai, phi khứ, phi hữu biên, phi vô biên v.v... cho đến cả một trăm thứ phi. Tại sao thế? Bởi lý tánh ấy tuyệt ngôn luận, dứt tâm tư, chẳng thể dùng lời nói và sự suy nghĩ mà vịn đến và diễn tả được.

Còn Đệ nhứt nghĩa đế là thế nào? Đây là nghĩa chân thật bậc nhứt, bên Tông mệnh danh là: Một bước trên đầu sào trăm trượng, bên Giáo gọi là: Bất nhị pháp môn hay Thánh đế. Xin mượn lời vấn đáp của vua Lương Võ hỏi tổ Đạt Ma để tạm giải thích: Hỏi: "Bạch ngài! Sao gọi là Đệ nhứt nghĩa đế hay Thánh đế?". Đáp: "Rõng rang không thánh!".

Quy kết lại, ý bài kệ trên nói: Một câu A Di Đà, nếu vận dụng đến mức cùng tột, hành giả sẽ xa lìa Tứ cú, vượt khỏi Bách phi, đi ngay vào Đệ nhứt nghĩa môn, tức thể nhập chân tâm vậy.

Qua năm bài kệ liên quan nhau nói trên, từ diễn dịch cho đến quy nạp, ở điểm nào câu niệm Phật cũng dung thông không ngại. Nhưng luận về phần căn bản, các lối chấp của nhà tu học Phật pháp xưa nay chẳng ngoài hai điểm: Có và Không. Bước đầu tiên vào đạo, và cũng thuộc phần đa số, người tu Phật thường hay chấp Có. Khi làm các công đức lành, họ sanh niệm trước tướng, đôi khi dẫn đến sự tự mãn khoe khoang. Lối chấp này gây trở ngại cho bước ngộ đạo, tiến trình đến cảnh giới giải thoát.

Sau khi đi sâu thêm vào biên Phật pháp, xem đến kinh Kim Cang, Pháp Bảo Đàn, hoặc nghiên cứu về thiên lý cao siêu, hầu hết lại rơi vào lối chấp Không. Do đó, có nhiều kẻ đã không xem trọng điểm ăn chay giữ giới, bác bỏ sự niệm Phật tụng kinh, cùng các việc làm lành, cho là thấp kém trước tướng, chẳng hợp với trình độ cao siêu của lý Không. Họ đâu hiểu lý Không của Đại thừa, là làm tất cả công đức hữu vi mà không chấp thấy có tướng làm. Chẳng hạn như kinh Kim Cang bảo Bồ Tát bố thí chẳng nên trụ tướng, là không chấp thấy mình là người thí cho, đây là vật trao giúp, kia là kẻ được ân huệ nhận lãnh. Bồ thí như thế công đức mới vô hạn lượng, rộng lớn như hư không. Trong ấy cũng nói về tụng kinh này sẽ được công đức như thế nào? Vậy thì kinh Kim Cang, một áo điển điển đạt về lý Không của Đại thừa: Đâu từng bác bỏ việc tụng kinh, bố thí?

Trong hai lối chấp trên, chấp Có hãy còn gốc luân hồi, song chấp với những việc lành, cũng sẽ được phước báu cõi Nhơn Thiên. Đến như chấp Không, bác phá tất cả sự tướng, thì quả thật là tai hại. Kinh Phật gọi đó là tội phá chánh kiến, là tà kiến, bởi vì bài bác nhân quả. Nó gây sự lầm lạc cho mình và người hủy hoại Phật pháp, khiến cho đương nhơn dễ sa vào địa ngục! Đây là hiện tượng mà các bậc thiện tri thức gọi là nhức đầu đau tim (thống tâm tật thủ) vì nó gây tổn thương rất nhiều cho Phật giáo. Chấp Không như thế lại dễ khiến cho loài không ma dựa vào tác hại, làm



hành giả đảo điên. Bút giả đã gặp một thượng tọa thuật lại câu chuyện như sau:

- Theo ý tôi, vị thượng tọa ấy nói, việc tham thiền chỉ thích hợp riêng cho một số ít người bậc thượng căn. Thời nay, phần đông hàng tăng tục khi tu, nên lấy niệm Phật làm phân chánh, tụng kinh hoặc trì chú làm phụ. Bởi tham thiền mà chưa thể thường nhiếp tâm vào định, hoặc hiểu sai lầm rồi trụ tâm nơi cái ngoan không ám muội, tất sẽ bị loài không ma dựa vào. Chính tôi đã mục kích vài ba người trong trường hợp này. Độ nọ, có một sư cô đến gặp tôi đánh lễ trình thưa rằng: "Huynh đệ con hơn mười người, trước kia đã thọ giáo với một vị tự xưng là Khán Không thiền sư. Vị này bảo phải gạt hết tướng có, trụ tâm vào nơi không. Huynh đệ con thật hành theo một thời gian, về sau tất cả đều bị loài ma ám nhập, nói việc vị lai quá khứ, luận thuyết toàn là lý không. Riêng phần con, nó đã dựa vào hơn mười năm. Hiện thời khi gặp tượng hay kinh Phật, nó giục bảo phải đập phá xé bỏ. Gặp hàng tăng ni, lại giục bảo phải chửi mắng nói những lời thô tục. Con tự kèm hãm chống trả lại, tìm nhiều bậc pháp sư cầu cứu, song họ đều nói con ma này uy lực cao không thể trục xuất ra được. Nay con đến đây đánh lễ cầu xin thầy có phương pháp chi giải thoát dùm con!". Tôi nghe nói, bảo sư cô ấy tạm nằm nơi ghé dựa, rồi ngồi phía sau để tay kiết ấn nơi đánh mà trì chú Chuẩn Đề. Tụng một lát, cô ấy chuyển lời nói con ma năn nỉ xin tha, vì nó ra ngoài bơ vơ không nơi nương tựa. Tôi không chấp

thuận, tiếp tục trì chú mãi. Ban sơ sư cô nghiêng trở dần vật mình, kế tiếp lần lần thở gấp gáp như đứt hơi. Tôi thấy thể liền dừng lại, vì biết nếu cứ trì tụng tiếp, nó có thể liêu chết giết người bệnh trước, phó mặc cho sự thể ra sao thì ra. Đã có vài vị pháp sư bị cảnh ma giết người bệnh trong trường hợp này.

Tối hôm ấy, tôi trì chú cầu nguyện xin chư Thần giúp đỡ. Hơn một giờ đêm, trong giấc mơ tôi thấy có hai vị Kim Cang sứ giả. Một vị thân màu đen như sắt, khôi giáp toàn trắng; vị kia thân trắng như bạc, khôi giáp toàn đen. Trước tiên, Thiết sứ giả lấy ra một bình khí lạ dường như xa luân múa lên. Giây phút, từ bình khí ấy phát tiếng kêu vo vo, phóng ánh sáng lạ mắt. Kế tiếp vị Ngân sứ giả đưa tay ra ngăn lại bảo: "Hãy từ từ xem nó có chịu cải hối hay không đã!". Tới đây, cảnh tượng đều ảm mát. Thức tỉnh, tôi ngẫm nghĩ biết chư vị mách bảo: Nên khuyến hóa hơn là dùng uy lực gây oan trái. Sáng ra tôi thuyết giáo chỉ rõ lối chấp sai lầm không lợi ích cho con ma nghe, nó xin sẽ chuyển hướng tu theo chánh pháp. Riêng phần sư cô nọ, tôi bảo vì loài ma đã dựa vào quá lâu, nên thể phách của nó có phần dính liền với thể xác. Nếu vội trục xuất, e cho thân của người bệnh sẽ bị tổn. Tôi truyền ấn và chú Chuẩn Đề bảo cô nên hằng ngày trì tụng. Với uy lực của chú, ma sẽ từ từ xuất ra. Sư cô ấy vâng lời.

Nói xong vị thượng tọa kết luận: Sự nhận thức cùng tu tập sai lầm, gây nên tổn hại và cứu gỡ khó khăn là như thế.

**Hán:**

**41. Nhứt cú Di Đà**

**Diệu viên Tam đế.**

**Tối thanh lương trì**

**Đại mãnh hỏa tỵ.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Mầu tròn Tam đế lý.

Như ao rất thanh lương

Tợ lửa to thiêu hủy.

***Lược giải:***

Tam đế là ba lý chắc thật: Không, Giả, Trung. Không để hiển công dụng phá tình chấp. Giả để hiển công dụng lập các pháp. Trung để hiển công năng dứt đối đãi. Trung quán Luận có bài kệ:

Các pháp nhân duyên sanh

Ta nói tức là Không.

Cũng gọi là Giả danh.

Cũng là nghĩa Trung đạo.

Các pháp vì hư huyền chẳng có thật thể, nên gọi là Không. Vì sanh diệt vô thường nên gọi là Giả. Vì tự tướng

lồ lộ hiện bày, chẳng thể nói riêng là Không, là Giả, dứt ngôn thuyết tâm tư, nên gọi là Trung. Kinh Pháp Hoa nói: "Các pháp từ xưa nay. Tự tướng hằng tịch diệt" chính là nghĩa này. Trong ba đế, Không bao hàm cả Giả, Trung. Giả và Trung cũng đều lại như thế, nên gọi là màu tròn, cũng gọi là Tam đế tương tức.

Dùng trí tuệ quán chiếu, các pháp đã như thế, thì câu hồng danh cũng đủ lý Tam đế nhiệm màu tròn thông như vậy. Hiểu được lý này, tất có thể ứng dụng hạnh niệm Phật siêu vào cảnh giới đại tịch diệt, như đồng lửa lớn cháy hừng đốt tiêu tất cả rác rến trần cấu, như ao to mát mẻ dứt trừ tất cả hơi nóng của não phiền. Hành giả sẽ lần lần chứng vào chân cảnh Tịnh Bảo Nguyệt Quang Minh tam muội vậy.

**Hán:**

**42. Nhứt cú Di Đà**

**Đắc Đại tự tại.**

**Chuyển biến thánh phàm**

**Dung thông thế giới.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Chứng được Đại tự tại.

Hay chuyển biến siêu phàm

Dung thông mười giới hải.

### ***Lược giải:***

Với câu niệm Phật, nếu hành giả ngộ suốt lý Tam đế như trên, sẽ vượt Thánh siêu phàm chứng vào chân tâm tuyệt đối. Cảnh trí này không còn giới hạn giữa tự cùng tha, như với pháp, chúng sanh và Phật, nên gọi là Đại Tự Tại tam muội. Ánh sáng chân tâm sẽ từ đó lan rộng ra, chiếu suốt vô biên thế giới ở mười phương. Trong ánh đại quang minh, biển thế giới mười phương đều lung linh như huyễn, tròn trặn nhiệm màu, dung thông vào một chân cảnh.

### **Hán:**

#### **43. Nhứt cú Di Đà**

**Hữu công giả thưởng.**

**Vương thiện dinh tiền**

**Kế châu tại chưởng.**

### **Việt:**

Một câu A Di Đà

Thưởng kẻ có công hay

Yên tiệc vua đầy trước

Châu mái tóc nơi tay.

### ***Lược giải:***

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có thí dụ đại khái: "Nhu vua Chuyển luân đem quân dẹp giặc, thấy những binh tướng có công, đều tùy phần mà thưởng, hoặc cho y phục,

châu báu, chỉ đến thành ấp tụ lạc. Duy hạt minh châu nơi mái tóc chẳng đem cho, vì riêng trên đỉnh vua chỉ có một viên bảo châu ấy thôi. Nếu vua thấy vị nào có công lớn, mới đem hạt ma ni vô giá để từ lâu nơi mái tóc ra cho. Đức Như Lai cũng như thế, nếu thấy hàng đệ tử y theo các kinh khác dứt trừ ba độc năm âm, liền ban cho các pháp thiên định, giải thoát, chỉ đến thành Niết Bàn, bảo rằng đã diệt độ. Nhưng riêng kinh Pháp Hoa lại không nói ra, vì kinh này rất sâu khó tin, quý báu bậc nhất. Nếu hàng đệ tử nào có công lớn phá các vô minh phiền não, vượt ra ba cõi, phát tâm Đại thừa, mới đem kinh Pháp Hoa là tạng bí mật, từ lâu hằng nghiêm cẩn giữ gìn, ngày nay tuyên thuyết".

Môn niệm Phật cũng như thế, là Bí mật tạng chỉ thưởng riêng cho những kẻ có công tin nhận diệu pháp thành Phật này. Tin tưởng và thật hành theo môn Niệm Phật tức như người đã có trước mặt yến tiệc đầy đủ sơn hào hải vị của vua ban, đã cầm vào tay viên minh châu nơi mái tóc của Chuyển luân vương vậy.

**Hán:**

**44. Nhứt cú Di Đà**  
**Lý nhân vi mỹ.**  
**Cư bích lai quy**  
**Khô thung phi quý.**

## Việt:

Một câu A Di Đà  
Xóm nhân là tốt quí.  
Lựa chỗ ở nương về  
Cây khô không phải quí.

## *Lược giải:*

Thuở thầy Mạnh Tử còn bé, nhà ở xóm có hàng thịt. Khi ông cùng lũ trẻ nô đùa, thường họp nhau nắn đất thành hình súc vật, rồi bày ra trò giết heo dê. Bà mẹ thấy thế e con mình về sau thành kẻ đồ tể, liền dời nhà đi nơi khác. Chỗ ở kế lại không may gặp nhằm xóm có một nhóm người chuyên nghề ma chay chôn cất. Hằng ngày Mạnh tử lại cùng đám trẻ bắt chước đào huyệt, nắn đất thành hòm, giả trang sức đồ tang, bày trò chơi khóc than tẩn táng. Thấy vậy bà mẹ không ưng, tìm chỗ tản cư. Lần sau này, nhà ở gần trường học. Mạnh Tử lại cùng lũ trẻ bắt chước lời nói khiêm nhường lễ nghĩa, học dáng điệu cung kính chào thưa, cùng ê a đọc sách. Bà mẹ trông thấy mừng thầm, yên lòng không dời đi đâu nữa. Cũng như thế, người gặp pháp giải thoát của môn Niệm Phật, có khác nào kẻ tìm chỗ ở, được may mắn gặp nhằm xóm nhân đức hiền lương. Gia đình kẻ ấy sẽ lần lần tập nhiễm hạnh lành tánh tốt vậy.

Một người đi đem bất ngờ gặp trụ cây khô, lầm tưởng là quí nên thảng thốt kinh hoảng. Nhưng quan sát kỹ, đó chỉ là cây khô không làm sao có tác dụng của ma quí được, nên

lại yên tâm ngẫm nghĩ buồn cười cho mình. "Trụ cây khô" còn tiêu biểu cho pháp chân như bất biến. Cổ đức có câu: "Cây khô xơ xác tựa rừng đông. Mấy độ xuân sang chẳng đổi lòng!". (Tồi tàn khô mọc ỷ hàn lâm. Kỳ độ phòng xuân bất biến tâm). Pháp Niệm Phật là viên ngọc ma ni, là con thuyền giải thoát, mà kẻ không biết giá trị xem thường như đất sạn, khác nào anh chàng thảng thốt kia nhìn cây khô, tưởng là ma quỷ đâu!

**Hán:**

**45. Nhứt cú Di Đà**  
**Phi nan phi dị.**  
**Cửu phẩm liên hoa**  
**Nhứt sanh tâm lục.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Chẳng khó, nhưng không dễ.  
Được về chín phẩm sen  
Một đời dùng tâm lục.

***Lược giải:***

Môn Niệm Phật quả dễ thật hành, câu hồng danh niệm ra không phải khó. Tuy nhiên, niệm với tâm tín nguyện chắc thật, niệm với hạnh bền bỉ lâu dài, niệm với y dứt tuyệt trần duyên, lại là điều không phải dễ. Với ba điều kiện vừa kể



trên, trong muôn ngàn người khó tìm được một. Cho nên cũng đừng vội xem thường hạnh niệm Phật. Muốn được dự vào chín phẩm sen ở cõi Tây Phương, người tu tịnh nghiệp phải đem hết năng lực của thân và tâm, chẳng nài khổ nhọc thật hành suốt một đời, mới mong đạt được kết quả.

**Hán:**

**46. Nhứt cú Di Đà**

**Tự lộ hoàn gia.**

**Khả tích si nhưn**

**Khí kim đảm ma!**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Theo đường trở lại nhà.

Tiếc cho kẻ khờ dại

Bỏ vàng gánh vỏ gai!

***Lược giải:***

Trong kinh có đoạn thí dụ về điểm cố chấp của kẻ khờ dại: Hai người nọ vào rừng róc lột vỏ gai để lấy tơ dệt vải bố. Trên lối về với đôi gánh vỏ gai oằn oại nơi vai, cả hai gặp một đồng tơ gai của ai bỏ sót trên đường. Một người mừng rỡ bảo: "Chúng ta đem vỏ gai về, chẳng qua để đập rồi ngâm lấy tơ. Nay đã có sẵn, tơ gai ở đây, nên bỏ thứ vỏ nặng nề này, lấy tơ đem về!". Nói xong liền thật hành theo

ý định. Kẻ kia chấp mê rằng mình đã ra công gánh vò gai trải qua một quãng đường rồi, nên không chịu bỏ. Đi thêm đoạn nữa, cả hai bỗng gặp mấy xấp vải bố của một chiếc xe tải làm rơi rớt ngổn ngang. Người gánh tơ lại mừng nói: "Vò gai hay tơ gai dù đem về cũng chỉ dùng để dệt vải bố. Nay đã có thứ này ở đây, chúng ta phải bỏ hết cái cũ mà chọn lấy vải là quý hơn!". Nói đoạn vội bỏ tơ gai, chất vải bố đầy gánh. Kẻ kia cũng chấp rằng mình gánh vò gai quá xa, nên không chịu bỏ. Đi thêm một đoạn đường, cả hai dừng lại ngồi nghỉ, chợt thấy một hốc dưới gốc cây khô nằm la liệt mấy hũ vàng, có lẽ của ai đã chôn giấu từ lâu. Người gánh vải quá mừng, vội vớt lại thứ cũ, chọn lấy hai hũ vàng đem về, vì vải không làm sao bằng vàng được. Còn kẻ si mê kia vẫn cố chấp mình đã ra công quá nhọc, thà chịu gánh vò gai chớ không lấy vàng.

Môn niệm Phật là pháp viên đôn, là đường lối thẳng tắt để trở lại nhà. Người đã gặp môn tối thượng mau thành Phật này, mà còn tham cầu phước báu như thiên, còn mê chấp lối tu tà ngoại, còn giữ theo những hành môn quanh co khó bảo đảm cho sự giải thoát. Tổ Triệt Ngộ cho đó là một lối si chấp, như kẻ thà cam gánh vò gai không chịu chọn lấy vàng vậy.

**Hán:**

**47. Nhứt cú Di Đà**

**Hoành xuất Ta Bà.**

## Nhữ tín bất cập Ngô mặc như hà?

### Việt:

Một câu A Di Đà  
Vượt ngang thoát Ta Bà.  
Người tin không thấu đáo  
Ta biết làm sao mà?

### *Lược giải:*

Có hai lối tu để thoát vòng luân hồi trong Tam giới. Đó là lối Thụ xuất, vượt ra theo chiều dọc. Và Hoàn xuất, vượt ra theo chiều ngang. Kẻ tu đường lối Thánh đạo, dùng sức giới, định, huệ lần lượt dứt trừ Kiến hoặc cùng Tư hoặc của Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, thoát ra ba cõi, gọi là Thụ xuất. Ví như con ong muốn ra khỏi cây tre, dùng sức khó nhọc đục từng mắt tre theo chiều đứng, mà tìm lối thoát. Còn người tu theo đường lối vãng sanh, tuy chưa dứt trừ hoặc nghiệp, nhưng biết dùng sức tín, nguyện, hạnh của mình và nương theo sức bản thể nhiếp thọ của Phật, cũng được vượt thoát ba cõi ở Ta Bà, sanh ngang về Lạc quốc. Đã về cõi ấy rồi, tất không còn bị luân hồi, lần lượt chứng lên các Thánh phẩm, cho đến khi thành Phật. Đây gọi là lối tu Hoàn xuất. Ví như con ong biết dùng phương tiện đục ngang cây tre mà thoát ra, đã dễ dàng lại ít nhọc công phí sức.

Pháp môn Tịnh Độ là lối tu Hoàn xuất tam giới, là phương tiện nhiệm mầu để mau thoát luân hồi, chứng lên quả Phật. Trong nhiều kinh luận, chư Phật và chư Tổ đã tuyên dương khen ngợi rộng về môn này. Song tiếc thay những kẻ kém duyên sức tin chưa thấu đáo, thì lòng từ bi của các Ngài dù trải ra vô lượng vô biên, nhưng kết cuộc cũng không biết làm sao mà cứu vớt được!

**Hán:**

**48. Nhứt cú Di Đà**

**Quy nguyên tiệp kính.**

**Khẩn yếu tư lương**

**Duy Tín, Nguyện, Hạnh.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Là đường tắt về nguồn.

Những tư lương cần thiết

Tín, Nguyện, Hạnh gọn sông.

***Lược giải:***

Câu niệm Phật là con đường thẳng tắt để trở lại nguồn tâm. Như người đi xa cần dự bị cho đủ tư lương là: tiền nong, đồ phục dụng và thức ăn uống. Tư lương cần thiết đi về Tịnh Độ cũng thế, chỉ sông gọn trong ba điểm: Tín, Nguyện, Hạnh mà sau đây sẽ nói.

**Hán:**

**49. Nhứt cú Di Đà**  
**Yếu tại Tín thâm**  
**Liên hoa cửu phẩm**  
**Suru tại thử tâm.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Cần ở điểm Tin sâu.  
Mầm hoa sen chín phẩm  
Từ tâm đây nhô đầu.

***Lược giải:***

Lòng Tin là phần tư lương trước tiên của môn Niệm Phật. Hoa sen chín phẩm ở Tịnh Độ cũng từ lòng Tin này mà nảy mầm nhô đầu lộ mọc lên. Nhưng Tin cần phải sâu chắc, có thể tóm gọn trong ba điểm:

Một là tin cõi Cực Lạc trang nghiêm tốt đẹp kia vẫn thật có, không phải chuyện hư huyền hay thí dụ. Vì đức Phật Thích Ca không bao giờ nói dối, Ngài đã diễn tả rành rẽ từng chi tiết của cảnh ấy trong ba kinh Tịnh Độ. Vì đã có rất nhiều người niệm Phật trong đời hiện tại, do tâm thanh tịnh, từng chứng kiến cảnh giới này.

Hai là tin sự vãng sanh về cõi kia cũng hiện thật. Vì đức A Di Đà Thế Tôn không bao giờ nguyện suông, nói mà

chẳng thật hành. Vì từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật, khi lâm chung hiện ra điềm lành, được Tây Phương Tam Thánh hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc.

Ba là tin mình dù còn phiền hoặc, dù nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu chí tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh tất sẽ được tiếp dẫn. Vì trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, kẻ tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác khi lâm chung dùng mười niệm cũng được vãng sanh. Vì trong truyện ký đã có ghi, những kẻ tạo ác nhiều như Hùng Tuấn, Duy Cung, nhờ biết hồi tâm niệm Phật đều được sự tiếp dẫn.

**Hán:**

**50. Nhứt cú Di Đà**  
**Yếu tại Nguyện thiết.**  
**Thốn tâm dục phần**  
**Song mục lưu huyết.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Cần ở nơi Nguyện thiết  
Lòng về tơ lửa nung  
Mắt thương khóc ra huyết.

***Lược giải:***

Nguyện là phần tư lương thứ hai của môn Niệm Phật. Nhưng Nguyện phải tha thiết, không tham luyến trần cảnh,

gia tư, quyền thuộc, không mong cầu hưởng sự vui phước báu như thiên nơi đời sau. Chỉ nguyện mau sanh về Cực Lạc, để thoát khỏi nỗi khổ luân hồi, để sớm thấy Phật và chứng kiến cảnh trang nghiêm của Liên Bang, để độ thoát mình, kẻ oan người thân và vô lượng chúng sanh trong vòng chìm đắm. Chí nguyện cầu sanh ấy nung nấu như lửa đốt lòng, đôi mắt thương cảm tha thiết trông về hầu như tuôn ra huyết lệ.

**Hán:**

**51. Nhứt cú Di Đà**

**Yếu tại Hạnh chuyên.**

**Đơn đề nhứt niệm**

**Trảm đoạn vạn duyên.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Cần ở chỗ Hạnh chuyên.

Chỉ nêu cao một niệm

Dứt sạch cả muôn duyên.

***Lược giải:***

Sau rốt, Hạnh là phần tư lương thứ ba của môn Niệm Phật. Song Hạnh cần phải tinh chuyên. Điều này có thể tóm lại trong hai câu: "Rủ sạch muôn duyên. Một lòng niệm Phật". Muốn rửa sạch muôn duyên, phải thấu đáo cảnh Ta Bà

là khổ, mọi sự vật đều vô thường, như huyễn mộng, mà không còn niềm tham luyến. Muốn một lòng Niệm Phật, phải hâm mộ cảnh Cực Lạc y báo chánh báo vui đẹp trang nghiêm, mong mỗi cầu về như con thơ nhớ mẹ, như lũ khách tưởng nghĩ trở lại quê xưa.

Ba điểm Tín, Nguyện, Hạnh trên tuy giải thích riêng từng phần, song thật ra cả ba đều liên quan hỗ trợ lẫn nhau. Như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một phải sụp đổ tất cả vậy.

**Hán:**

**52. Nhứt cú Di Đà**

**Thệ thành phỉn đoạn.**

**Bản thữ nhứt sanh**

**Tác cá nhàn hán.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Thề niệm thành một khối.

Liều tu mãn kiếp này

Được làm người nhàn rồi.

***Lược giải:***

Người tu tịnh nghiệp do ý thức nổi khổ sống chết luân hồi là việc lớn cần phải giải quyết, nên phát tâm Bồ Đề. Từ nơi điểm này dùng lòng tin nguyện sâu thiết, hành trì câu



hồng danh thề niệm thành một khối, không để phiền não xen vào. Trong đời này phải liêu minh hết sức tu hành như thế, để bảo đảm cho sự vãng sanh lúc lâm chung. Khi đã được về Cực Lạc rồi, chừng đó mới thoát vòng sống chết, làm người an nhàn tự tại, không còn lo bị luân hồi sa đọa nữa.

**Hán:**

**53. Nhứt cú Di Đà**

**Chỉ nhằm ma niệm.**

**Bách bát luân châu**

**Tuyệt đoạn trùng hoán.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Nên niệm như thế này.

Chuỗi lần trăm lẻ tám

Dây đứt lại đôi dây.

***Lược giải:***

Kẻ sức yếu lúc lên non, muốn được vững vàng, phải nương cây gậy. Cũng như thế, người tu tịnh nghiệp khi niệm lực chưa thuần, cần nương nơi tràng chuỗi giữ chắc định số mỗi ngày để phòng ngừa sự biếng trễ. Cứ niệm mãi như vậy, chuỗi đứt lại đôi dây khác, khi nào đến cảnh giới "không niệm tự niệm", chừng đó muốn lần chuỗi hay không

cũng được. Đừng nghĩ rằng lần chuỗi sẽ mất sự tự tại. Cổ đức đã trình thuật lại kinh nghiệm lần chuỗi vẫn được viên dung vô ngại như sau: "Năm lấy chuỗi tràng trần niệm dứt. Nghiễm nhiên thành Phật đã từ lâu!". (Niết khởi sổ châu thẳng sách đoạn; Thể hương phạn thực dĩ đa thời).

Còn phương pháp niệm Phật như thế nào, dưới đây sẽ lần lượt chỉ rõ.

**Hán:**

**54. Nhứt cú Di Đà**

**Bất cấp bất huẩn.**

**Tâm khẩu nhứt như**

**Lịch lịch nhi chuyển.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Chẳng gấp cũng chẳng huẩn.

Lòng miệng ứng hợp nhau

Rành rõ mà chuyển niệm.

**Lược giải:**

Cách niệm Phật không nên nhanh hoặc chậm lắm. Niệm gấp tất khó rành rõ, có hại cho sự huân tập câu hồng danh, ngày kia cảnh giới "không niệm tự niệm" phát hiện, câu Phật hiệu cũng không được rành rõ. Niệm huẩn thì vọng tưởng dễ xen lẫn vào. Lại quá dùng sức niệm mau gấp, hư

hỏa sẽ bốc lên, thần kinh căng thẳng, tất sanh bệnh nám mặt đau đầu. Niệm huôn đãi lơ là thì tâm ý buông lơi, sẽ sanh lỗi hôn trầm biếng trễ.

Khi niệm phải tiếng nương nơi tâm, tâm duyên theo tiếng, lòng và miệng ứng hợp nhau, cứ niệm đều đều ngoài ra không tưởng nghĩ chi khác.

**Hán:**

**55. Nhứt cú Di Đà**

**Dũ đa dĩ hảo.**

**Như nhơn học xạ**

**Cửu tập tắc xảo.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Niệm càng nhiều càng hay

Ví như người học bắn

Tập lâu thì khéo tay.

***Lược giải:***

Người học bắn, càng tập lâu tất nghề càng tinh xảo. Câu hồng danh là sự kết tụ vô biên phước huệ của Phật, niệm càng nhiều thì căn lành càng thuần, công đức càng to rộng, phẩm sen lại càng cao. Ngẫu Ích đại sư đã nói: "Được vãng sanh cùng không, là do nơi Tín, Nguyện. Phẩm sen cao hoặc thấp, toàn bởi sự Hành trì!".

**Hán:**

**56. Nhứt cú Di Đà**  
**Nhiếp tâm mật trì.**  
**Như nhưn ẩm thủy**  
**Lãnh noãn tự tri.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà  
Mật niệm hằng nhiếp tâm.  
Ví như người uống nước  
Nóng lạnh tự biết thâm.

***Lược giải:***

Kinh nói: "Chí tâm niệm một câu A Di Đà, tiêu được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết". Một kiếp sống chết là một quãng đời trong nẻo luân hồi. Liên Trì đại sư cũng bảo: "Câu niệm Phật là đại phước, đại đức, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiền!". Về phước thì câu hồng danh cảm hiện nhạc trời, hương lạ, ao báu, đất vàng, cho đến vô lượng cảnh tượng tốt đẹp trang nghiêm. Về huệ thì câu Phật hiệu sẽ khiến cho hành giả tiêu trừ tội chướng, lần lần đi sâu vào cảnh giới giác ngộ, chứng lên Thánh quả. Tiến trình chứng ngộ phước và huệ thấp hoặc cao ấy, duy đương nhưn tự biết; như người uống nước lạnh, nóng chỉ mình hay, không thể diễn tả ra được!

**Hán:**

**57. Nhứt cú Di Đà**

**Thí du quật tỉnh.**

**Tự hạ cận nê**

**Giá liêm công tỉnh.**

**Việt:**

Một câu A Di Đà

Như đào giếng lấy nước.

Lần sâu thấy gần bùn

Giá hời công kiệm ước.

***Lược giải:***

Kinh Pháp Hoa có thí dụ: "Nhu người đào giếng, trước tiên duy thấy đất cát khô ráo, biết mực nước hãy còn xa. Lần lần thấy đất ướt và bùn, biết đã gần tới mực nước. Người tu Phật cũng thế, khi chưa nghe hiểu kinh Pháp Hoa, kẻ ấy hãy còn xa đạo Vô thượng Bồ đề. Lúc đã nghe hiểu kinh này, tất biết người ấy đối với đạo Vô thượng Bồ Đề không còn xa nữa...".

Với môn Tịnh Độ cũng lại như thế, người nào đã biết và tu pháp Niệm Phật, tất kẻ đó đã gần đạo Vô thượng Bồ Đề. Chẳng những ngàn ấy mà thôi, với pháp môn này chỉ cần dụng công trong một đời, khi được vãng sanh, tức đã bước lên ngôi Bất thối chuyển, không còn bị lui sụt nơi Phật quả

nữa. Sự dùng công phu ít nhưng thành đạo quả cao như thế, há chẳng giống kẻ đào giếng với giá hời, hoặc may mắn ra công sức chưa bao lâu mà đã thấy lộ bùn gần mực nước đó ư!

## MINH QUẢ

Thích Minh Quả, người huyện Sương Âm tỉnh Hồ Nam Năm 26 tuổi, ông đến chùa núi Đạt Ma ở bản ấp, cầu xin thể độ với Đông Lâm trưởng lão. Sau khi thọ đại giới, sư đi tham phỏng khắp các bậc danh đức xa gần, có chỗ lãnh ngộ, và quyết chí theo đường hướng thiên tịnh song tu.

Lúc trở về Sương Âm, Minh Quả trụ tích nơi chùa Vạn Thọ tại Trường Sa. Kế đó, lại lãnh nhiệm vụ chủ trì chùa Tây Thiên ở Hoành Châu, sửa sang chấn chỉnh cảnh già lam tại đây thành một nơi danh thắng. Sau sư về thiên lâm Vạn Phước ở Trường Sa ẩn tích tu hành. Không bao lâu, hàng môn đồ là Văn Chân bỗng nhiên đau nặng. Sư muốn rước lương y đến điều trị. Văn Chân thưa: "Con chẳng phải thật đau bệnh, mà chính là sắp xả báo thân sanh về Cực Lạc. Xin thầy đừng rước lương y và đỡ dùm con ngồi dậy!". Sư y lời, kế tiếp xưng hồng danh trợ niệm. Văn Chân sẽ động đôi môi niệm Phật theo, giây phút liền chấp tay viên tịch.

Từ đó tâm tu Tịnh Độ của Minh Quả càng tha thiết. Sư chán đi qua cảnh thành thị, lui về ở chùa Bạch Hà nơi miền đầm rộng phía Bắc vùng Trường Sa. Tại đây Minh Quả tập hợp hàng tăng tục kết liên xã niệm Phật. Gặp ai sư cũng đều

lấy quê hương Cực Lạc làm nơi hẹn ước quy kỳ. Mùa đông năm Dân Quốc thứ 6 (1917), sư tự biết duyên đời của mình chẳng còn bao lâu, đem tất cả việc chùa giao phó cho đồ chúng. Sang mùa hạ năm sau, trước khi quy tịch, cả thân bổng vương chúng phù thủng. Sư tự biết đây là dư báo phải trả lần cuối cùng, liền viết kệ từ biệt rằng:

Sáu mươi bảy tuổi bước suy già  
Mây nước tham phương đã trải qua  
Tay trắng thuyền không về Phật Độ  
Lòng thanh tánh tịnh ngộ Di Đà  
Luân hồi ba cõi từ đây dứt  
Sông núi muôn nơi vốn cảnh nhà  
Thân huyễn ngày nay thôi trả lại  
Một trời Tam muội sáng tinh hoa!

Viết xong, bảo đồ chúng rằng: "Cả mình ta đều phù thủng, nếu chẳng nhờ công phu niệm Phật mấy mươi năm, quên hết thân tâm, tất đau nhức không thể chịu nổi. Bây giờ các người hãy chấp tay niệm Phật hộ trợ đưa ta về Tây Phương!". Đang lúc đại chúng xướng hồng danh, Minh Quả chợt yên lặng như ngủ, giây phút lại mở mắt ra nói: "Ta thấy chư Thánh tăng thân tướng cao đẹp trang nghiêm đến đón rước". Đoạn ngồi ngay thẳng xây mặt về phía Tây, sẽ động môi niệm Phật theo đại chúng, giây lát liền viên tịch. Sư hưởng tuổi đời được 67, tăng lạp 39. Bảy giờ, nhằm tiết trọng hạ năm Dân Quốc thứ 7.

## BẢN TUYÊN

Thích Bản Tuyên, người thời Dân Quốc, tự lấy hiệu là Thê Liên để tiêu biểu cho chí nguyện cầu sanh về Tịnh Độ. Ban sơ sư học tán tụng theo nghề ứng phó để đi làm đám. Sau nhờ Tích Đoan lão nhơn chỉ dạy, sư thông thiết hỏi cải sự lỗi lầm trước, mang y bát đi hỏi đạo chư danh đức khắp các nơi.

Qua thời gian đó, Bản Tuyên về chủ trì các chùa: Long Hoa, Nhạc Lâm, trùng hưng tông lâm Thiên Thai, Hoa Đảnh. Lúc lớn tuổi lại kiến tạo hai ngôi già lam Đoan An và Tiên Nham. Sư có hoa tay viết vẽ rất khéo, thường vì người tả hồng danh chư Phật, cứ mỗi nét bút niệm một câu A Di Đà. Tuy bôn tẩu các nơi, sư thường thâm lặng niệm Phật, đem công đức hóa duyên tu tạo chùa tháp hồi hướng cầu sanh về Tây Phương.

Năm Dân Quốc thứ 2, Bản Tuyên bỗng cảm bệnh nhẹ. Ngày 13 tháng 5, Tác Nguyễn pháp sư nghe tin đến thăm viếng, thấy sư trạng mạo thư thái, vẫn nói chuyện như người thường. Nhưng chính Bản Tuyên lại bảo rằng mình sắp mạng chung. Kế đó sư gọi thị giả đem quyển Thông Thư lại để chọn ngày lành về Tây Phương, và nói: "Tôi sanh giờ Mão, tịch vào giờ Mão, chẳng cũng là tốt đẹp ư?". Liên định giờ Mão ngày 18 làm thời gian quy Phật. Đến kỳ hẹn, Bản Tuyên còn tự tay cùng mấy người thợ kết màn trướng. Tác Nguyễn pháp sư cùng chư tăng đều bàn luận: "Ông ta dung thái vẫn như thường, làm sao mà vãng sanh



được? Vậy chúng ta hãy tạm trở về trước, chừng nào có tin gì rồi sẽ hay!" Nhưng khi tất cả vừa ra khỏi cổng tam quan độ vài trăm thước, thì một vị tăng ở trong chùa chạy theo kêu to lên rằng: "Lão hòa thượng sắp vắng sanh về Tây Phương, xin các ngài mau trở lại!"

Khi chư sư trở vào chùa, thấy Bản Tuyên đắp y ngồi thẳng trong bảo khám, mắt đã ngưng tròng, song miệng vẫn còn mấp máy niệm Phật. Đại chúng đồng thanh cao tiếng trợ niệm, giây phút sư lần lần nhắm mắt rồi đi thẳng.

## KIM THỂ

Thích Kim Thể họ Phương, người ở Vu Đô, tỉnh Giang Tây. Sư có gieo căn lành từ kiếp trước, nên lúc còn niên thiếu đã biết trường trai lễ Phật. Qua 30 tuổi, Kim Thể chán cuộc thế vô thường, ba cõi như nhà lửa, đến xuất gia nơi chùa Báo Ân ở Trường Định tỉnh Phúc Kiến.

Sau khi thọ giới Cụ túc, sư chuyên chí khổ hạnh, giữ chức hương đăng nơi chùa Quang Hiếu tại Chương Châu. Cách hành xử của Kim Thể rất ngăn nắp, cẩn thận, tinh sạch cung kính, mọi người trông thấy đều khen ngợi là chí thành. Sư tiếc của thường trụ như giữ tròng con mắt, hằng ngày chuyên lễ bái niệm Phật không lúc nào biếng trễ thối lui, nên được đại chúng trong chùa mến phục.

Kế đó vì muốn chuyên tu để đảm bảo sự giải thoát, Kim Thể rời chùa, dời đến ở trong hang đá nơi vùng thâm sơn thuộc huyện Ninh Đô. Sư gác cảnh thông làm tòa, bện cỏ

tranh làm nền, trồng khoai làm thức ăn, vá vải thô làm áo mặc, sự khổ hạnh người thường khó kham nổi. Song riêng Kim Thê vẫn điềm nhiên vừa ý, lấy đạo làm vui. Lâu ngày có người hay biết, tìm đến viếng thăm; cúng cho tiền thì không nhận, chỉ thọ lãnh áo vải cơm thô. Trải qua một thời gian mấy năm ân tu, sư lại dời đến Kim Hoa Sơn Tự, xin vị trụ trì cho mình lấy gỗ ngăn thành một gian tịnh thất nhỏ bên hành lang chùa để tụng niệm. Đại chúng đều tôn trọng đạo hạnh của sư, nên để cho tùy tiện. Tại đây trọn ngày Kim Thê đóng cửa trì tụng. Trừ thời tiểu thực sáng và ngộ trai, ngoài ra tiếng khánh mõ hòa với hiệu Phật câu kinh lạnh lạnh không dứt, mấy chục năm như một ngày.

Do đức chân tu của sư, hàng tăng tục tin mến càng lúc càng nhiều, khi có người thành tâm cúng dường, liệu không thể từ chối được, sư nhận lãnh và chuyên giao lại cho chùa, để hộ trì Tam Bảo hoặc làm các công đức. Riêng mình, Kim Thê chỉ lưu lại mười đồng bạc, dự bị cho tiền mua củi để phân hóa lúc mạng chung. Hạnh an vui thanh khổ, tâm giải thoát không nhiễm trần của sư, đại để đều như thế. Có ai đến hỏi đạo, không luận là hàng xuất gia hay tại gia, sư đều khai thị: "Cõi Ta Bà nhiều khổ, miền Cực Lạc sạch vui, phải phát lòng Bồ Đề, gấp cầu thoát khỏi sự sống chết luân hồi, lấy niệm Phật hồi hướng vãng sanh làm chánh yếu. Lại cần nên tin nhận rõ ràng lý nhân quả, giữ gìn giới cấm, tụng kinh trì chú, tu các phước lành làm phụ trợ. Hạnh tu phải trong ngoài như một, trước sau không thay đổi, mới được

sự lợi ích chân thật". Ngoài những điều ấy ra, sư không một lời đề cập đến việc phước lợi ở thế gian.

Năm Nhâm Ngọ niên hiệu Dân Quốc thứ 7, Kim Thê đã được 74 tuổi. Vào ngày mùng 1 tháng 10, sư cảm bệnh nhẹ. Tới ngày mùng 4 không thấy ăn uống, vẫn tụng niệm như thường, đến canh khuya mới dứt. Sáng sớm ngày mùng 5, đại chúng trong chùa không nghe tiếng trì tụng, đến gõ cửa, thấy lặng lẽ liền vào thất xem thì sư đã ngồi kiết già thoát hóa. Tay mặt của Kim Thê vẫn còn cầm chiếc khánh nhỏ, đầu hơi cúi xuống, mặt lộ nét tươi vui. Điều này chứng tỏ sư đã vãng sanh trong khi niệm Phật. Đại chúng đều khen ngợi, đoán quyết rằng sư đã thần về Tịnh Độ, chắc gởi bảo liên chẳng còn nghi ngờ chi nữa!

## GIỚI NHIÊN

Thích Giới Nhiên hiệu Thanh Tuyên, nguyên quán tại thôn Uyển Bình phủ Thuận Thiên. Nhà ông ở khoảng giữa hai ngôi chùa Trung Hoa và Lạt Ma giáo. Thuở bé ông không biết chữ, thích nghe mấy vị Lạt Ma tụng kinh, dường như có chỗ cảm ngộ.

Đến 29 tuổi, ông xin với mẹ cho xuất gia xuống tóc tại chùa Di Đà. Hơn một năm sau, được thọ giới nơi chùa Niêm Hoa. Kế đó lại đến Tịnh viện Tư Phước ở Hồng Loa Sơn nghiên cứu giáo lý và niệm Phật. Cư ngụ tại đây trước sau bảy năm, nhân nghe giảng về Duy thức không lãnh hội, niệm Phật lại chẳng đắc lực, Giới Nhiên nghĩ hận mình căn

tánh tối tăm, nếu không gắng sức khổ hạnh, chắc cũng sẽ luống qua một đời. Do đó sư phát nguyện đốt hương triều bái các nơi thánh tích, thề ba bước lễ một lạy. Trong hơn hai năm, Giới Nhiên triều lễ các chùa núi: Nga My, Cửu Hoa, Phổ Đà, Thiên Đông, Thiên Mục. Sau thời gian ấy, sư từ chùa Kim Sơn về phương Bắc thăm viếng thân mẫu. Kế tiếp lại triều bái non Ngũ Đài, lễ thánh tích của đức Văn Thù Bồ Tát. Mãn nguyện, sư thường thay đổi cư ngụ tại hai chùa Kim Sơn, Cao Mãn để rèn luyện thân tâm.

Tháng giêng năm Dân Quốc thứ 7, Giới Nhiên từ Kim Sơn đến cửa Hộ, trụ tích nơi chùa Ngọc Phật. Lúc ấy có cư sĩ Trình Tuyết Lô đến hỏi đạo, đàm luận rất thích hợp hân hoan. Tháng 2 năm Canh Thân, Tuyết Lô vương bệnh, sư nhân đến thăm, hỏi rằng: "Cư sĩ thấy trong người có mỗi nhọc nhiều chăng?". Tuyết Lô đáp: "Bệnh dây dưa lâu ngày, thật rất khổ". Sư bảo: "Thân đau bệnh mặc nó, tâm ta vẫn thanh tịnh không liên quan, cứ chuyên niệm Phật thì sự đi ở đều được tự tại!". Ngày 29 tháng 3 năm ấy, Trình cư sĩ đã lành bệnh, đến viếng Giới Nhiên tại chùa Ngọc Phật, cả hai trò chuyện tương đắc tới 10 giờ đêm. Lúc cư sĩ từ giã ra về, sư có nói: "Ngày mai mừng một, tôi sẽ nỗ lực niệm Phật!". Sáng hôm sau, Giới Nhiên thức dậy sớm đem y ra phơi, chợt bảo vị tăng đồng bạn rằng: "Tôi sắp cáo biệt nên đêm nay không thể chấp tác, phiền thầy thay nhọc dùm!". Ngộ trai xong, sư vào thất đóng cửa, mặc áo hậu, đắp cà sa

trang nghiêm, ngồi kiết già cầm chuỗi niệm Phật. Trì tụng một lúc lâu, yên lặng nhắm mắt mà viên tịch.

Trình Tuyết Lô nghe tin vội đến thăm, thấy Giới Nhiên còn ngồi thẳng trên đôn, đôi dép để ngay ngắn, y phục đều nghiêm chỉnh sạch sẽ. Hỏi ra thì mấy bữa trước sư có lãnh tiền trai tăng, nhờ may xong y phục mới. Kế hôm qua, Giới Nhiên đã dự bị tắm gội và thu xếp mọi việc. Trước khi vãng sanh lại thay đồ mới, an nhiên không bệnh mà từ trần. Sư hưởng tuổi đời được 60, tăng lạp 31.

## CHÁNH THÀNH

Thích Chánh Thành họ Châu, người ở Dục Dương tỉnh Giang Tây. Ông nhà nghèo, đã có chí xuất trần từ lâu. Trước tiên được nghe Mãn Giác đại sư, vị hóa chủ ở chùa núi Tây Thiên Mục, dạy pháp thức niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ông liền tin chắc và từ đó thường hành trì theo. Nhân có người bà con bên ngoại nghèo khổ không nơi nương tựa, nên cha con ông đem về nhà ủng hộ, tìm cách sanh nhai để phụng dưỡng. Ông thường bảo con rằng: "Chờ khi người này thọ chung, chôn cất xong xuôi, cha con ta sẽ đồng xuất gia".

Quả nhiên, đến năm 68 tuổi, lo liệu việc tân táng cho kẻ ngoại thân xong, ông đem con đến chùa núi Phong Đánh thuộc huyện Duyên Sơn cầu xin thế độ. Người con trở thành đồ đệ, pháp danh là Minh Trí. Sau khi xuất gia, Chánh Thành càng gắng sức tu trì. Trong phòng có hai tòa

bằng trúc và gỗ, mùa hạ sư ngồi tòa trúc, mùa đông ngồi tòa gỗ mà niệm Phật. Sư ở núi trọn 13 năm, chưa từng đặt lưng nằm xuống chiếu. Khi niệm Phật cất cao tiếng, thường lúc niệm đến cả mình xuất hạn mới thôi. Máy vị ở gần bên hiềm là huyên não hằng khiến trách, lại có những bạn đồng giới khuyên nên nhỏ tiếng một chút để cho mọi người khỏi chán nhàm. Chánh Thành tuy mỉm cười cho là phải, song đến khi niệm được chừng một lúc lại dường như quên hẳn, vẫn y nhiên cao tiếng như cũ. Có lẽ sư niệm Phật rất chuyên thiết, nên đã đến cảnh giới nhứt tâm. Lúc niệm chỉ biết có Phật, không còn tưởng nghĩ chi khác, cũng chẳng biết mình niệm to hay nhỏ, có làm phiền rộn người cùng chãng, nên mới như vậy.

Gần chùa có ngôi tịnh thất do sư Cổ Hoa cư trụ tu hành, Chánh Thành thường ngồi nơi phiến đá dưới cội thông to bên tịnh thất, hướng về chót núi phía Tây mà niệm Phật. Sư hằng mục kích Phật hiện thân đứng trên đỉnh núi, tướng tốt trang nghiêm, đã hai ba phen gọi thầy Cổ Hoa ra xem, nhưng Cổ sư vẫn không thấy được.

Ngày mùng 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất thời Dân Quốc, Chánh Thành đến chợ huyện mua một vuông vải trắng, nhờ người may thành dầy, bảo để dựng linh cốt sau khi thiêu hóa sắc thân. Kế đó lại nói bốn câu kệ, thỉnh thầy Cổ Hoa biên dùm trên mặt dầy. Vài người thấy sư không đau bệnh chi, tiết trời lại nóng, bảo đó là việc chưa cấp thiết hãy nên chậm lại. Nhưng Chánh Thành tự biết đã tới kỳ quy Tây,

thôi thúc làm gấp. Quả nhiên, sang ngày mùng 4, sư ngồi kiết già niệm Phật mà hóa. Lúc đó chiếc đũa vừa mới may xong. Còn Cổ sư thì thờ ơ quên sót bốn câu kệ, nên vẫn không biên ra được.

Tới ngày mùng 7 khi làm lễ trà tỳ, vừa đúng thông lệ hàng năm trong chùa đem tọng kinh ra phiên duyệt và phơi, nên hàng Phật tử tụ đến đông nhiều. Lúc cử hỏa bốn chúng vây quanh đứng xem, có kẻ thấy ánh lửa như hoa sen, có người thấy kim quang rực rỡ, có vị thấy hiện thành hoa lạ màu xanh. Mọi người than thở ngợi khen là điềm lành hy hữu, đều tụng kinh niệm Phật hoặc lễ bái. Đây cũng là việc ít có của hàng tăng già thời mạt pháp vậy.

## TRUYỀN TÁNH

Thích Truyền Tánh tự Thanh Hoa, quê ở huyện Tam Thai tỉnh Tứ Xuyên. Sư xuất gia tại núi Nga My, chùa Kim Đảnh. Mùa đông niên hiệu Dân Quốc thứ 5, được thọ giới Cụ túc nơi chùa Bảo Quang.

Năm Dân Quốc thứ 11, Truyền Tánh đi tham phương lần đến chùa Thê Chơn, huyện Gia Hưng rồi trụ nơi đó. Năm kế triều lễ núi Ngũ Đài, lúc trở về lại trụ ở Niệm Phật Đường chùa Thê Chơn mà tinh tu tịnh nghiệp. Tới niên hiệu Dân Quốc thứ 13, sáng ngày 18 tháng 4, sư ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

Trước đó, Truyền Tánh trình với vị tăng tri khách rằng: "Tôi sắp phải đi xa!". Hỏi: "Thầy đi đâu?". Đáp: "Có chỗ đi

về!". Tri khách tặng đùa bảo: "Nếu được về ở cõi Cực Lạc ở Tây Phương là điều rất quý!". Sư đáp: "Xin vâng". Tới ngày ấy, khóa tụng sáng xong, trước tiên Truyền Tánh niệm hương đánh lễ Phật. Kế đó tới phương trượng lễ Liên Nhơn hòa thượng, rồi quỳ xin cáo biệt và cầu khai thị. Hòa thượng gạn hỏi, sư đáp: "Cơ duyên đã thuận thực, chẳng thể không đi!". Hòa thượng hứa nhận và phú kệ rằng:

**Niệm Phật pháp mầu lại cõi huyễn,  
Đường Tây thẳng lối hợp cơ duyên.  
Nhân thành nguyện mãn Di Đà gặp,  
Khởi nổi "Linh bình ngũ thập niên".**

Thọ lãnh pháp kệ xong, Truyền Tánh trở về trung đường ngồi kiết già niệm Phật. Được giây lát, đại chúng thấy đánh đầu sư hơi nóng bốc lên như khói trắng, cả mình xuất hạn, sắc mặt khác thường. Vài vị vội đến dò xem, thì sư đã thoát hóa.

## GIỚI TÂM

Thích Giới Tâm họ Đàm, quê ở Huỳnh huyện tỉnh Sơn Đông. Lúc tuổi trẻ ông rất mộ đạo, hằng có ý nguyện thoát trần. Lớn lên vì phải phụng dưỡng song thân, nên tới lui buôn bán ở Ngưu trang. Tuy nhiên, ông vẫn giữ chí khổ tu, ăn chay niệm Phật, gặp những việc lành đều gắng hết sức mà làm.

Đến tuổi 57 ông mới thực hành được ý nguyện, tới xuất gia nơi chùa Tường Vân tại Hải Thành. Mùa đông năm Dân



Quốc thứ 11, lại đặc giới nơi chùa Thiện Quả ở Bắc Bình. Từ đó, Giới Tâm càng tinh tấn niệm Phật, ngày đêm không biếng trễ. Khi gặp hàng thân hữu hoặc kẻ viếng thăm, sư chỉ khuyên tu Tịnh Độ, không bàn luận đến việc thế gian. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ 13, chùa Lăng Nghiêm ở Dinh Khẩu mới khởi công kiến trúc, sư phát tâm làm công quả coi sóc mọi việc, chẳng nài khổ nhọc khó khăn. Hai năm sau Giới Tâm vương bệnh ho, tự nghĩ đó là túc nghiệp, nên vào hôm lễ vía đức A Di Đà, đốt 48 liều hương nơi cánh tay, để cúng dường và cầu sám hối. Ngày mùng 8 tháng chạp, nhằm vía đức Thích Ca thành đạo, lại đốt thêm 48 liều hương nữa. Tuy bệnh chứng mỗi ngày một tăng, song sư vẫn gắng niệm Phật không thôi nghỉ.

Ngày 12 tháng chạp, sáng sớm thức dậy, Giới Tâm đối trước đại chúng bạch rằng: "Đêm vừa rồi, tôi thấy thảng cảnh ở Tây Phương và kim dung của Tam Thánh. Chắc có lẽ duyên trần đã mãn, thời kỳ quy Phật hầu gần. Nay xin đánh lễ cáo từ và kính chúc đại chúng ở lại tu hành tinh tấn!". Lúc ấy có cư sĩ Vương Tinh Kiều, một lương y ở bản ấp, là bạn tốt của Giới Tâm, cũng trong đêm đó nằm mộng thấy người báo tin rằng: "Sư Giới Tâm sắp vãng sanh, nên mau tới trợ niệm!". Trong giấc mơ, Vương theo người ấy sang viếng thăm, hỏi: "Vừa rồi tôi chân mạch, thấy trước ngày rằm thầy vẫn chưa đến nỗi nào, nay sao lại đi vội gấp như thế?". Giới Tâm đáp: "Sự vãng sanh đâu có luận gì mạch? Tam Thánh đã mách cho biết trước ngày về. Vậy

liên hữu hãy dìu tôi ra ngoài, xem đã tới thời chưa?". Ra tới bên ngoài, sư hướng về Tây cả cười bảo: "Tôi sẽ sanh Tịnh Độ, hưởng sự vui thắng diệu. Kìa, liên hữu hãy nhìn xem!". Vương ngẩng đầu trông lên, quả thấy đằng xa hiện cảnh giới trang nghiêm cõi Cực Lạc, Tây Phương Tam Thánh đứng giữa hư không, liền hỏi: "Tam Thánh đã quang lâm tiếp dẫn, sao còn ở cách quá xa?". Bên tả bỗng có tiếng bảo: "Vị sư này đời nghiệp vãng sanh, chẳng phải Phật không đến tiếp dẫn!".

Tỉnh giấc, sáng ra Vương đem điềm mộng ấy thuật với các bạn đồng tu, ai nấy đều cho là triệu chứng báo sư sắp về cõi Phật. Ngày 13, thời tiểu thực sáng xong, Giới Tâm trao tiền cho vị Hương đăng, bảo mua dầu đốt đèn bàn Phật và chú nguyện rằng: "Xin đem ánh sáng này soi phá sự tối tăm của chúng sanh ba cõi!". Nói xong, tụng kinh A Di Đà bảy biến. Chiều lại, sư đôi cư sĩ Lục Bính Nam và Phật tử Vĩnh Nhuận bảo: "Sau khi tôi về Cực Lạc chúng được đạo quả, sẽ phân thân trở lại Ta Bà độ thoát vô lượng chúng sanh!". Nói vừa dứt, liền ngồi kiết già ngay thẳng, chấp tay niệm Phật rồi an nhiên mà hóa, thọ được 63 tuổi.

## ĐỨC TRÍ

Thích Đức Trí họ Trương, người tỉnh Hồ Bắc, lúc chưa xuất gia chuyên nghề đánh cá. Khi tuổi gần 60, ông nghĩ mình nghiệp sát quá nặng, tất khó tránh khỏi ác báo, muốn

được giải cứu chỉ có cách đối trước Tam Bảo sám hối tu hành.

Năm Nhâm Tý, đầu kỷ nguyên Dân Quốc, ông đến chùa Phật Đảnh ở non Phổ Đà, cầu xin xuống tóc xuất gia. Sau khi thọ đại giới, có nhiều vị sư dạy bảo cho cách thức tu thiền. Đức Trí cũng tham cứu ít lâu, song tự biết mình căn tối chướng sâu, khó được sự lợi ích thiết thật. Kế tiếp nghe Ấn Quang pháp sư đề xướng pháp môn Tịnh Độ, sư đến đánh lễ cầu khai thị. Sau khi nghe lời chỉ dạy, Đức Trí liền tin nhận, từ đó chuyên cần lễ bái tụng niệm, giữ thời khóa chắc chắn không trễ sót, hơn mười năm như một ngày. Tánh sư cang trực, lại cần kiệm chất phác, rất chuộng giới hạnh, lạnh nhạt cùng lợi danh. Đối với những vị tăng có đạo hạnh, thì đặc biệt cung kính, không luận già trẻ hoặc niên lap cao thấp, đều đánh lễ cầu xin khai thị. Khi được của cúng dường, đều chuyển giao cho thường trụ, hoặc giúp làm những công đức lành, bên mình không chứa để chi cả. Về sau vài bạn đồng môn đem việc phiền lụy đến người về chi phí củi lửa để thiêu hóa lúc mãn phần, đôi ba phen trách móc. Bởi duyên đó sư mới dành ra 30 đồng giao cho vị tăng tri khố nhờ cất giữ, chớ không chịu chứa để nhiều.

Mùa thu năm Bính Dần thời Dân Quốc, Đức Trí vương chứng hạ ly. Có người bày uống rượu ngâm với trái Vô hoa để chữa bệnh, tất sẽ mau lành. Sư khẳng khái bảo: "Tôi thà chết chứ không dám phá giới cấm uống rượu!". Hai năm sau, bệnh ấy lại tái phát, kỳ này rất trầm trọng, thường làm

đơ cả giường nệm, phải dời về Như Ý liêu để tĩnh dưỡng. Nhân vì bình sanh sư ưa kết duyên với người, nên lúc đó được vị hương đăng có lòng tốt sẵn sóc, lo cơm cháo cùng lau rửa giường phòng, giặt giũ y phục chăn nệm. Đức Trí tự biết đây là do nghiệp sát sanh phát hiện, nhờ chân thật tu hành, nên chuyển từ trọng báo sang khinh báo. Vì thế nên tuy đau yếu, song sư vẫn chí tâm niệm Phật không xen hở.

Trước khi mãn phần ba ngày, căn bệnh bỗng giảm nhẹ, không còn làm nhớ ứ, thần trí sư trở nên thanh tĩnh. Do Đức Trí thật ý tu trì, nên được nhiều người kính mến, hằng lui tới viếng thăm. Lúc ấy tầng lầu trên của liêu Như Ý có mấy vị tăng đang duyệt xem Đại Tạng kinh, thấy trạng thái đó biết là sư sắp từ trần; phát tâm thay phiên nhau trợ niệm, cùng khai thị cho những điểm thiết yếu để được vãng sanh. Trước khi sư lâm chung bốn giờ, tất cả đều chuyên xưng hiệu Phật giúp phân chánh niệm cho bệnh nhân, lại trần thiết tượng Phật tiếp dẫn để trước mặt. Đức Trí vui mừng cảm tạ và chú nguyện rằng: "Cầu cho chư vị đều được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!". Ban sơ sư niệm ra tiếng nhỏ theo đại chúng, kế đó chỉ sẽ động môi niệm thầm.

Lúc sắp đi lại trở mình nằm nghiêng bên hữu, tay mặt tự sửa ngay ngắn, tay trái do một vị tăng giúp đỡ xuôi theo mình, thành ra tướng nằm kiết tường. Trong tiếng xưng hồng danh của chư tăng, Đức Trí vẫn động môi niệm Phật đến giờ phút cuối cùng, rồi nhắm mắt đi thẳng.

Mấy giờ sau, cả mình sư đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng. Tới khi nhập khám, toàn thân Đức Trí đều mềm dịu, trong người sạch sẽ không có mùi hôi, lại tiết ra hương thơm thanh thoảng. Gương mặt sư bình thời vẫn đen nám tiêu tụy, lúc đó lại lộ nét tươi đẹp sáng nhuận. Đây là triệu chứng sư được nghiệp chướng tiêu trừ, sanh về Cực Lạc.

## KHÔNG TAM

Thích Không Tam họ Lưu, quê ở huyện Hải Thành tại Phụng Thiên. Lúc còn ở nhà, ông làm công trong lò ngói gạch. Tánh ông ưa bố thí, từng cung cấp phần ngói gạch và ngư vĩ cho chùa Lăng Nghiêm ở Dinh Khẩu lúc hưng công. Nhờ thế lần lượt hơn 2 năm sau, ngôi tự viện mới được lạc thành. Kế đó Không Tam cảm nghĩ đời người như giấc mộng, tới chùa Trấn Hà ở trong huyện, đánh lễ Thoát Trần pháp sư cầu xin thế độ.

Sau khi thọ đại giới, sư đến chùa Long Tuyền ở Thiên Sơn, ngày đêm tinh cần niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ 18 (1929), Không Tam nghe Đế Nhân pháp sư đến chùa Cực Lạc, ở Cáp Nhĩ Tân truyền giới, liền mang y bát tới nơi công quả, lãnh phận sự nấu nước giải lao và săn sóc cho các giới tử đau bệnh. Bảy giờ nhằm tiết hạ, khí hậu nóng bức, hàng tân giới mười người vương bệnh hết ba bốn. Vì thế nhiều lúc sư phải thức suốt đêm để lo thuốc thang săn sóc.

Được gần nửa hạ, Không Tam trình với vị tri sự tăng trong chùa là Như Quang rằng: "Không bao lâu tôi sẽ về

Tây Phương Cực Lạc thế giới, xin thầy từ bi sắp cho một nơi thanh tịnh để được phương tiện hơn". Như Quang suy nghĩ rồi chấp thuận, hỏi: "Chùng nào thầy quy Phật?". Sư đáp: "Không quá 10 ngày!". Đại chúng hay được việc ấy, phần đông đều mỉm cười nửa tin nửa ngờ. Sáng hôm sau, Không Tam được cho dời đến tịnh thất rộng rãi ở phía Đông chùa. Kế tiếp vài ngày, sư báo tin hôm nay mình sẽ vãng sanh và yêu cầu sau khi viên tịch đem hài cốt ra thiêu hóa. Lúc ấy đại chúng gồm hàng tăng tục hơn 80 người nghe tin tụ hội đến, có vị thành tâm trợ niệm, có kẻ chỉ tới nơi dò xem sự thể ra sao!

Bấy giờ giữa số đông người, Không Tam ngồi kiết già nhắm mắt chấp tay niệm Phật không dứt. Một vị tăng thấy sư nét mặt an điềm, lại nghe thoảng mùi hương lạ, bỗng sanh lòng tin tưởng, lên tiếng hỏi: "Thầy sắp về Phật, chẳng lẽ không để lại một bài kệ nào lưu niệm hay sao?". Sư mở mắt ra đáp: "Tôi xuất thân là kẻ làm công trong lò ngói gạch, đã đốt nát lại nửa đời người mới vào chùa xuống tóc tu hành. Như thế đâu có đủ khả năng chi để thuyết kệ? Nhưng thời gian trước tôi có nghe hai câu kệ của một vị giảng sư, nên ghi nhớ và hằng lấy đó làm phương châm trên bước tu hành. Hai câu ấy là: Nói được làm không được. Tất không phải người trí". Đại chúng nghe lời ấy, biết sự tu hành của sư chẳng dựa nơi điều phù phiếm, mà đã đạp trên bước chắc chắn chân thật, nên đều chấp tay tỏ vẻ cung kính.

Giây lát Không Tam ngồi thoát hóa trong tiếng niệm Phật của đông người. Bảy giờ nhằm ngày 13 tiết trọng hạ.

Hai hôm sau mới làm lễ nhập khám, di hài của sư vẫn còn ngồi ngay thẳng tươi tỉnh như sống. Xung quanh ruồi muỗi tuyệt không có một con, thi thể lại thường tiết ra mùi hương lạ. Lúc trà tỳ, mọi người đều nghe hơi thơm chiên đàn bay thanh thoảng.

## KIM TRỰC

Thích Kim Trục, người ở Thai Châu, xuất gia tại chùa Diên Thọ thuộc bản xứ hồi mới lên tám tuổi. Đến niên kỷ hai mươi, sư được thọ đại giới nơi chùa Quốc Thanh.

Bước hành đạo đầu tiên, thầy thế độ dạy sư tụng chú Đại Bi và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Mỗi ngày Kim Trục tụng chú bốn mươi tám biến, ngoài ra chỉ chuyên niệm Quán Âm. Sư tu tập như thế không xen hở, bình sanh xem danh lợi như bóng bọt, thói quen tập nhiễm nhờ công đức trì niệm lần lượt đều tiêu trừ. Lại do sức trì chú, Kim Trục trị bệnh cho nhiều người lành mạnh một cách mau lẹ, cũng không nhận sự thù ân.

Năm Mậu Thìn niên hiệu Dân Quốc, sư ở tu một mình trong am nhỏ, đêm nọ bỗng bị giặc cướp. Chúng xét thấy ngoài y bát ra không có vật chi quý giá, nên nổi giận đâm sư hai dao bên hữu trán và một ở cánh tay mặt. Kim Trục chỉ bị bất tỉnh, sau đó được lành, dấu dao đâm còn in dấu rành rành. Đây là nghiệp trái nhiều kiếp về trước, do công tu nên

dồn phát lộ, chuyển quả báo nặng thành nhẹ, trả ngay trong hiện đời. Mùa hạ năm Kỷ Ty, sư đến chùa A Dục Vương ở Ninh Ba, niêm yết danh sách xin đơn (chỗ giường nằm) nhập chúng. Chờ hơn nửa ngày song không được chấp nhận, Kim Truợc chẳng một lời trách hờn, vẫn điềm nhiên ngồi tịnh mãi. Vị tăng tri sự thấy thế, đưa vào Dưỡng Tâm Đường cho ở tạm.

Tới tháng tám, vị sư quản đường lại bảo phải đi nơi khác. Kim Truợc thưa: "Tôi ở tạm đây không bao lâu sẽ sanh về Tây Phương. Xin từ bi cho tôi nhập chúng đến mãn tiết Mạnh đông". Sư quản đường trình lên, vị tăng tri chúng miễn cưỡng chấp thuận. Tới ngày mười chín tháng mười, Kim Truợc bạch với chúng rằng: "Trong vòng ba ngày, tôi sẽ thoát ly biển khổ, sanh về Cực Lạc. Xin các bạn đồng tham nên cố gắng niệm Phật cho chắc thật, hoặc chuyên xưng danh hiệu một trong hai vị đại sĩ tùy thị ở Tây Phương, quyết định sẽ được vãng sanh. Đức Thế Tôn không bao giờ nói dối! Hiện thời Quán Thế Âm Bồ Tát đang bung đài bạc đứng giữa hư không trước mắt tôi!". Đại chúng nghe nói, phần nhiều không tin, cho là lời huyền hoặc. Trước giờ ngọ ngày hai mươi mốt, Kim Truợc đắp y lên các điện lễ Phật, Bồ Tát, rồi xuống thưa các vị sư quản đường rằng: "Quá ngọ một giờ, tôi sẽ về Tây Phương". Chư tăng vẫn còn cho đó là lời càn dối.

Tới chín giờ, sư lên Quá đường dùng hai chén như thường ngày, rồi về nói với một bạn đồng liêu rằng: "Theo



quy lệ của thường trụ ở đây, vị tăng nào tịch phải đưa thi hài vào núi, tiền mướn người khiêng đi là bốn hào. Tôi không còn vật chi, duy có đôi dép xin phụng tặng, nhờ thầy lo liệu dùm việc ấy!". Sang mười một giờ, Kim Trượng tắm gội thay y phục xong, trở về liêu đáp y ngồi kiết già day mặt phương Tây lâm râm trì niệm. Đến xế qua một giờ, đúng như lời nói, sự an nhiên mà thoát hoá.

## ĐẾ NHÀN

Thích Đế Nhàn, pháp danh Cổ Hư, hiệu Trác Tam họ Châu, người ở Hoàng Nham tỉnh Triết Giang. Pháp sư tánh huệ đã tròng, căn lành sẵn đủ, hai mươi tuổi đến xuất gia nơi chùa Bạch Vân huyện Lâm Hải. Hai năm sau được thọ giới Cụ túc tại chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai.

Từ đó đông tham thiền, hạ học Phật, pháp sư tinh tấn hành đạo, gần gũi với các bậc kỳ túc, và rất tương đắc cùng Mãn Hy lão nhơn. Ngài từng dự khóa giảng Pháp Hoa, nghe chưa trọn bộ đã lãnh hội ý mầu Tam đế tam quán. Kế tiếp được cho ngồi tiểu tòa phúc giảng lại, lời sâu mầu lý thông suốt, khiến hàng đồng bối đều kinh hãi thán phục. Mãn công cũng thở than khen ngợi cho là bậc long tượng trong pháp môn. Năm hai mươi tám tuổi, pháp sư mở diễn hội Pháp Hoa nơi chùa Lục Thông tại Hàng Châu. Khi giảng tới đoạn "Khai Phật tri kiến". Ngài bỗng vào định lặng yên. Giấy lát xuất định giảng tiếp thì biện tài không ngại, đáp nạn giải nghi như bình tuôn nước, lời lẽ thâm mở

tự tại chẳng ai chế ngự nổi. Từ đó về sau, thường lấy sự hoằng pháp lợi sanh làm trách nhiệm của mình. Pháp sư lại lo huệ nhiều định ít sợ nổi chướng đạo, nên đóng cửa nhập thất nơi am Thánh Quả ở chùa Từ Khê. Lúc rồi rảnh thì nghiên cứu thêm về đại thừa kinh điển.

Ba năm sau vừa ra thất, Ngài liền nhận lời cầu thỉnh giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Long Hoa ở Thượng Hải. Khóa giảng xong lại về Kim Sơn tự tham thiền, rồi đến chùa Quốc Thanh tu quán. Trải qua thời gian đó, sự giải ngộ của pháp sư càng đến chỗ sâu sắc nhiệm màu, được Tổ Thích Đoan Dung chọn làm truyền thừa môn phái Thiên Thai đời thứ bốn mươi ba. Từ đây đến hơn hai mươi năm về sau, ngài ứng lời cầu thỉnh liên tục đi giảng khắp nơi ít khi rồi rảnh, mở pháp hội kể có mấy ngàn lần. Mỗi ngày pháp sư đều tụng kinh Kim Cang, Viên Giác, Quán Vô Lượng Thọ, Phổ Hiền Hạnh Nguyên phẩm và niệm Phật hơn một muôn câu lấy làm thường khóa. Ngày rằm và ba mươi lại tụng thêm kinh Phạm Võng.

Trong một đời hoằng hóa, ngài đã trùng hưng chùa Đầu Đà ở Ôn Châu, chùa Vạn Niên ở Thiên Thai, chùa Quán Tông ở Ninh Ba, chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu. Ngoài ra còn mở Phật học đường để đào tạo tăng tài, lập tịnh viện cho đại chúng tu tập. Chùa Quán Tông là nơi thường trụ tích của pháp sư. Ngài trứ thuật rất nhiều lời khai thị, dưới thích ứng với cơ duyên, trên thâm hợp cùng Phật lý, khiến cho phần đông hàng đạo tục đều được lợi ích thâm nhuần.

Cách thức chỉ dạy thì giáo mở Thiên Thai, hạnh chuyên Tịnh Độ, nên mỗi khi giảng kinh đều chỉ quy về sự niệm Phật. Bản thân của pháp sư cũng thật hành theo đường lối đó, hạnh giải kiêm toàn chúng đều khâm phục, được mọi người tôn xưng là bậc trung hưng Thai giáo thời bấy giờ. Cho đến những điều công ích, các việc từ thiện ngài đều khẳng khái giúp thành.

Trong hai mùa xuân hạ năm Tân Mùi thời Dân Quốc, pháp sư giảng kinh nơi chùa Ngọc Phật ở Thượng Hải. Ngoài ra lại ứng đáp lời cầu thỉnh của Vô Tích cư sĩ, giảng bài văn Phát Bồ Đề Tâm của Tịnh Am đại sư. Nhân vì tuổi đã cao, thời tiết nóng bức, Phật sự quá nhọc nhằn, nên sau kỳ giảng pháp sư lâm bệnh. Lúc trở về bản tự, tinh thần cùng sự ăn uống mỗi ngày thêm suy giảm. Ngài bèn tuyệt hết các duyên, quyết ý chuyên niệm Phật cầu sanh. Sang mùa hạ năm Nhâm Thân, pháp sư đem thủ tục và quy chế ở chùa Quán Tông giao phó hoàn tất, chỉ định cho môn nhơn là Bảo Tịnh nối tiếp hoằng trì.

Đến ngày mừng hai tháng bảy, trước giờ Ngọ, pháp sư bỗng chắp tay hướng về Tây yên lặng giây phút rồi bảo: "Đức A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn, lão nhơn xin từ đây giã biệt!". Nói đoạn, bảo thị giả nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi thay y phục mới sạch, đắp cà sa xong, pháp sư dạy đỡ mình lên chánh điện lễ Phật, rồi bảo dìu xuống tự ngò kiết già trong bảo khám. Kế tiếp, trước khi

dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Ngài nói lời kệ phú chúc  
vắn tắt rằng:

Ta nhờ niệm Phật  
Tịnh Độ hiện tiền  
Chân thật thọ dụng  
Chúng gắng tinh chuyên!

Quá ngộ một giờ ba khắc, ngài an lành mỉm cười vãng  
sang trong tiếng trợ niệm của đại chúng. Lúc ấy sắc mặt của  
pháp sư hiện vẻ rất tươi sáng, mấy giờ sau đánh đầu còn  
nóng. Bảy giờ nhằm ngày mùng hai tháng bảy, năm Dân  
Quốc thứ hai mươi một (1932), pháp sư hưởng thọ bảy  
mươi lăm tuổi, tăng lạp năm mươi lăm. Di hài được môn  
nhơn làm lễ nhập tháp nơi chùa Từ Khê, non Ngũ Lô.

## TỊNH ĐỘ THI

### I

Chuyên cần lễ niệm sớm rồi hôm  
Ao báu đài sen nhập mộng hồn.  
Xương nát thân tan ngàn vạn kiếp  
Khó đền ân đức Đại Từ Tôn!

### II

Sáu thời tưởng niệm Từ bi phụ  
Con trẻ ngày nao trở gót về?  
Nói đến luân hồi vô tận việc  
Trông nhau rớt lệ động lòng quê?

### III

Anh khuyên em dạ niệm Di Đà  
Lại độ thể nhi thoát ái hà  
Vị được đồng tâm cùng niệm Phật  
Diêm La thúc thủ biết sao mà ?

#### IV

Xưa có sĩ phu Ngô Tử Tài  
Gỗ hòm mỗi sáng nhắc quy lai  
Thân tuy còn ở trong ba cõi  
Hồn đã nương về Bạch ngầu thai.  
(Thai sen trắng)

#### V

Niệm Phật phải chuyên niệm đến cùng  
Đến cùng tâm niệm bỗng tiêu dung!  
Ta Bà biển khổ phong ba lặng  
Yên ổn thuyền sen tới Lạc cung.

#### VI

Muốn kết duyên lành hội Thắng liên  
Hơn thua phải quấy thả đều quên!  
Pháp mầu khó gặp tâm hằng nhớ  
Vui vẻ đồng lên giải thoát thuyền.

#### VII

Bởi còn chấp ngã khởi tham sân  
Chôn lấp hoàng kim trượng lục thân!  
Nay gặp duyên may vào Tinh xã  
Chẳng nên theo cũ dính phong trần.

#### VIII

Khấp đem đất trực Tam thiên độ  
Gieo giống trời Tây Cửu phẩm liên  
Đường đạo đây hơn không cách khác  
Chỉ cần một niệm vững bền chuyên.

### IX

Hằng đề thân tâm hướng tịch dương  
Tịch dương nơi ấy còn liên hương!  
Gió cây chim nước tuyên lời diệu  
Xót kẻ tình đời mộng huyễn vương.

### X

Ba mươi sáu chước, chước chi màu?  
Câu Phật ngàn muôn niệm đến đâu!  
Nén tắt hương tàn mơ cõi báu  
Bóng câu kiếp tạm chẳng bền lâu!

Trung Phong đại sư

# MỤC LỤC

**LỜI ĐẦU** .....

## **PHẦN BA – TỨ CHÚNG VÃNG SANH (tiếp theo)**

- Lan Đài .....4
- Bành Thiệu Thăng .....9
- Lữ Huát Nhược .....16
- Tào Thánh Hữu .....17
- Trịnh Triệu Vinh .....18
- Ngô Liêm .....20
- Trần Đình Du .....21
- Trương Hiếu Lâm .....22
- Phan Vạn Tôn .....23
- Trần Thơ Hoa .....24

- Hứa Nhân Thục .....	25
- Châu Quang.....	28
- Lộ Khôn.....	30
- Ngô Doãn Thăng .....	31
- Từ Thị.....	34
- Tào Thị .....	35
- Đào Quỳnh Lâu .....	37
- Bá Bất Quản .....	45
- Uông Thị .....	47
- Vương, Trương, Trần .....	49
- Châu Thị.....	51
- Thiệu Thị .....	52
- Du Thị .....	53



- Tiền Nhự Nhơn.....	54
- Lục An Nhơn.....	55
- Một trăm bài thơ kệ Niệm Phật .....	58
- Luật Tịnh .....	71
- Huệ Minh.....	73
- Khởi Tín .....	74
- Đông Qua Hòa thượng .....	78
- Ngô Linh .....	80
- Viên Dung .....	82
- Diệu Trạm .....	84
- Thọ Tâm .....	86
- Tư Ngạn.....	89
- Ngọc Phong .....	91

- Chí Thiện.....	93
- Khắc Cần.....	96
- Tịnh Hải.....	98
- Mặc Am.....	100
- Lương Tu.....	103
- Tịnh Thiên.....	105
- Như Trí.....	108
- Như Giác.....	110
- Liên Trinh.....	111
- Quả Nhơn.....	113
- Thánh Đạo.....	115
- Đại Ngộ.....	116
- Hoằng Nguyên.....	118

- Phạm Ngươn Lễ .....	122
- Tôn Phục Nguyên.....	127
- Lý Cần .....	128
- Tào Hải Hòa .....	131
- Tống Lai .....	133
- Trần Cư Sĩ .....	134
- Ngô Tôn Ngự.....	135
- Trương Xỉ Diên .....	136
- Từ Hy .....	138
- Tiên Vạn Vật .....	142
- Châu Lân Thơ.....	145
- Cù Tấn Hòe .....	147
- Tôn Tùng Đình .....	148

- Đinh đồng tử.....	149
- Dương Thị .....	151
- Nhan Thị.....	151
- Tiền Lan Trinh .....	153
- Trâm trinh nữ.....	153
- Bạch Thị .....	155
- Một trinh nữ.....	156
- Châu phu nhơn .....	157
- Một tram bài kệ niệm Phật .....	161
- Minh Quả.....	197
- Bản Tuyên .....	199
- Kim Thế.....	200
- Giới Nhiên.....	202

- Chánh Thành .....	204
- Truyền Tánh .....	206
- Giới Tâm .....	207
- Đức Trí .....	209
- Không Tam.....	212
- Kim Trược .....	214
- Đế Nhàn.....	216
- Tịnh Độ Thi.....	219